NAM-PHONG TAP-CHI

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút
PHẠM QUỲNH

Tome X

N°s 55 – 60

JANVIER – JUIN

1922

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi.
1922

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ X (*từ số 55 đến số 60*)

Số 55 — Janvier 1922

Số trang

Chánh-phủ mở quốc-trái 6 triệu đồng để làm đường xe lửa Vinh — Đông-hà. . . 1
Công-thái 6 triệu đồng và tiền-đồ xứ Đông-Pháp. 6
Công-thái 6 triệu 18 vạn đồng. 13
Ba-bề du-ký. 21
Các bậc danh-nho nước ta. VI. 31
Xét nguồn gốc chữ Tàu lúc mới phát-âm ra làm sao. 37
Thổ-địa nhân-dân xứ Bắc-kỳ. 46
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. VI. 58
Tình duyên với lại tình cờ. II. (Hài kịch dịch ở Pháp-văn). 69
Văn-uyển. 81
Thời-đàm. 86
Tập Kỷ-yếu của Hội Khai-trí tiến-đức 89

Số 56 — Février 1922

Tổng-thuật về việc Phái-bộ Bắc-kỳ quan-sát đường xe lửa Vinh — Đông-hà. . . 93
Cuộc thi thơ vịnh bà Trần Thị-Thọ. 100
Bài hát tiễn-hành và lưu-giản. 109
Câu đối hội Khai-trí-tiến-đức. 111
Sứ-hoa nhàn-vịnh VIII. 113
Truyện Kiều gọt. 120
Văn-học-sử nước Tàu. 128
Thổ-địa nhân-dân xứ Bắc-kỳ. 133
Tùng-đàm 139
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-Nam dật-sử VII. 143
Quốc-sử lục thập tứ vịnh diễn ca. 150
Văn-uyển 157
Dư-luận.... 160
Tiểu-thuyết Tây (Truyện con yêu được vợ) 162
Thời-đàm. 165
Tập Kỷ-yếu của Hội Khai-trí-tiến-đức. 168

Số 57 — Mars 1922

Số trang

Lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ 171
Văn học sử nước Tàu 182
Ai-lao hành-trình 189
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử VIII 198
Nữ-huấn-ca 207
Văn-uyển. Tản-văn. — Du Ngạc-tân ký 212
Thơ Trung-kỳ 216
Tiểu-thuyết Tây (Lê Công-Vị hiếu-nữ) (I) 220
Dư-luận 232
Dịch pháp-văn 235
Thời-đàm 238
Tập kỷ-yếu của Hội Khai-trí tiến-đức 249

Số 58 — Avril 1922

Pháp du hành-trình nhật-ký 253
Lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ. II 263
Văn-học-sử nước Tàu III 273
Chính-sách đẳng quá-khích nước Nga biến đổi 208
Lịch-sử trường Thể-dục ở Hà-nội 286
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. IX 290
Văn-uyển 300
Tản-văn. — Văn-chương và nhân-vật trong truyện Kiều 302
Dư luận. — Thượng-lưu 315
Tiểu-thuyết tây (Lê Công-Vị hiếu-nữ). (II) 317
Thời-đàm 324
Tập kỷ-yếu của Hội Khai-trí tiến-đức 330

Số 59 — Mai 1922

Pháp-du hành-trình nhật-ký 333
Lược khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ. III 345
Tiếng An-nam có nghèo không ? 349
Văn-học sử nước Tàu 358
Bàn về hương-chánh 361
Cải-lương phong-tục 365
Hội Khai-trí tiến-đức đối với tiền-đồ Việt-Nam và cái nghĩa-vụ quốc-dân ta đối với Hội ấy 375
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. X 381
Văn-uyển : Tản-văn. — Du Tử-Trầm-sơn ký. — Thơ 392

Số trang

Hài-văn. — Sự lạ 402
Dư-luận : Một cái gương sáng nên soi. 403
Thời-đàm. 404
Tập kỷ-yếu của Hội Khai-trí tiến-đức 409

Số 60 — Juin 1922

Que devons-nous faire pour encourager les poètes et les artistes a cultiver le beau ?. . 1-20
Pháp-du hành-trình nhật-ký. 423
Vấn-đề Ấu-trĩ-viên. 427
Một việc thí-nghiệm nên làm gương cho chúng ta. 437
Lược khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ. IV. 439
Văn-học-sử nước Tàu. 449
Luân-lý đông-phương cận lai bởi sao suy-thoái ?. 453
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. XI 460
Tùng-đàm : Văn có thực thời nước mới hay. 471
Văn-uyển : Thơ lai cảo — Giấc kê vàng. 474
Hài-văn... 481
Dư-luận. — Vấn-đề đúc tượng đồng kỷ-niệm hai bà Trưng vương. 481
Tiểu-thuyết tây : Lê Công-Vị hiếu-nữ. (hết) 583
Thời-đàm. 494
Tập Kỷ-yếu của Hội Khai-trí tiến-đức. 503

Quan Thống-chế JOFFRE vào thăm Hội Khai-trí

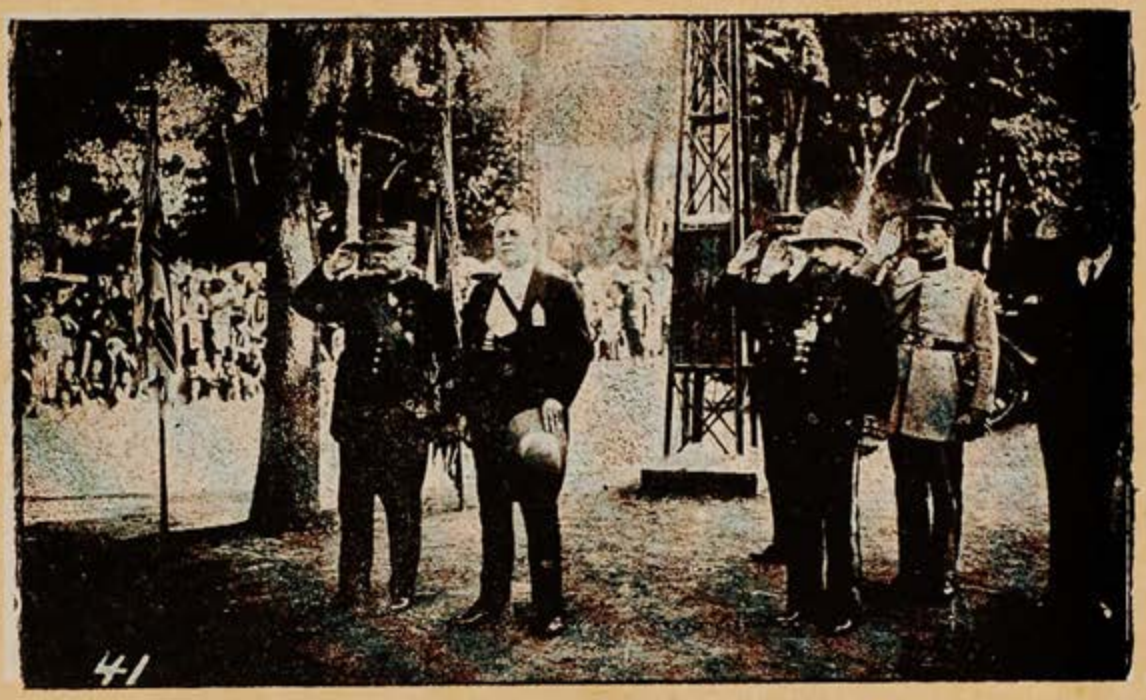

Quan Thống-chế, quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ
đứng trước cửa nhà Hội nghe bài nhạc « Quốc-ca » thổi mừng

Các quan-viên Hội sau khi tiễn quan Thống-chế ra

N° 55 Janvier 1922

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÁNH-PHỦ MỞ QUỐC-TRÁI 6 TRIỆU ĐỒNG

ĐỂ LÀM ĐƯỜNG XE-LỬA VINH-ĐÔNG-HÀ

Khuyên Quốc-dân nên vui lòng mua vé cho đông

I

Thơ trường-thiên cổ-thể

Ba kỳ liên-lạc như một nhà,
Giao-thông cần nhất đường hỏa-xa.
Công-thải định vay sáu-triệu bạc,
Để làm nốt đường Vinh-Đông-hà.
Mỗi phiếu định là năm-chục bạc,
Giúp Nhà-nước vay là giúp ta.
Thu từ mồng-một tháng ba tây,
Là tháng hai ta ngày mồng-ba.
Hai mươi tháng ba tây hết hạn,
Đua nhau mua phiếu ai chẳng là.
Hạn trong ba-mươi năm trả lại,
Gốc lại hoàn-nguyên lãi tăng-gia.
Mỗi năm có bốn kỳ rút sổ,
Trúng sổ được lấy tiền ngay ra.
Sổ nhất hàng vạn, nhì nghìn bạc,
Ai trúng sổ ấy lãi hằng-hà!
Lại còn những sổ năm-trăm bạc,
Trúng ra cũng lãi gấp năm ba.
Lại còn hơn nghìn sổ trăm bạc,
Cũng được lãi bội-nhị đó mà.
Vả lại trái-phiếu tính bằng bạc,
Tiệt-thôi chẳng ngại nỗi lo xa.
Trái-phiếu tức là tập giấy bạc,
Chắc-chắn hơn văn-tự trình tòa.

Hoặc đem ký-quĩ tại kho-bạc.
Làm việc thầu-khoán sinh lợi ra.
Hoặc đem đổi-trác tại thị-trường,
Thông-đồng giao-dịch chẳng sai-ngoa.
Ấy ích cho ta mà ích nước,
Đôi đường nghĩa lợi thiệt chi mà.
Hỡi đồng-bào ta người thức-giả,
Ai chẳng sẵn lòng vì nước nhà.
Tiền mua được lợi được danh-giá,
Còn hơn bỏ tủ bỏ hòm da.
Mau mau mua phiếu giúp việc nghĩa,
Nhà-quê kẻ-chợ quốc-dân ta!

II

Hát nói trường-thiên

(45 câu, 23 khổ phách)

Sự công-thải, ai ôi, nên tính trước,
Tính đôi đường lợi nước lợi cho dân.
Khua hồi chuông công-chúng lắng xa gần,
Cuộc công-thải chắc về phần công-sản, công-tâm, công-tài, công-nghĩa.
Nền phú-quốc muôn vàn khôn xiết kể,
Sự giao-thông thiết-lộ kể làm đầu.
Núi thì hang, đèo thì dốc, suối thì cầu,
Đồi non nước khi-khu làm đất phẳng.
Kim-sơn Nữu-ước nhàn lai-vãng,
Bì-đắc Xâm-uy lợi chuyển-thâu.
Ngẫm mà xem trên mặt địa-cầu,
Nước nào kém chưng-khái cơ-xa mà phú-thịnh?
Cối Đông-Pháp tự Đông-hà ra Vịnh,
Một con đường Trung Nam Bắc giao-thông.
Sự nên làm chi dám quản-công,
Cho mạch máu con tràng-xà hoạt-tiếp lưu-thông trên Á-lục.
Song *thiên-lý nguyên phi nhất súc*
Công-quả này mong nước lại mong dân.
Ngỏ mấy lời công-thải ân-cần,
Cuộc tài-chính hãy một lần đem thí-nghiệm.

Bạc sáu-triệu tính ra chi kém,
Năm-mươi đồng một phiếu có là bao.
Khi hoàn-ngân sổ rút tiền trao,
Sổ lớn nhất trông vào đà kể vạn.
Tính sau trước ba-mươi năm là một hạn,
Năm bốn lần rút sổ lãi nghìn phân.
Danh đã thơm, nghĩa đã trọn, mà lợi cũng gần,
Danh nghĩa lợi mười phần vẹn cả.
Dân bản-xứ kia ai đó tá,
Đem tiền mình mà dóng-dà việc mình.
Tưởng đến đường kinh-tế cạnh-tranh,
Thời đồng bạc tấy đinh coi cũng nhỏ.
Dân ta tựa bóng cờ Bảo-hộ,
Trên đầu thời Kim-thượng thánh-quân.
Nghĩ sao cho phải đạo làm dân,
Huống công-thải lại là phần công-ích.
Thương-chiến trường trung phi tịch-mịch,
Hoàng-kim tiền lộ khởi vi-mang.
Bắc thang mây lên cõi phú-cường,
Xe lửa chạy cũng nhanh-nhậy nhẹ-nhàng
như gió.
Quyền-lợi đó ai ơi hi-vọng đó!
Ở trong còn hằng-hà sa-sô những điều hay.
Mua danh mua nghĩa là đây,
Bỏ tiền mua phiếu phen này là cao.
Lợi chung tính lợi còn nhiều!

III

Ca lục bát

Đầu năm nhâm-tuất tháng hai,
Mở ra công-thải cuộc này ích chung.
Làm đường xe-hỏa cho thông,
Đông-hà chạy suốt Nam Trung Bắc-kỳ.
Tính ra phí-khoản nặng-nề,
Của chung sáu triệu giúp thì mới xong.
Mỗi phiếu là năm-chục đồng,
Tiền mình lại để làm công-việc mình.
Bỏ tiền mua nghĩa mua danh,

Lại mua được lợi trăm thành nghìn phân.
Mỗi năm rút sô bốn lần.
Ba-mươi năm hạn hoàn-ngân trả dần.
May ra vận đỏ đầu xuân,
Sô to trúng được nguyên-ngân *vạn đồng.*
Hàng nghìn lãi gấp mấy trùng,
Hàng *năm-trăm* bạc lãi chồng gấp năm.
Tiền nằm lãi nẩy *hàng trăm,*
Nhất thành bội-nhị chắc cầm trong tay.
Lợi hơn đặt lãi cho vay,
Mà lòng công-nghĩa việc này lại nên.
Nào ai bạc vạn tiền nghìn,
Hương-thôn điền-chủ thị-chiến phú-ông.
Nào ai sẵn của sẵn lòng,
Đông-kinh đại-cổ Hải-phòng cự-thương.
Tứ-dân trong xứ đồng-bang,
Sao cho nghĩa lợi đôi đường vẹn hai.
Sẵn lòng nghĩa-vụ, ai ơi!
Công-tâm phải có công-tài mới nên.
Giúp đường công-ích vẹn tuyền,
Được lời công-trái ấy quyền công-dân.
Công tư vẹn cả mười phân,
Vì mình vì nước còn ngần-ngại chi.
Con đường kinh-tế ba kỳ,
Mở ra mối lợi cũng vì của chung.
Sớm đi mua phiếu cho đông,
Dịp may dịp tốt ta cùng bảo nhau.
Ai ơi! hỡi bạn đồng-bào!

IV

Thơ tứ - tuyệt

1

Chính-phủ ra tay khéo mở-mang,
Ba kỳ chạy suốt một con đường.
Giao-thông mong rộng đường công-lợi,
Công-thải nên gom của thập-phương.

2

Tứ-dân ta phải nghĩa sao đây?
Vì nghĩa mà ra lợi thầy ngay!
Năm-chục bỏ ra mua một phiếu,
Có nghìn có vạn chắc trong tay.

3

Của dân làm ích lợi cho dân,
Việc nghĩa dân ta phải đỡ-đần.
Kinh-tế sau này thêm mở rộng,
Ba kỳ liên-lạc mối tình thân.

4

Của đời ích lợi nghĩa cùng chung,
Chớ có bo-bo tính lạng đồng.
Bỏ của mua danh mua được lợi,
Còn hơn thắt túi bỏ tiền không.

V

Thơ thất-ngôn

1

Mở-mang đường ích-lợi cho dân,
Khuyên nhủ ai ơi phải đỡ-đần.
Sáu triệu cùng gom tiền vị nghĩa,
Bốn kỳ lại mở sổ hoàn-ngân.
Năm mươi vốn trước không là mấy,
Nghìn vạn lời sau chắc có phần.
Chẳng những ích mình thêm lợi nước,
Đường thông Nam Bắc hóa nên gần.

2

Đôi đường nghĩa lợi tính mà suy,
Nhà-nước vì dân có quản gì.
Thu phiếu công-ngân vừa sáu triệu,
Chạy đường xe hỏa suốt ba kỳ.
Đã lòng vì nước danh còn mãi,
Lại ích cho mình lợi thiêu chi.
Nhắn-nhủ đồng-bang người thức-giả,
Phen này mua phiếu sớm ngay đi!

NAM-PHONG

CÔNG-THẢI 6 TRIỆU ĐỒNG

VÀ

TIỀN-ĐỒ XỨ ĐÔNG-PHÁP

Quan Toàn-quyền LONG mấy lần diễn-thuyết ở Hội-đồng Chính-phủ có nói một câu rằng :« Đông-Pháp là một cái Quốc-gia đương thành-lập » (*L'Indochine est un Etat en voie de devenir*). Ngài lại nói rằng : « Người dân Đông-Pháp sẽ có tư-cách công-dân » (*citoyen indochinois*). Những lời ấy có ý-nghĩa sâu-xa thế nào, phàm người trí-thức trong nước, chắc ai cũng đã hiểu.

Thế nào gọi là m ột quốc-gia ? Quốc-gia là một cái đoàn-thể chính-trị có đủ sức tự kinh-doanh, tự sinh-hoạt lấy, không phải mong nhờ, không phải trông cậy ở ngoài. Thế nào gọi là công-dân ? Công-dân là người dân được tham-dự chính-sự, phải gánh vác việc công.

Muốn cho quốc-gia thành-lập, phải có quốc-dân xứng-đáng. Quốc-dân xứng-đáng là đối với quốc-gia phải làm hết nghĩa-vụ. Đầu các nghĩa-vụ là phải sốt-sắng mà lo-nghĩ đến sự lợi-ích chung cho cả nước, ra công giúp-giập cho nước mỗi ngày một mở-mang, thịnh-vượng, phú-cường thêm lên.

Cái thâm-ý của quan Toàn-quyền LONG là muốn gây cho cõi Đông-Pháp thành một quốc-gia, và người An-nam ta thành những công-dân xứng-đáng.

Nay ngài mới bắt đầu thi-hành chánh-sách ấy, mở ra cuộc công-thải 6 triệu đồng này, người An-nam ta đối với cuộc công-thải này thế nào, thật là có quan-hệ to đến cái tiền-đồ của quốc-gia Đông-Pháp vậy.

Các báo hằng ngày đã nói nhiều về cách-thức cuộc công-thải này cùng sự lợi-ích cho người mua vé thế nào. Dưới này rồi cũng sẽ nói tường về những sự lợi-ích ấy, vì không phải là sự lợi-ích nhỏ. Nhưng các bạn đọc của bản-chí hầu hết là những người có học-thức, hay suy-nghĩ, thấy Chính-phủ cử-hành một việc gì cũng muốn xét cho rõ nguyên-nhân kết-quả việc ấy thế nào, cùng việc ấy lợi-hại cho đồng-bào tổ-quốc thế nào. Sự suy-xét ấy là chánh-đáng lắm, vì có thế mới ra tư-cách người công-dân có ý-thức. Mục-đích bài này là muốn để giúp cho sự suy-xét đó. Vậy sau đây xin bàn về cuộc công-thải ra ba phương-diện như sau

này: một là phương-diện chính-trị, hai là phương-diện kinh-tế, ba là phương-diện lợi-ích riêng của mỗi người.

***

Nói về phương-diện chính-trị thì quan Toàn-quyền mở ra cuộc công-thải này trước là để thử xem dân An-nam ta đã có tư-cách một quốc-dân xứng-đáng chưa. Đã gọi là quốc-dân hay là công-dân thời vừa có quyền-lợi, vừa có nghĩa-vụ. Nhưng muốn cho thi-hành những quyền-lợi ấy được xứng-đáng thì trước phải làm hết những nghĩa-vụ này cho trọn-vẹn. Đầu các nghĩa-vụ ấy, như trên kia đã nói, là phải nghĩ đến sự lợi-ích chung cho nước. Người Nam ta không phải là không có lòng yêu nước, nhưng xưa nay yêu nước tức là trung với vua. Lòng trung vua vẫn là hay lắm, vì đó là gốc xã-hội nước nhà. Nhưng mà trung vua đã đành, lại còn phải có lòng nhiệt-thành về việc công-ích cho cả quốc-dân, cho cả đồng-bào nữa. Nay sẵn-sàng có dịp đây, ta nên tỏ cho Chánh-phủ biết rằng ta cũng có lòng nhiệt-thành đó, và Chánh-phủ đã cần đến ta để mở-mang cho nước nhà được thêm giàu-thịnh, ta sẽ không quản công quản của mà hết sức giúp cho thành công.

Cuộc này chẳng qua là một sự thí-nghiệm lần đầu. Sự thí-nghiệm này mà thành thì đủ chứng rằng cõi Đông-Pháp có đủ tài đủ sức lập-thành một quốc-gia hoàn-toàn cùng dân An-nam có đủ tư-cách làm được những công-dân xứng-đáng.

Trước kia những công-trình lớn của Chính-phủ khởi-xướng ra là tự Chính-phủ kinh-doanh lấy, người dân chỉ biết cái phận làm dân theo lối cổ, nghĩa là giữ phép và đóng thuế mà thôi. Nay ngoài cái nghĩa-vụ đóng thuế, dân đã được cái quyền-lợi cử đại-biểu ra nơi hội-nghị để tham-dự bàn-bạc việc nước, nghĩa là xem xét cái cách Chính-phủ tiêu dùng tiền công để làm việc công-ích thế nào. Đó là một cái ơn to của hai quan Toàn-quyền SARRAUT và LONG đã ban cho dân ta, vì chính hai ngài đã lập ra các Hội Tư-vấn ở các xứ Đông-Pháp. Nay quan Toàn-quyền LONG lại muốn ban cho ta một cái quyền-lợi nữa: là cái quyền-lợi được tham-dự một phần to vào những công-trình lớn mà Chính-phủ khởi-hành để mở-mang các tài-nguyên cho bản-xứ. Cai-trị một nước cũng như là quản-lý một cửa hàng; trong cái cửa hàng Đông-Pháp ta,

từ trước đến nay các công việc buôn bán ta đều phó mặc ở tay một ông tài-phú, tức là Chính-phủ Đông-Pháp, lỗ lãi thế nào, ta không được rõ. Nay ông tài-phú rộng lượng, muốn cho cả các khách cổ-đông lớn nhỏ, là nhất-ban quốc-dân ta, đều dự biết đến công-việc trong cửa hàng, lại khi nào định kinh doanh một việc gì to-tát, phải cần gọi đến vốn nhiều, muốn cho nhất-bạn nhân-dân đều được hưởng phần lợi-ích. Chính-phủ kỳ này mộ công-thái sáu triệu đồng, tức là nhà hàng Đông-Pháp gọi vốn để mở-mang cho to-tát thêm ra và mời rộng cho cả quốc-dân được dự phần hưởng lợi.

Chính-phủ đã cho ta được cái đặc-quyền như thế, ta há lại nên bỏ hay sao? Ta nên tỏ cho Chính-phủ biết rằng phàm việc gì Chính-phủ muốn cùng ta đồng-tâm cộng-tác thời việc ấy phải thành-công, như thế chắc từ nay về sau Chính-phủ sẽ vui lòng mà phàm các việc lớn nhỏ đều cho dân ta tham-dự hết cả; đó chẳng phải là một cái kết-quả hay về đường chính-trị dư?

Việc công-thái này chính là một cách Chính-phủ thử cái tư-cách tham-chính của dân ta, được hay hỏng có quan-hệ đến cái tiền-đồ chính-trị to lắm. Được ư, thì rõ rằng dân ta đã có bụng công-tâm, biết đem hằng-tâm hằng-sản mà giúp vào việc lợi-ích chung, vậy thời có thể cho mỗi ngày một rộng quyền tham-dự vào việc nước. Hỏng ư, thời rõ rằng dân ta hãy còn chưa thoát khỏi những thói nhỏ-nhen tự-tư tự-lợi là cái thói thường của các dân còn âu-trí, mỗi người chỉ biết cái lợi riêng một mình ở trước mắt, không nghĩ đến cái lợi chung cả nước về sau này, như thế thời chưa biết đến bao giờ mới thi-hành được cái quyền tham-chính là quyền quí-báu nhất của các dân-tộc văn-minh đời nay.

Ấy cuộc công-thái này có ảnh-hưởng về đường chính-trị sâu-xa như thế. Không những thế, mà lại còn là một cái vấn-đề danh-dự cho dân ta nữa; người thức-giả phải nên hiểu rõ vậy.

. . .

Nhưng mà sự ảnh-hưởng về chính-trị, sự quan-hệ cho danh-dự sánh với sự lợi-ích về đường kinh-tế, thật chửa thấm vào đâu. Sự ích-lợi này mới thiệt là to-tát

Chính-phủ mở cuộc công-thải này là vị một cái mục-đích rõ-ràng: để lấy tiền làm nốt khúc đường xe lửa từ Vịnh tới Đông-hà. Xe lửa ích-lợi chung cho đường kinh-tế thế nào, xe lửa từ Vịnh tới Đông-hà ích-lợi riêng cho sự mở-mang bản-xứ thế nào, các ngài đọc báo là những bậc trí-thức đã thừa biết cả rồi, bản-chí tưởng không cần phải nói dài làm chi cho phiền. Vậy chỉ xin nhắc lại về mấy khoản lợi-ích riêng cho mỗi xứ trong ba-kỳ ta thế nào.

Khúc xe lửa Vịnh-Đông-hà tuy là ở về địa-phận Trung-kỳ mà lợi-ích quân-chiếm cho cả Nam, Bắc-kỳ.

Ai cũng biết rằng xứ Bắc-kỳ có miền trung-châu là đất đồng-bằng, ruộng tuy nhiều mà người lại nhiều hơn nữa, lại thêm những thiên-tai lụt-hạn, khiến cho đường sinh-nhai ngày một khó-khăn, thật là trong dân-gian có cái hoạn « nhân-mãn ». Người nhiều quá mà đất không đủ nuôi người, người tất phải đói rét. Bởi thế nên những năm lụt hạn mất mùa, đầy đường đầy chợ thấy những người mặt lép má deo, mình gầy mắt lõm, chỉ vì thiếu mấy bát cơm gạo hầm để nuôi lấy cái sức làm ăn. Trái lại thời ở trong xứ Nam-kỳ phong-phú kia, đất lại nhiều, người thì ít, mà đất thế nào? toàn là những đất phì-nhiêu có một, phần nhiều còn cỏ hoang bụi rậm, chỉ đợi có tay người khai-phá là giây phút biến thành đồng rộng mênh-mông. Đất Nam-kỳ chia ba chỉ mới có một phần là khai-khẩn, mà phần ấy cũng đã thừa đủ để cung nuôi ba bốn triệu con người một cách rất phong-hậu. Còn hai phần kia, Tạo-vật định để dành cho ai đó? Cứ lẽ quân-bình tự-nhiên, không có thể trong một cõi đất liền, cùng một giống người ở, miền Nam có thừa đất bỏ hoang, miền Bắc có thừa người chết đói, mà đất Nam không thể để cho người Bắc cày-cấy, người Bắc không thể vào được trong Nam sinh-nhai, như thế thì thực là trái ngược quá lắm vậy. Bởi sao mà sinh ra sự trái-ngược như thế? Bởi đường-đất xa-xôi, non-sông cách-trở, người xứ Bắc mà đi xuống miền Nam, phải vượt bể xa khơi, như người xuất-dương sang nước khác vậy. Nhưng mà nhờ khoa-học đời nay, đất liền có thể rút ngắn lại được, sông rộng bắc cầu, núi cao xẻ rỗng, chỉ có hai cái thôi sắt song-song bất-tuyệt kia mà nghìn

dặm thu lại trong mấy giờ, Bắc Nam hiệp lại làm một cõi. Từ khi Đại-Pháp sang thông-lĩnh cõi Đông-dương, các quí-quan cầm quyền thông-trị, đã từng chú-ý đến sự này. Quan Toàn-quyền DOUMER là người đầu tiên xướng ra đặt một đường xe lửa chạy suốt bán-đảo tự giáp-giới Tàu cho đến vịnh Xiêm-la. Các quan Toàn-quyền sau đều tuần-tự, theo một cái chương-trình ấy, mà dần dần đã làm được mấy khúc lớn, trên từ Hà-nội đến Vinh, dưới từ Sài-gòn đến Nha-trang, giữa từ Đông-hà (Quảng-trị) đến Hàn (Tourane) qua Kinh-đô Huế; bây giờ chỉ còn ngoài mội đoạn từ Tân-ấp (khỏi Vinh) đến Đông-hà, trong từ cửa Hàn đến Nha-trang, là chưa làm xong, hễ xong được thời cái công-trình vĩ-đại của Chánh-phủ Pháp ở cõi này là cái đường « Đông-Pháp đại-tục-thiết-lộ » (*le Transindochinois*) kia sẽ hoàn-thành vậy. Nhưng mà công-trình vĩ-đại, phí-khoản cũng phải vĩ-đại. Nếu cứ lấy vào những thường-khoản thâu-nhập hàng năm, thì năm thừa vô-kỷ, năm thiếu lấy đâu, không biết mấy mươi năm-đời cho con đường thiết-lộ vĩ-đại kia hoàn-thành được, mà trong khi ấy thì đất Nam-kỳ vẫn bỏ hoang, dân Bắc-kỳ vẫn chết đói, cõi đại-lục nước Việt-Nam vẫn phân ra làm Bắc, Nam đôi ngả, xa cách nghìn trùng! Bởi thế cho nên Chính-phủ mới phải mộ công-thái để làm nốt cho xong hai khúc đường đó. Công-thái sáu triệu này chính là để làm khúc bên ngoài từ Tân-ấp đến Đông-hà.

Ấy là nói về sự lợi-ícy lâu-dài to-tát cho hai xứ Nam-kỳ Bắc-kỳ về sau này. Nay nói riêng về sự lợi-ích cận-tiếp ngay cho xứ Trung-kỳ bây giờ và riêng cho một miền mấy tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị là nơi sắp đặt đường sắt nay mai. Sự lợi-ích ấy cũng không phải là nhỏ. Suốt miền từ phía Nam Nghệ-an, đến phía Bắc Quảng-trị, xưa nay sở-dĩ không mở mang phát-đạt ra được, không phải là không có người

không có đất, không có lâm-sản, thổ-sản nhiều, như một khoảng lưu-vực sông Hương-khê thực là nơi đất tốt có tiếng; chỉ vì giao-thông không tiện, nên như bị giam-hãm bí-tắc mà thành ra nghèo khó tiêu-điều. Nay đặt xong đường sắt, xe lửa chạy thông, thì miền này trở nên trù-mật dễ lắm. Đó là sự lợi-ích nhỡn-tiền nay mai trông thấy ngay. Không kể còn sự lợi-ích tương-lai, là khi nối được đường xe lửa này cho đến sông Cửu-long, thì cả miền Thượng-Lào (phần trên đất Ai-lao) sẽ trực-tiếp ra bể và ra Bắc-kỳ được, vùng này sẽ thành một nơi thị-trường rất thịnh-vượng cho các sản-vật Ai-lao.

Mấy năm nay người Nam kẻ Bắc đã dần dần quen biết nhau; nhiều người thức-giả xướng lên cái chủ-nghĩa Tam-kỳ-liên-lạc, đồng-chủng-tương-thân. Muốn buộc cái dây liên-lạc, muốn gây cái mối tương-thân, không gì bằng đường giao-thông tiện-lợi, người ba xứ đi lại với nhau được thông-đồng, không cách-trở. Như thế thì cuộc công-thải này là chủ để làm nốt đường xe-lửa Vinh — Đông-hà, thực là có quan-hệ to đến cái tình thân-ái của người Nam-Việt ta. Vậy thời không những về đường chính-trị, đường kinh-tế, mà lại về đường cảm-tình của người trong một nước cuộc công-thải này cũng là một việc hay, quốc-dân ta nên gia sức giúm-giúp vào cho thành-công vậy.

∴

Trở lên là nói về những lẽ chung cho cả quốc-dân, cả xã-hội. Mỗi người ta trong xã-hội là một phần-tử của xã-hội, vậy phải nghĩ đến sự lợi-ích chung cho cả đoàn-thể mình. Những sự lợi-ích ấy thế nào, trên kia đã kể rồi. Giúp vào sự lợi-ích chung ấy là nghĩa-vụ của mỗi người đối với nước. Đó là phần *nghĩa*. Nhưng mà việc nghĩa, tuy ai cũng biết là hay

là phải, là nên làm, song nghĩa-vụ suông có lẽ không cầm người ta được mạnh lắm. *Nghĩa* phải có *lợi* nữa, mới dễ giục người ta vui lòng mà làm. Cuộc công-thải sáu triệu bạc kỳ này chính là một việc nghĩa kiêm lợi, nghĩa-lợi gồm hai, mà phần lợi-ích riêng cho mỗi người không phải là nhỏ. Dưới này sẽ kể tường về từng khoản lợi-ích cùng những cách-thức mua vé thế nào ; đây chỉ xin nói qua cho các độc-giả được rõ.

Kỳ công-thải này có nhiều tính-cách khác các kỳ quốc-trái trước. Các kỳ trước là Chính-phủ Đại-Pháp vay dân Đông-Pháp mà vay bằng quan tiền tây, giá tiền tây khi cao khi hạ, người mua phiếu hoặc có khi thiệt-thòi. Kỳ này thời là Chính-phủ Đông-Pháp mộ công-thải ngay trong bản-xứ mà bằng bạc Đông-Pháp, không có sợ gì về nỗi thời-giá bất-đồng. Đó là sự tiện-lợi thứ nhất.

Công-thải lại đặt theo lối riêng, là lối rút sổ, mỗi năm 4 kỳ rút, mỗi kỳ rút tới 10 30 sổ, trúng vào sổ ai thì người ấy được nhiều đến một vạn đồng (10,000 $), ít cũng một trăm (100 $), nghĩa là gấp hai số tiền vốn, cứ thế trong ba-mươi năm càng lâu càng chắc, vì càng lâu ngày số còn lại càng ít mãi đi, có thể mong được trúng hơn là ngay lúc đầu. Người nào không may trong ba-mươi năm, mỗi năm bốn kỳ đều không được trúng cả, thì đến cuối ba-mươi năm cũng được lĩnh một trăm đồng, nghĩa là một gấp đôi, không đến nỗi thiệt-thòi gì. Còn những người khác may ra thì đặt vốn có 50 $ mà trúng bạc vạn tiền nghìn trông thấy. Đó cũng là một cách đầu-cơ mà chắc-chắn biết bao nhiêu. Ấy là sự lợi-ích thứ nhì.

Còn một sự lợi-ích nữa, là trái-phiếu có thể buôn đi bán lại được, gửi cầm nhà Băng, ký-quĩ kho-bạc được, cũng tỉ như tờ giấy bạc không khác gì, mà giá lại mỗi ngày một cao lên, chớ không kém đi; người nào

trong tay có tập trái-phiếu, tức là cầm một tập giấy bạc, để vào đâu cũng có tiền.

Ấy là không kể những cách thức mua phiếu, lĩnh tiền, giao biên-lai, phát chính-phiếu, đều tiện-lợi hơn mấy lần trước không có chút phiền-nhiễu gì cả.

∴

Nói tóm lại, cuộc công-trái này xét về đường chính-trị, đường kinh-tế, đường lợi-ích riêng cho người mua phiếu, đều có ảnh-hưởng to, có kết-quả lớn, thật là một việc nghĩa-lợi kiêm-toàn, đối với tiền-đồ cả toàn-xứ cùng hạnh-phúc của từng người, đều có nhiều sự lợi-ích lâu-dài chắc-chắn.

Vậy thời, hỡi người thức-giả trong ba kỳ, nên vui lòng mà mua phiếu cho đông, thì ích cho nước mà lợi cho mình, lợi cho mình có cơ trở nên giàu có, ích cho nước có dịp mở-mang phát-đạt.

NAM-PHONG

CUỘC CÔNG-TRÁI 6 TRIỆU 18 VẠN ĐỒNG

(Do đạo luật của Nghị-viện ngày 20 Juin 1921 và sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 8 Octobre 1921 chuẩn cho phép phát-hành)

Vay bao nhiêu ? — Vay để làm gì ?

Chánh-phủ Đông-Pháp mở cuộc công-thải vay **sáu triệu mười tám vạn đồng bạc.**

Tiền vay để làm nốt đường xe-hỏa từ Vinh tới Đông-hà (địa-phận Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị).

Cách vay

Cuộc công-thải này chia làm 123.600 phiếu, mỗi phiếu định-giá nhất-định là 50 đồng.

Tiền cho vay trong hạn ba-mươi năm thì trả lại. Mỗi năm dùng cách rút-số mà hoàn-ngân cho 4.120 phiếu, mỗi số lĩnh được hoặc 100, hoặc 500, hoặc 1000, hoặc 10.000 đồng.

Mỗi năm rút-số bốn kỳ, mỗi kỳ cách nhau ba tháng, những số được trúng kể như sau này :

Hai kỳ về mồng 1 tháng 6 và mồng 1 tháng 12 tây, mỗi kỳ là :

1 số trúng được	10.000 $	00
1 số trúng được	1.000	00
12 số trúng được	500	00
1016 số trúng được	100	00

cộng là 1030 số

Hai kỳ về mồng 1 tháng 3 và mồng 1 tháng 9 tây, mỗi kỳ là :

4 số trúng được	1000 $	00
26 số trúng được	500	00
1000 số trúng được	100	00

cộng là 1030 số

Thành ra mỗi năm được 4.120 phiếu trúng số, được lĩnh tiền về, nghĩa là :

2 số lĩnh được 10.000 đồng, cộng là	20.000 $	00
10 số lĩnh được 1000 đồng, cộng là	10.000 $	00
76 số — 500 đồng, cộng là	38.000	00
4.032 số — 100 đồng, cộng là	403.200	00
mỗi năm tổng cộng : 4.120 số, lĩnh tất cả là	471.200 $	00

Mua phiếu được những ích-lợi gì ?

Trong hạn 30 năm, những người mua phiếu đã được lấy tiền vốn về mà lại còn được lợi về sự trúng số ; số lợi ấy tổng-cộng là **7.955.000 đồng.**

Những một khoản tiền trả cho người trúng những số hơn 100 đồng, mỗi năm đã đến 68.000 đồng, thật bên Âu-châu không có bao giờ mộ công-thải bằng cách rút số mà cho được lời to như thế.

Các phiếu công-thải này, không hạn là phiếu nào, trước sau đều được lấy lại cả vốn cả lời ít nữa là 100 đồng. Vậy thì mỗi phiếu, chắc rằng sao cũng phải được số bạc ấy, thành ra ăn lợi được 50 đồng, chính là cho vay một lời một.

Một điều cốt-yếu phải nên chú-ý

Mỗi kỳ rút số rồi thì số phiếu bớt đi 1.030 cái, thành ra càng ngày càng ít số phiếu mà những người còn về sau lại càng chắc phần trúng hơn người trước. Thành ra giấy phiếu, từ lúc phát-hành cho đến hạn 30 năm, cứ tự-nhiên mà càng ngày càng cao giá lên. Nay thử thi-dụ về năm cuối cùng là năm thứ ba-mươi thì thế nào. Đến năm này, thì còn có 4120 phiếu dự vào cuộc rút số mà thôi. Mỗi kỳ rút số về năm ấy có 1030 số được trúng nữa, mỗi số được lĩnh về ít nữa là 100 đồng. Thế thì kỳ thứ nhất trong 4 số, trúng được một số ; kỳ thứ nhì trong 3 số trúng được một số ; kỳ thứ ba trong hai số trúng được một số, đến kỳ chót thì số nào không trúng cũng được lĩnh về 100 đồng, mà trúng thời được nhiều hơn. Càng cận - kỳ rút số cuối cùng chừng nào, thì giá phiếu càng cao dần đến 100 đồng, mà rồi lại còn cao hơn nữa, là vì còn có thể mong trúng số bạc to hơn.

Lại một điều nữa phải nên chú-ý.

Điều này là hệ-trọng lắm. Giá phiếu đã mỗi năm một cao lên như thế thì chẳng cần gì phải đợi trúng số, cũng được lợi. Nếu mình có cần dùng tiền thì cứ đem phiếu mà bán lại, ắt là bán được tiền hơn lúc mới mua, vì giá phiếu mỗi năm mỗi cao hơn giá năm trước. Về phần người mua lại ấy thì đã được mong trúng số lấy nhiều tiền, mà phiếu cầm trong tay lại càng ngày càng cao giá, chẳng cần đợi trúng số, đem phiếu ấy bán lại, thì cũng có lời. Ấy trong hạn 30 năm, những phiếu chưa trúng số, cũng dùng làm một món tiền đặt lãi tạm-thời được, rất chắc-chắn, để mà chờ ngày trúng số. Vậy thì, ai có bạc sẵn trong tay cũng nên mua phiếu công-thái này, có thể giữ phần chắc trúng hàng nghìn hàng vạn, mà có bán lại thì cũng là có lời.

Sẽ đặt ra chợ để mua bán các trái-phiếu.

Muốn các phiếu công-trái mua đi bán lại cho dễ thì phải có một nơi thị-trường. Chỗ thị-trường ấy sẽ tùy theo sự mua bán mà định giá các phiếu. Giá ấy mỗi ngày mỗi công-cáo rõ ràng cho những người mua phiếu và bán phiếu khỏi bị lầm bị thiệt.

Hết hạn mộ-trái rồi thì nội trong tháng sau, Chính-phủ sẽ đặt thị-trường trong các chi-điểm nhà Băng Đông-Pháp, giao cho mấy viên quản-lý các chi-điểm ấy phải đứng mà bán và mua phiếu cho mọi người, mỗi ngày cái giá mua bán cao hạ thế nào, Chính-phủ sẽ dung đủ các phương-cách mà truyền rao cho thiên-hạ biết.

Mua phiếu công-trái này cũng là một chước để sau dễ vay tiền. — Thí-dụ như một người có phiếu nhiều, thình-lình có việc dùng tiền gấp, mà lại không muốn bán phiếu đi vì sợ mất phần trúng được nghìn được vạn. Có khó gì. Cứ đem phiếu ấy ra nhà Băng Đông-Pháp mà cầm, nhà Băng sẽ cho vay tám-mươi phần trăm (80o/o) nghĩa là mỗi phiếu lúc đầu cầm được 40 đồng, dần dần sau phiếu cao giá rồi thì có thể cầm nhiều tiền hơn. Chính-phủ sẽ điều-đình với nhà Băng cho những người đem cầm phiếu công-trái vay tiền được nhẹ lãi, mỗi năm chỉ lấy lãi có 6 phân mà thôi, nghĩa là một trăm đồng mất lãi có 6 đồng.

Phiếu cầm tại nhà Băng như may mà trúng số, thì số trúng ấy cũng vẫn là của người cầm, nhà Băng không được lấy. Như thế thì phiếu công-trái Đông-Pháp cũng tỉ như là một chữ ký thứ hai, đứng mà bảo-lĩnh cho người chủ phiếu đến nhà Băng mà vay tiền. Vì lệ thường vay tiền ở nhà Băng cần phải có hai chữ ký.

Điều này các nhà thầu-khoán nên chú-ý riêng

Phiếu công-trái này có thể dùng làm tiền ký-quĩ tại các sở kho-bạc được. Nhất là những nhà thầu-khoán lĩnh-trưng các công việc cho chính-phủ Đông-Pháp nên chú-ý lắm, nộp tiền ký-quĩ bằng giấy công-trái, đừng nào công việc hoàn-toàn rồi, lấy lại không phải chịu thiệt gì cả. Vì phiếu tính bằng số bạc Đông-Pháp không có sợ khi cao khi hạ. Lại còn có điều này hay hơn nữa, là trong khi phiếu ký ở nhà kho-bạc giá tự-nhiên càng ngày càng cao lên và trong lúc ấy may có trúng số mình cũng vẫn được trúng. Vì nếu có phiếu nào ký tại nhà kho-bạc được trúng số 100, hay 500, hoặc 1000, hay là 10.000 đồng, thì chủ phiếu cứ đến nhà Băng mua phiếu khác, rồi đem đến kho-bạc đổi lấy phiếu trúng số đem về mà lĩnh tiền.

Cách rút số thế nào?

Trong 123.600 phiếu Chính-phủ sẽ phát ra phiếu nào cũng biên số. Mỗi số biên ra một mảnh giấy thật bền, rồi bỏ vào một cái ống bằng thiếc *Aluminium*. Bao nhiêu ống đều bỏ vào một cái máy hình như bánh xe, làm bằng đồng, mặt bằng kính trắng, trông vào thì thấy rõ các ống. Cái máy ấy sẽ quay tròn tít đi để chộn các ống cho lẫn-lộn nhau.

Lúc rút số thì rút ra từng ống, rồi lấy giấy trong ống ra mà xướng to số lên.

Mỗi năm rút số bốn kỳ, mồng một tháng ba tây, mồng một tháng sáu tây, mồng một tháng chín tây, và mồng một tháng chạp tây. Rút số tại Hà-nội, ai

muốn vào xem cũng được, có quan Giám-đốc tài-chính và nhiều các quan tây và quan An-nam đến chứng-kiến.

Rút số rồi thì Chính-phủ sẽ lập-tức dùng hết các phép công-cáo mà truyền rao số trúng ra cho thiên-hạ được biết, nhất là yết-thị tại các cửa nhà Hội và đình làng. Mỗi kỳ rút số thì cũng đăng luôn những số đã trúng kỳ trước, mà người trúng chưa lĩnh tiền về.

Cách trả tiền cho người trúng số.

Rút số rồi thì bắt-đầu từ ngày rằm tháng sau người trúng số được đem phiếu đến kho-bạc mà lĩnh tiền. Khi lĩnh phải trừ tiền thuế-lệ (1). Thế thì số trúng kỳ mồng một tháng sáu tây, kể từ ngày rằm tháng bảy tây trở đi thì được lĩnh ; số trúng kỳ mồng một tháng chín tây thì kể từ ngày rằm tháng mười tây trở đi được lĩnh; số trúng kỳ mồng một tháng chạp tây thì kể từ ngày rằm tháng giêng tây trở đi được lĩnh, lĩnh về vừa lúc sắp ăn Tết, mà xổ số kỳ này thì lại được một số một vạn nữa. Kể từ ngày rằm tháng tư tây trở đi thì những số trúng kỳ mồng một tháng ba tây được lĩnh. Như thế thì sau khi rút số rồi phải sáu tuần lễ để công-cáo những số trúng rồi mới phát tiền. Phải cần đến sáu tuần-lễ như thế là để truyền rao cho đâu đó thiên-hạ đều biết, và để cho nhà kho-bạc có thì-giờ kiểm-xét những phiếu trúng. Thế thì những người trúng số, như muốn lĩnh tiền về cho chóng thì vừa nghe tin mình trúng số phải đem phiếu trúng mà nộp ngay cho kho-bạc. Quan kho-bạc sẽ cho biên-lai, không mất tiền lệ-phí. Kể từ ngày phiếu được lĩnh tiền trở đi, chỉ nghĩa là phiếu nào trúng số kỳ mồng một tháng sáu hay là mồng một tháng chín vân vân, thì được lĩnh tiền từ ngày rằm tháng bảy tây hay là rằm tháng mười năm 1922 vân vân. Kể từ ngày ấy, người trúng số được hạn ba-mươi năm đi lĩnh tiền về. Quá hạn ấy thì không lĩnh được nữa, và mất cả quyền về phiếu trúng ấy.

Cách mua phiếu thế nào.

Khi người mua phiếu đóng tiền thì nhận một cái biên-lai chớ chưa có phát

(1) Tiền thuế-lệ ấy tức là tiền thuế sở-đắc về động-sản, hiện lệ bây giờ là 6o/o.

phiếu, vì nhà-nước không thể biết trước mỗi nhà kho-bạc mỗi nhà giây-thép, hay là mỗi chi nhà Băng sẽ bán được bao nhiêu phiếu mà giao phiếu trước cho đúng số. Vì cớ ấy nên không thể phát phiếu ngay được.

Giấy phiếu làm ở bên Tây đã gửi sang rồi, kể từ sau ngày 20 tháng ba và trước ngày mồng một tháng sáu, người mua phải đem biên-lai lại đổi lấy phiếu chính.

Trong kỳ-hạn ấy người nào vì cớ gì chưa đến đổi được phiếu-chính, thì phiếu ấy sẽ bỏ vào phòng-thơ có tên chủ phiếu, mà niêm gắn lại tử-tế.

Phiếu làm bằng một thứ giấy tốt, nhiều sắc có dấu ký tên quan Toàn-quyền MAURICE LONG và có chữ thủ-ký của quan giám-đốc tài-chính hay là của một quan đại-biểu quan Giám-đốc.

Bằng cấp

Người mua phiếu sẽ được lĩnh cùng với giấy phiếu một cái bằng rất đẹp. Bằng ấy kiểu khác nhau tùy theo số tiền nhiều hay ít.

Tổng-kết

Nói tóm, cuộc công-trái này là Chính-phủ Đông-Pháp mở riêng trong bản-xứ:

1º Phiếu mua bằng bạc, lĩnh về cũng bằng bạc.

2º Người mua phiếu không sớm thì trầy, thế nào cũng chắc là được hoàn-ngân, mà được ít ra cũng là gấp hai số vốn, nhiều ra có khi được đến 200 lần tiền vốn cũng có.

3º Giá phiếu từ lúc mới cho đến kỳ mãn-hạn chỉ có một ngày một cao mãi lên.

4º Các nhà Băng, sẽ đặt chợ buôn bán các phiếu, ai muốn mua phiếu bán phiếu ngay bên Đông-Pháp này cũng được, thật là tiện-lợi, không sợ thiệt thòi.

5º Mua phiếu, lĩnh phiếu hay là lĩnh tiền về không phải phiền-nhiễu như mấy kỳ quốc-trái trước.

6° Người mua được lĩnh giấy phiếu về mau lắm, dầu thế nào thì cũng lĩnh trước kỳ rút-số đầu.

Kỳ rút-số thứ nhất

Rút số kỳ đầu là vào ngày mồng một tháng sáu năm 1922. Kỳ này, có một số trúng vạn đồng (10.000) 1 số một nghìn đồng (1000), 12 số 500 đồng, và 1.016 số 100 đồng, tổng-cộng là 1030 số, lĩnh về tất cả là 118,000 đồng.

Những số trúng kỳ này, bắt-đầu từ ngày rằm tháng bảy tây năm 1922 thì lĩnh tiền về được.

Bán phiếu

Phiếu bán từ ngày mồng một cho đến ngày 20 tháng ba năm 1922.

Tiền mua phiếu nộp tại các nhà kho-bạc, các nhà giây-thép to, và tại nhà Băng Đông-Pháp hay là các chi-điểm nhà Băng ấy. Ở các nhà giây-thép thì chỉ bán cho một người đến mười phiếu mà thôi.

Ai muốn mua bao nhiêu phiếu cũng được. Nhưng mà số bạc Chính-phủ vay có hạn, nên Chính-phủ giữ quyền ai mua nhiều quá thì bớt đi cũng được.

Ai mua dưới mười phiếu thì phải đóng tiền ngay. Trên mười phiếu, thì từ phiếu mười một trở đi được tạm nộp mỗi phiếu là 10 đồng; còn thiếu bao nhiêu thì lúc lĩnh phiếu phải trả nốt. Còn như ai mua nhiều quá, Chính-phủ không đủ phiếu mà bán thì dư tiền bao nhiêu, bán phiếu xong rồi, sẽ trả lại, có trễ thì đến ngày phát phiếu chính cũng sẽ trả hết.

Ai nộp tiền mua phiếu cũng được một cái biên-lai, không phải tiền lệ-phí gì cả, biên-lai biên tên người mua phiếu, kể rõ mua bao nhiêu phiếu, và số tiền đã đóng được bao nhiêu. Biên-lai xé trong sổ răng-cưa. Lúc phát giấy phiếu chính thì sẽ thu biên-lai ấy lại.

Giá phiếu.

Giá nhà-nước bán ra mỗi phiếu là 50 đồng.

Ai là người giàu có,
Bỏ tiền mà rút số.
Nghĩa lợi được lưỡng-toàn,
May ra gặp vận đỏ !

Tiền giúp việc công-ích,
Ấy là đồng tiền khôn.
Lợi may ra chưa biết,
Còn hơn tiền đem chôn.

Ta là người nghĩa-dân.
Giúp một món công-ngân.
Để làm đường xe hỏa,
Nam Bắc lại càng thân.

Nhân-công Bắc vào Nam,
Thổ-sản Nam ra Bắc.
Thiết-lộ có giao-thông.
Ba kỳ mới liên-lạc.
Mở cuộc công-thải này.
Công-ích cả một nước.
Tiền bỏ ra cho vay.
Lợi trông ngay thấy trước.

Ai khờ không cho vay.
Tiền cất bỏ xó gác,
Thấy người ta trúng số.
Bấy giờ hối sao được.

Đem tiền đánh bạc,
Chỉ chực làm giàu.
Không khéo mất vốn,
Giàu chẳng thấy đâu.

Đem tiền mua phiếu,
Lợi chắc trong tay.
Vốn đã không mất,
Lãi ra có ngày !

Trái-phiếu lần này,
Ích-lợi thấy ngay !
Mua được nhiều phiếu,
Có phần gặp may !

Ta nên bảo nhau,
Mua phiếu cho nhiều !
Mở đường xe-hoả,
Lợi biết bao nhiêu !

Lệ mua báo hết hạn

Ngài nào mua báo đã hết hạn, mà nếu bản-quán không nhận được giấy thôi mua, thời theo lệ thường cứ gửi luôn hạn nữa ; trong một vài tháng xin các ngài gửi tiền về trả cho. Xin đề tên ông LÊ-VĂN-PHÚC thâu nhận.

BA-BỀ DU-KÝ

Ký-giả mông đồi lên Bắc-kạn đến nay vừa được ngót hai năm trời.

Nhân có tính thích lịch-lãm các nơi danh - sơn, thắng-tích và khảo - cứu phong-tục dân Thổ Mán, cho nên những chốn nước biếc non xanh, ký-giả đã nhiều lần thưởng-ngoạn, những lệ-tục riêng của người thổ-trước cũng am - tường đôi chút, mà thổ-âm của người bản-địa cũng thông-hiểu ít nhiều, hiệu-quả được như thế tưởng đã là thỏa lắm.

Song le, tai thường nghe nói hồ Ba-bề là nơi danh-thắng ở đất Bắc-kỳ này, mà chưa được mục-kích, thời tấm lòng du-tử vẫn chưa mãn-nguyện.

Nhân dịp mấy ngày nghỉ lễ *Pentecôte* đầu năm nay, ký-giả cùng mấy ông bạn ngoạn-du miền danh-thắng ấy.

Ôi ! ký-giả được nhỡn-kiến một nơi đại-thắng-cảnh như thế là nhất-nhất thấy cảnh-trí lắm vẻ thiên-nhiên, kỳ-hình dị-trạng, sơn-thủy hữu tình, khiến nên lòng cảm-hứng vô-cùng, nên lược-thuật ra bài du-ký này để cống-hiến đồng-bang cộng-lãm, vẫn biết trí mọn, tài hèn, văn-chương quê-kệch, không đủ mà miêu-tả được hết cái thần - tình bức tranh của thợ tạo, nhưng còn mong các bậc thi-nhân, tài-tự, mặc-khách, tao-nhân sau này đi vãn-cảnh Ba-bề, sẽ đem ngọn bút tài-hoa, câu thơ diệu-bút tô-điểm cho bức tranh sơn-thủy ấy được mười phần diễm-lệ vậy.

Thiều - quang chín chục vừa qua, tiết trời sang hạ, nhân buổi chiều hôm, sườn non hóng mát, đoái nhìn cảnh-vật mà chạnh lòng ngao-du.

Bụng nghĩ rằng: bấy lâu riêng những khát-khao, nước non Ba-bề biết bao cảnh tình ; vậy mấy ngày hưu-hạ sắp tới nơi này, há chẳng phải là Hóa-nhi vẫn sẵn dành cho khách-du-lãm đó ru ?

Nghĩ như vậy rồi mừng - mừng rỡ-rỡ, vội giảo bước đến thăm mấy ông bạn thân, bàn việc mình sở-ước, thời ai nấy thảy đều nức lòng ưng theo và khen rằng « diệu-ý ».

Trong mấy ngày sắp-sửa hành-lý, thuê chiếc xe ô-tô và xin phép quan Sứ, mọi việc đều sẵn-sàng cả, đợi ngày mồng bảy (mồng bảy tháng tư ta tức là 14 Mai 1921) thì khởi-hành.

Cái hành-trình đáng lẽ dễ-dàng mà hóa ra vất-vả hiểm-nguy, là vì đêm hôm mồng sáu rạng ngày mồng bảy (13-14 Mai 1921), trời đang trăng sao vằng-vặc, bỗng tối sầm lại, gió thổi đến ào-ào, tưởng như long mái, đổ cây, kế đến mưa tuôn như chút, cứ thế suốt một đêm ròng, khiến cho bọn du-tử trằn-trọc thâu canh, luống những ngậm-ngùi trách trời, giận đất :

Ào-ào một trận phong-lôi,
Mưa tuôn dậy đất lá rơi đầy đường.

Sáng hôm sau, dẫu mưa đã ngớt, nhưng chiều trời vẫn còn u-ám, lại được tin nước đánh đổ cầu Phà, thời ai nấy đều nản lòng thối-chí.

Nguyên con đường đi Ba-Bề, cách tỉnh-lỵ hơn nghìn thước tây, có con sông Cầu chảy qua, trên bắc cái cầu bằng phên nứa. Tuy gọi bằng phên nứa, nhưng cầu cũng to và chắc-chắn lắm, vậy mà cứ đến mùa mưa nước lên to chảy rất mạnh, thì cầu dù chắc cũng phải đổ. Khi xưa, Nhà-nước đã làm một cái cầu bằng sắt, cột xây si-moong chẳng được bao lâu cũng đổ, thế mới biết thế nước mạnh là nhường nào ! Đến nay, hễ về mùa mưa thì lấy phà chở khách, nhưng phải đợi khi nước

đã dịu mới qua lại được, cho nên đặt tên chỗ ấy là « cầu Phà » hoặc « bến Phà » là thế.

Dần dần trời quang, mây tán, vũng ráo, đường khô, chiều trời như khêu như giục lòng du-khách. Các quí-quan cũng hết lòng thôi súc, cho nên vừa hai giờ chiều thời ký-giả cùng các bạn vội-vã ra đi. Nhưng khi đến bến Phà, thấy thế nước còn to mà phà đương chữa. Chẳng bao lâu, hai quan Chánh Phó Sứ và ông Cầm cũng đáp xe máy tới nơi, đốc sức nhà-pha sửa sang trong mấy tiếng đồng-hồ, đến bốn rưỡi thì chiếc phà đã lênh-đênh giữa làn sóng cuộn. Ôi! cái quang-cảnh lúc ấy rất nên nguy-kịch, hồi-tưởng lại mà rùng mình sởn ốc. Phà đã rò, lại chở nặng, nước rỉ vào, chông-chành như chiếc lá giữa dòng, người với xe những muốn lăn tòm xuống sông mà phó theo dòng nước. Cố dầy mãi mới sang đến bến bên kia, thì phà đã đầy nước, liền chìm xuống đáy sông. May được chỗ nông và nhờ có hai ba mươi nhân-lực súm lại, kéo được chiếc xe lên, thì ác vàng đã xế bóng.

Ôi! nỗi mừng khôn xiết kể, lại thêm lai-láng mối cảm-tình, cảm vì tấm lòng nhân-từ đại-độ của các quí-quan xưa nay hiếm có. Đoạn thưởng công cho bọn nhà-pha và vái chào các quan, rồi lên xe thượng-lộ.

Xe chạy như tên, làm cho gió thổi, đá lăn, bụi bay, cát cuốn, trông hai bên đàng, cây cối xóm làng quay như chong-chóng;

Dùng dùng gió giục mây Tần,
Một xe trong cõi hồng-trần như bay.

Đoái nhìn trước mặt, vừng ô gác núi, đỏ rực góc trời, kia rặng núi, nọ cánh đồng, bị áng chiều hôm, vàng vàng hoe hoe, trông rất rực-rỡ.

Lúc bấy giờ trong lòng khoan-khoái vô-cùng, cho hay phàm việc gì cũng vậy, càng trải qua nguy-hiểm khó-khăn, càng thấy nhiều lạc-thú.

Dặm trường rong-ruổi trong hơn nửa tiếng đồng hồ, thời xe đỗ lại Phủ-Thông. Nhác trông đã biết là một nơi đô-hội, có chợ-búa, có phố-phường, dân-cư đông-đảo, bán-buôn phồn-thịnh. Nguyên xưa là một phủ-lỵ-tục-gọi là phủ Thông-hoá, nên nay còn di-tích lại đồn khố-xanh và nhà lô-cốt ở trên một mô đất.

Đợi trong mấy phút thời có ông bạn nữa, hiện làm thầu-khoán, cũng đến góp mặt trong làng du-lịch.

Xe lại chạy, nhưng từ đấy đường đất mấp-mô, lên cao xuống dốc, không được bằng-phẳng như con đường Bắc-Kạn Phủ-Thông. Được một quãng độ hơn một cây-lô-mét thời bắt đầu lên đèo, men quanh sườn núi. Ngắm xem phong-cảnh, rừng rậm núi cao, lắm vẻ tự-nhiên thanh-lịch, khác hẳn với cảnh phồn-hoa đô-hội. Bên thì [illegible]o vòi-vọi, cây mọc rườm-rà, [illegible] khe sâu thăm-thẳm, suối chảy róc-rách. Ôi! tính-mệnh chiếc xe chạy trên [illegible]ng chừng, khá nên nguy-hiểm thay! Tưởng người cầm lái chỉ tay vô-ý một tí là xe lăn xuống vực.

Trong lòng đang nửa vui, nửa sợ, vơ-vẩn vẩn-vơ như cuồn-cuộn khói tuôn, thời áng kim-ô vừa khuất núi, vừng ngọc-thỏ đã hiện hình. Bóng nguyệt long-lanh, chiếu xuống đầu non trắng xóa như mây, như tuyết. Trăm nghìn tia bạc, xiên qua cây cỏ, lấp-loáng tựa một dẫy lâu đài ở chốn Bồng-lai, mà khách du-quan bàng-hoàng tưởng mình lên nơi tiên cảnh.

Mảnh trăng vằng-vặc giữa trời,
Sườn non quanh-quất mấy người [khách-du.

Đêm thanh cảnh tĩnh, nghe tiếng xe chạy sình-sịch lẫn tiếng nước chảy ào-ào, tiếng gió thổi cây reo sen

tiếng cuốc kêu dế khóc, như bát-âm thánh-thót, như đàn nhị nỉ-non, khiến lòng khách hứng-hoài vô-hạn, tưởng chừng gặp Chung-tử Bá-Nha đâu đấy tá !

Ôi ! cái quang-cảnh đêm trăng ở chốn sơn-lâm tĩnh-mịch đã nên mĩ-lệ nguy-nga, tình súc-cảnh, mối cảm-hoài lai-láng nên thơ :

Ô tô lần khuất bóng tà-dương,
Khuya lại lần theo đất Mĩ-hương (1).
Mặt núi trăng sao hoa lẫn sắc,
Chân rừng cây cỏ gió đưa hương.
Sông ngân (2) *một dải phơi lân bạc,*
Chợ Rã (3) *ngàn non dãi ánh vàng.*
Văng vẳng tai nghe đàn vượn hót,
Hứng tình chạnh nhớ cảnh Tiêu-tương.

Mải xem phong-cảnh bỗng thấy đường đi xẻ ngang ngọn núi chính là đèo Mỹ-vi (col de Mỹ-vi) lấy tên một làng gần đấy. Từ đấy xe lại lần lần xuống dốc, hết dốc được một quãng, xa xa nhác thấy lấp-ló bóng đèn, lại nghe thấy tiếng chó sủa ran, biết rằng hẳn có làng xóm nào đây.

Xe dừng bánh, khách xuống đường, trèo lên mấy bực xây gặp bọn con trẻ dần-dần độ-độ kéo nhau ra xem xe máy. Ký-giả liền dùng tiếng thổ-âm hỏi chúng mới rõ đấy là Pou-mát, cách Phủ-thông mười bảy cột. Nhìn kỹ thấy hai rẫy phố-phường, giữa có mấy quán chợ lợp bằng gianh. Đầu phố có trường tổng-sư, có sở trạm-đình (gîte d'étape). Dân phần nhiều là Khách với Nùng, thế mới biết từ những nơi đô-trường lợi-thị cho chí những chốn hang cùng ngõ hẻm, đâu-đâu Khách họ cũng mầy-mò, len-lỏi tới được, đoạt hết mối thương-quyền của người đồng-bang ta, mà ngán thay ! đồng-bang ta hình như vẫn mê-man trong giấc ngủ, không biết không hay đến, khoanh tay chịu để cho nguồn lợi ấy thuận theo dòng nước mà chảy ra Bắc-hải.

Nhân lại gặp mấy người thổ-nhân, ký-giả vội hỏi thăm đường lối, thì họ trả lời rằng từ đấy đến Chợ-rã còn 25 cột, tuy vậy mà đường đất có phần dễ đi, không phải nỗi khó-khăn lên đèo xuống dốc.

Thoạt tiên toan ngủ lại Pou-mát, sau nghe mấy lời của thổ-nhân, lòng lại thấy phấn-khởi, quyết ý đi cho đến nơi, lúc ấy đã tám giờ mấy phút.

Vừng trăng tuy khuyết, mà ánh sáng vẫn tỏ-tường, hình như chị Nguyệt cũng chiều người, đem ngọn đuốc ngọc soi đường dẫn lối ; mà bọn khách du thì khi trông trăng ngâm-vịnh, lúc đối cảnh hứng-hoài, khi câu chuyện, lúc cuộc cười, thậm-kỳ hoan-lạc.

Khi vui cảnh lại càng vui,
Câu thơ dưới nguyệt, trận cười bên [non.

Cái tình cảm-hứng ấy, cái vẻ hoan-hân ấy làm cho khách quên cả những sự nguy-hiểm dọc đường, mà thời khắc cũng chạy nhanh như chớp nhoáng, như mây bay, như ngựa phi, như nước chảy. Chẳng bao lâu, xe đến một nơi đô-thị, nhờ có bóng Hằng-Nga vằng-vặc, trông thấy hai hàng chợ-búa, mấy dẫy phố-phường, nhà cửa sen vai, then hoa đóng chặt, phong-quang tịch-mịch, đường lối vắng teo, người ta còn đương mơ-màng trong giấc điệp.

Nhân gặp người lính gác, hỏi ra mới biết đấy chính là Chợ-Rã, nhưng mới là chợ ngoài, tức là Chợ-Mới, nha-

(1) Làng Mỹ-vi.
(2) Sông Ngân-hà.
(3) Châu Chợ Rã.

lị ở trong chợ cũ, còn phải đi một quãng độ năm sáu trăm thước tây nữa.

Khi đến nơi, đã thấy lính lệ đứng chực sẵn sàng, mà quan Châu sở tại cũng từ trên đồn vội-vàng xuống đón.

Ngài vốn là người lịch-thiệp từng trải, có chân Bắc-kỳ Tư-vấn-nghị-viên; ngài khoản đãi-ân-cần trân-trọng, không những đối với bạn-bè thân-thuộc mà thôi, dù các bậc văn-nhân, lãm-khách, chưa từng giao-tiếp với ngài, mà nhân qua bạt ngài, ngài cũng lấy câu: « Tứ hải giai huynh đệ », tiếp đón một cách đậm-đà hoà-nhã như vậy. Tấm lòng bác-ái ấy đáng nên kính-phục thay.

Gặp nhau tay bắt mặt mừng, hàn huyên mấy đoạn, rồi cùng nhau dắt díu về nha an nghỉ.

Cho hay là giống Lạc-hồng,
Tuy ngoài xa cách, mà trong thân tình.
Cùng nhau trò chuyện đinh-ninh,
Giang tay về chốn Đào-thành nghỉ ngơi.

Thay rửa xong, ngồi nước-nôi trò chuyện lấy làm tâm-đầu-ý-hợp vô cùng. Bấy giờ đồng-hồ điểm mười một tiếng chuông, thời vừa thấy đầu bếp dọn cơm ăn.

Ôi! hành-trình vất vả trong tám, chín tiếng đồng hồ, người nào chả mệt, bụng nào chả đói, cho nên bữa cơm đêm hôm ấy ngon-lành thú-vị kể sao cho xiết! Cơm xong, lại chuyện vãn hồi lâu mới đi nghỉ, người mệt-mỏi nên mới đặt mình là ngủ thiếp ngay đi.

Đang lúc hồn hoa phảng-phất, phách quế mơ-màng, bỗng nghe tiếng trống tan canh, gà gáy sáng, bừng con mắt dậy trông ra trời đã rạng đông. Ký-giả vội vàng đứng phắt dậy, chạy ra ngoài sân để hưởng lấy cái khí trời thanh-đạm và ngắm cảnh bình-minh, trong lòng lấy làm khoái-lạc vô-cùng.

Mầu trời xanh biếc, rạng sáng dần dần; vài luồng gió thổi hiu-hiu, mấy hạt sương sa lác-đác, cỏ hoa, nụ lá, lóng lánh như dát kim-cương ngọc-thạch. Kìa chiếc nhạn, nọ đàn chim, riu ra riu rít trên cành, đón chào bạch-nhận Gà xao xác, chó sủa ran, gọi người tỉnh giấc hoàng-lương mơ-màng. Nào sĩ, nào nông, nào công, nào thương, người nào nghệ ấy, tìm đường sinh-nhai; đang trong cái cảnh êm-đềm tịch-mịch, bỗng biến ra một cảnh hoạt-động lạ thường.

Phong-cảnh đã hữu-tình mà địa-thế lại tô-điểm thêm mầu lịch. Chót vót từng mây, hai ngọn đồi đối diện, bên này châu sở-tại, bên nọ trại khố-xanh, dưới chân có dải sông Năng phân địa-giới.

Thuyền lan mấy lá, đậu bến lơ thơ, một dải tràng-giang, nước reo sóng cuộn. Trên bãi cát, đất rộng thênh-thang, chỉ thấy mấy bức tường vôi còn trơ-trơ chưa đổ, hình như khi xưa [illegible] nhà cửa chi đây? Mà quả thế, [illegible] trước bãi cát ấy vốn là nơi đô-thị dân-cư sầm uất, bán buôn phồn thịnh. Sau vì mỗi năm, nước sông Năng lên to, dân cư lại phải cái nạn hồng-thủy, nhà cửa ngập lụt, đồ đạc lục-súc cũng trôi theo dòng nước, nên mới thiên ra ở ngoài mà ta gọi là Chợ Mới đó. Còn chung quanh thời núi xanh bao bọc, mây trắng phủ vây, đồng rộng mênh-mang, xóm làng lác-đác, trông xa rõ ra một tấm tranh thủy-mặc.

Thổ-sản có một thứ cát lạ, nếu đem trộn với si-moong lát nền nhà, đến đêm, bóng đèn chiếu xuống, lóng lánh xanh đỏ trắng vàng như trăng sao ban tối.

Mảng say vì cảnh, bỗng nghe tiếng gọi sau lưng, giật mình ngảnh lại, thì ra các ông bạn gọi vào sắp sửa xuống thuyền đi vãn cảnh.

Vừa đúng sáu giờ, trời thanh, mây

tạnh, gió thổi, sương tan, một con thuyền lửng-lơ trên mặt nước, chẳng khác gì chiếc nhạn rẽ gió, đạp mây, bay lượn trên không vậy. Thuyền ai? Ấy là thuyền chở bọn du-khách đó.

Chiếc thuyền cũng rộng-rãi sạch-sẽ, các bạn thời ngồi trong khoang, phong-liêm cuốn bức, khi chén rượu, lúc cuộc bài, còn ký-giả đứng ngoài mui để tiện bề ngoạn-cảnh.

Thuận gió, xuôi buồm, nhẹ chèo, khoan lái, thuyền bay thấm-thoắt trên dải tràng-giang. Hai bên bờ trước còn ruộng lúa lan-man, sau chỉ thấy những rừng núi chen vai, cỏ cây rợp mắt, dưới lòng sông thì đá ngăn chơm-chởm, rêu mọc xanh rì, nhìn xem non nước, dễ sinh lòng cảm-hứng, thật là :

Một dòng nước chảy mầu xanh biếc,
Hai rẫy rừng hoang cảnh vắng teo.

Thuyền vẫn đi, người vẫn chải, trời vẫn vẻ ấy, nước vẫn mầu này, chiều hiu-hắt, cảnh thê-lương, khiến lòng du-tử càng thêm bát-ngát, [illegible] tưởng lại mấy năm về trước, giữa [illegible] hôm tết trung-thu, cùng mấy ông bạn Hà-thành, mái chèo đủng-đỉnh Tây-hồ ngao-du. Khi ấy trăng in mặt nước, gió giải cơn nồng, lại thêm cung đàn tiếng phách, giọng hát khúc ngâm, nỉ-non thánh-thót như rót vào tai, khiến người trong cuộc như tỉnh, như say, như mê, như mẩn, lòng xuân phơi-phới, chén xuân vơi đầy. Ôi ! Cái cảnh chơi thuyền vẫn là lắm thú.

Thuyền đang giong-ruổi, bỗng thấy một quả núi đá lù - lù, chắn ngang trước mặt, đến tận nơi thời quả là một cảnh-trí thiên-nhiên của thợ trời đã ra công đào-tạo.

Rõ-ràng một cảnh thiên-nhiên,
Xanh xanh biếc biếc, càng nhìn càng [ưa.

Thoạt tiên thấy một cái cửa hang mở lối, cao độ mười thước, rộng chừng hai mươi. Trong hang rộng-rãi lắm, chung-quanh tựa-hồ như những bức tường lát bằng cẩm - thạch cả, vân đá trắng tinh, thanh-quang trong-trẻo, song mây nhũ đá, nhủ xuống lóng la lóng lánh như ngọc-thạch kim-cương. Chỗ như bàn đá, chỗ như tượng phật, nào hình điểu - thú, nào hình thảo-mộc, trông rất diễm-lệ.

Vào trong hơi mờ mờ tối, trên thời đá, dưới thời nước, thật là:

Non xanh nước biếc một mầu,
Thuyền êm sóng lặng khách vào Doanh- [châu.

Hang ấy tên gọi là hang Buông (grotte de Poung) dài ước bốn, năm mươi thước. Trèo lên trên cũng có một cái hang nhỏ và hẹp, thông tự mặt trước ra mặt sau, trong hang cũng lắm vẻ đẹp, nhiều dơi lạ, song le đá chập-chồng, đường tăm-tối, khó đi, tưởng cứ lững-thững con thuyền lại là lắm thú :

Một lá buồm lan mặt nước chênh,
Giữa dòng cửa động mở thênh-thênh.
Lưng-chừng vách đá mây chùm biếc,
Lờ-lững sườn non sóng lợp xanh,
Luồng gió thảnh-thơi, hương bát-ngát,
Màng rêu phơ-phất, ngọc long-lanh.
Bồng-lai có dễ đây chăng tá,
Lừng lẫy năm châu (1)*, một vẻ thanh.*

Ra khỏi hang, thời trời lại trời ấy, cảnh cũng cảnh này, mà du-khách tự thấy trong mình thảnh-thơi nhẹ-nhõm, hình như trong mình đã chút sạch bụi trần, vào chốn Bồng-lai tiên-cảnh :

Xinh thay hỡi thú yên-hà,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà tới đây,

khiến lòng khách hứng-hoài vô-hạn;

(1) Tỉnh Bắc-kạn có năm châu.

lòng thơ lai-láng bồi-hồi, quên mình tục-lụy, nghĩ người Thiềm-cung.

Con thuyền nhè - nhẹ, mái chèo khoan-khoan, trong một tiếng đồng hồ nữa thời đến ngã ba sông, tức là nơi ngòi Ba-Bể chảy vào sông Năng vậy. Nhìn kỹ có thể phân biệt được ra hai mầu nước : nước sông hơi đục, còn nước hồ thời xanh ngắt.

Thuyền rẽ vào ngòi, càng đi càng thấy dòng nước to rộng mãi ra, chẳng bao lâu đã vào đến bể.

Đoái nhìn bát - ngát mênh - mông, nước im phăng-phắc, lác-đác điểm vài hòn non bộ, trông rất duyệt-mục.

Đàn cá thấy động, ngoi lên mặt nước, nhào lộn lõm-ta lõm-tõm, như chào khách - du. Chung quanh toàn núi non bao - bọc, cây cối um-tùm, tiếng chim kêu ríu-rít hòa với tiếng vượn hót véo-von, thoảng nghe như đàn địch ca sanh, thiệt là vui tai khoái trí.

Khi ấy, mặt trời đã gần đứng bóng, gió mây im lặng, bốn bề vắng ngắt như tờ, một chiếc du - thuyền, lênh-đênh mặt nước. Trời mây man-mác, bể núi mông-mênh, thuyền ai thấp-thoáng bồng-bềnh xa kia ? Khi gần lại thời tức là một chiếc thuyền độc-mộc mà một bọn «lục-sao» đang uốn-éo lưng ong, khoan-khoan tay lái, bơi nhanh thoăn-thoắt trên mặt biển rộng mênh-mang. Ôi ! chiếc thuyền rất nhỏ bé, vừa bằng một ôm, thế mà khách liễu-yếu đào-thơ, vẫn cười nói dịu-dàng, mặt mày hớn - hở, không chút quan-tâm, khiến cho ký-giả cũng phải khen thầm cái lòng can-đảm ấy.

Ký-giả tuy say mê về cảnh-trí nước non, nhưng trải mấy giờ đồng hồ đứng ngoài mạn thuyền cũng đã mệt mỏi, liền vào trong khoang cùng các bạn chuyện-trò thi tửu.

Cảnh vui rượu lại thêm vui,
Khách phàm mấy kẻ biết mùi Đào-
[nguyên.

Đang cười cười, nói nói, giở tỉnh, giở say, chợt nhìn ra thấy về bên tay phải có một miếng đất, lưa-thưa mấy nóc nhà gianh, sau hỏi ra mới biết đây là gò An-mã.

Nguyên Ba-bể là ba cái hồ hợp lại, rộng gần bằng hồ Tây ở đất Thăng-long, địa-thế tương-tự như con ngựa phục, mà gò ấy ở ngay vào giữa lưng ngựa, hình-thế như cái yên, cho nên đặt tên là An-mã tức là yên ngựa vậy.

Khen ai sao khéo vẽ vời,
Bức tranh sơn thủy ghẹo người ngao-du.

Nhân qua gò An-mã mà được thừa quan Châu Chợ-rã kể cho nghe hai câu chuyện nguyên-uỷ Ba-bể rất nên lý-thú lý[illegible] như sau này.

[illegible]uyên dải sông Năng tự miền Bảo-[illegible]c, chảy qua châu Chợ-rã, Đầu-đảng (tên một khúc sông Năng) và Chợ-xà rồi sang địa-hạt Tuyên-quang, ở Đầu-đảng, chỉ thượng - lưu, lại có một ngọn suối con chảy qua làng Nam-mẫu (hiện nay là hồ Ba-bể) thuận dòng sang mãi đến hạt tổng Quảng-khê (thuộc châu Chợ-rã).

Hồ Ba-bể nguyên xưa là xã Nam-môn ở gần vệ suối con ấy, địa-thế rất thấp.

Năm Thái - hoà Lê Nhân-tôn (1442-1443) chẳng may hai quả núi đá bích-lập ở vệ khúc sông Đầu-đảng lở xuống, lấp dòng sông Năng, nước chảy đến đấy mắc nghẽn, rồn trở lại theo dòng suối con Nam-mẫu. Đến làng Nam-môn

(1) Thuyền làm bằng cả một cái thân cây.
(2) Con gái thổ.

là chỗ đất thấp, nước chàn uà vào, nhà cửa, ruộng nương đều bị ngập lụt. Thế nước mỗi ngày một lớn mà tứ phía không có lối thông, tích lại lâu ngày thành ra hồ Ba-bề.

Khi ấy, dân khai thủy-tầm, Triều-đình phái quan lên khám, thấy quả như lời, liền chuẩn y miễn thuế điền-thổ cho xã Nam-môn 15 mẫu, và đổi tên xã Nam-môn là Nam-mẫu.

Vào khoảng bốn mươi năm về trước, dân-sự còn giữ được giấy-má rõ-ràng, sau vì giặc-giã loạn-lạc nên những giấy-má ấy đều bị huỷ-hoại hoặc mai-một đi, mất một cái di-tích tự 478 năm để lại, thật là khá tiếc.

Đến ngày nay, một dôi khi, trời quang mây tĩnh, thiên thủy một mầu, nhìn xuống đáy hồ còn trông thấy mập mờ những di-chỉ cửa nhà và lò ngói, ấy là cái thực-chứng có thể tin được vậy.

Hiện nay ở Đầu-đảng, nước sông chảy qua những tảng đá lở, té ra trắng xóa như mở lụa bạch, reo xuống ầm ầm, thật là :

Nước reo tiếng giậy ầm ầm,
Thủy-ngân trắng xóa trong hầm ngói xanh

Sự-tích minh-bạch là thế, ngán thay dân-sự miền này thật là mơ-hồ ám-muội, mê tín những điều dị-đoan vô-lý, những sự hồ-đồ huyền-hoặc, nên mới nẩy ra câu chuyện như sau này:

Về xã Nam-môn xưa có ngọn suối con chảy qua địa-hạt.

Bỗng một ngày kia, con thủy-ngưu lạc lên trên bộ, chạy rông ngoài đồng ruộng, phá hại lúa-má rất nhiều. Dân-sự trông thấy, liền kẻ sào người gậy, đổ ra vây bắt được thủy-ngưu đem về giết thịt, chia nhau ăn uống rộn-rịp cả làng.

Cùng trong xóm ấy, riêng một góc rừng, có bà lão góa, tuổi ước ngũ-tuần-thâu có thế-độc, tình-cảnh rất nêu điu-hiu quạnh quẽ. Ôi ! thân già lủi-thủi, dễ ai mà đoái tưởng ! Thôi, mặc ai chén tạc, chén thù, miếng thăn, miếng giọi, gọi là nắm lá ngọn rau cho qua tuổi hạc.

Hay đâu họa phúc bởi Trời, thủy-thần biến-hóa ra người ăn xin, để đi tìm châu lạc, khi đến làng Nam-môn chợt thấy tấp-nập cỗ bàn, ngài lấy làm nghi tình, bèn giảo bước đến nhà bà lão, giả hình hành-khất, mà dò la tin-tức.

Bà lão thấy người đói khó, rách rưới, xiết bao nỗi thương-tâm, nhưng khốn thay, bà cũng cơ cực, trong nhà không còn một miếng gì, bà liền hòa-nhã dịu-dàng mà rằng :

«Ông ơi, già này nghèo khổ lắm, bữa « đói bữa no, không còn gì mà đãi ông « được. Kia kia, ông hãy quá-bộ vào « trong xóm kia, họ mới bắt được con « trâu, làm thịt chè chén tưng-bừng với « nhau, ông vào đó, chắc họ cũng « thương tình mà cho ông ăn uống ? »

Lão ăn mày liền hỏi lại rằng: « Thế sao họ không chia cho bà một phần ».

— « Than ôi ! tấm thân quạnh-quẽ, « họ nào nhớ đến? Nhưng mà thôi, thịt « mà chi, cá nữa mà chi ; già này còn « thiết-tha gì miếng ngon. »

— « Thế ra họ khinh bạc bà, họ « không kính nể kẻ già nua, tuổi tác, « họ nhẫn-tâm thật ! Này này, ta « cũng chả giấu-giếm gì già, ta nay là « thuỷ-thần hiện lên đây, chủ ý đi « tìm con trâu của ta nó lạc mất, « không ngờ dân-sự xóm này đã bắt « trâu ta mà thịt rồi, vậy thì cái tội « chúng, ta không sao dung được. Già « là người trung-hậu, phúc-đức, ta « không nỡ để phải hoạ lây. Nội nhật « hôm nay, già phải lấy chấu mà rắc « quanh nhà, đêm nay sẽ thấy báo-ứng. « Già phải nhớ lời ta dặn. »

Nói đoạn tàng-hình mà biến mất.

Bà lão nửa mừng nửa sợ, nghi ngbi, hoặc hoặc, nhưng cũng làm theo như lời thần bảo, thời quả-nhiên đêm hôm ấy, đang lúc bàng-hoàng giấc điệp, bỗng nghe thấy đùng-đùng như súng nổ, như sấm vang, giật mình tỉnh dậy, sợ hãi bồi hồi, ngó ra ngoài xem, thấy cửa nhà đồng ruộng, sụt lở dần dần, nước dâng lên mông-mênh bát-ngát. sóng vỗ ầm ầm, cái quang-cảnh một nơi thôn dã bỗng biến ra đại-hải. Kỳ thay ! riêng một miếng đất bà lão ở vẫn trơ trơ không chuyển. còn mãi đến ngày nay mà ta gọi là gò An-mã đó.

Than ôi ! miếng ăn quá-khẩu thành tàn, ngờ đâu hoạ theo sau gót ? Nghĩ cũng đáng kiếp cho những kẻ tham lam nắm xôi miếng thịt ở nơi thôn-ổ vậy...

Mảng nghe câu chuyện thì thuyền đã ghé lại sườn non. Ngửng trông lên, núi cao trót - vót, cây cỏ rườm - rà, đường lên khấp - khểnh, lối trèo quanh-co, cùng nhau bước thấp bước cao, dường như cưỡi gió-khác nào nương mây.

Trên núi có nhà trạm-quán (gîte d'étapes) cho văn-khách nghỉ - ngơi, trước mặt có tòa lô-cốt, mấy người lính ở đấy trông nom canh gác.

Nhìn xuống dưới, nước hồ bao-bọc, phẳng-lặng như tờ, rừng núi sen vai, phủ vây bốn phía.

Ôi ! ở nơi lục-địa mà nẩy ra tấm sơn-thủy hữu-tình như vậy, thật là ít có, cho nên trong khi ký-giả ngồi trong khoang thuyền, đối cảnh động lòng thơ :

Thuyền lan lững thững gió hây hây,
Ba-bể chừng trông cảnh lạ thay!
Nước biếc một làn hoa lẫn bóng,
Non xanh mấy lớp đá chen cây.
Mập mờ núi Mẫu (1) trong dòng bạc,
Mù tít rừng Yên (2) dưới áng mây.
Nào khách Đào-nguyên đâu vắng tá,
Thơ thần rượu thánh dễ ai hay.

Ký-giả cùng các bạn vào trong quán nghỉ ngơi, xem đồng hồ đã mười rưỡi. Bụng thấy đói, liền sai lính xuống thuyền đem rượu bánh và các thực-phẩm lên, cùng nhau ăn uống rất là vui-vẻ, ăn xong đi nghỉ (sieste) đến một rưỡi lại xuống thuyền dạo thăm thác nước.

Thuyền rẽ về tay trái, đi được độ giăm trăm thước, đã nghe thấy tiếng dậy ào ào, như mưa tuôn sóng vỗ, đến nơi thời quả là một thác nước ngoạn-mục thần-tình. Nguyên thác nước ấy là ngọn sông Chợ-Điền, xiên qua hầm núi, chảy vào hồ Ba-bể, ứa nước toé lên, gieo xuống, trong suốt như một tấm thủy-tinh vậy.

Thuyền đậu lại một lúc rồi lộn trở về, sườn non thẳng tới, sơn khê hiểm-trở. Sang đến bờ bên kia, đã [illegible] lính dắt ngựa đứng chực sẵn sàng, cỡ hành mặt lại còn trông thấy nhà trạm-quán trơ-trơ trên đỉnh núi.

Ngại-ngần giã cảnh nước non,
Người trên mình ngựa, dạ còn bâng-[khuâng.
Đoái trông trời bể mênh-mông,
Núi non xanh ngắt mấy trùng trùng cao.
Ruổi giong tay khấu xôn xao,
Dặm non bước thấp, bước cao chậm [chồng.

Đường tem-hẻm, đá nhấp-nhô, khi lên cao, khi xuống dốc, khi nước kiệu, kia nước phi, thật là :

Lên đèo xuống dốc bao phen,
Ngựa phi trong chốn lâm-tuyền nhường [tên.

(1) Làng Nam-mẫu sụt xuống đáy hồ.
(2) Làng Yên-mạ.

Đoái nhìn phong-cảnh, cũng núi, cũng khe, cũng cây, cũng cỏ, vẻ trời vằng-vặc, ngọn gió hiu-hiu, nước non trang-điểm có chiều thanh-thanh.

Vó câu giong ruổi, trải qua nào suối sâu, nào rừng rậm, nào khoáng-dã, nào hoang-điền, được bảy cột lô-mét thời trông thấy về bên tay trái một xóm kia, cửa nhà xan-xát có đến hai ba mươi nóc, gọi là xóm Nam-an. Khỏi xóm Nam-an lại tiếp đến xóm Bản-vây, dân-cư đông-đúc lại có phần hơn xóm trên nhiều. Ký-giả cố đếm, điểm được hơn bốn mươi nóc, ấy là không kể những nhà khuất mắt. Từ khi ký-giả đổi lên Bắc-kạn đến nay, du-lịch kể cũng đã nhiều, mà thật chưa hề thấy một làng nào sầm-uất như thế.

Bên cạnh làng có một cái hồ, rộng chừng mươi lăm mẫu, sâu không biết bao nhiêu mà kể. Nghe nói trong khoảng bốn năm năm về trước, có một quan Công-sứ bản-tỉnh, nhân đi vãn cảnh Ba-Bể, giở về qua đấy, [illegible] sai lính bắn cốt-mìn xuống h[illegible] mà mặt nước vẫn im lặng như tờ, không thấy chuyển-động.

Khi bấy giờ, mặt trời đã xế non tây, càng xem phong-cảnh càng say lạ nhường, khiến-hứng nên thơ:

Vó ký chiều hôm những thần thơ,
Nhìn coi phong-cảnh tự bao giờ.
Núi kia sừng sững gan như đá,
Nước nọ long lanh mặt tựa tờ.
Xóm Mán lơ-thơ hơi khói lửa,
Chim rừng líu-lít rộn mừng đưa.
Đôi bên hoa nở hương bay ngát,
Vó ký chiều hôm những thần thơ.

Đi khỏi xóm ấy, phải trèo lên một rặng núi đất cũng khá cao, đường lối quanh-co như hình chữ « chi» vậy. Lên đến tột đỉnh, xa xa đã trông thấy châu sở-tại. Từ đấy lại loanh-quanh xuống dốc, vó ký đã trồn, từ từ bước một, đến hơn nửa tiếng đồng hồ mới xuống đến chân núi, lại qua một dịp cầu nho-nhỏ, dưới có dòng nước chảy trong veo, thời vừa đến nơi. Chợt nhìn bên cạnh đường thấy một khúc gỗ, mặt khắc mấy chữ « 17 Km », mới hay đường bộ từ Ba-bể về đến Chợ-rã là mười-bảy cột.

Người đã mỏi, ngựa cũng mệt nhoài, liền về nha nghỉ-ngơi, ngửng trông đồng hồ đã quá bốn rưỡi.

Vừa ngồi nghỉ, vừa uống nước, trong lòng bâng-khuâng nghĩ-ngợi, bao nhiêu những cảnh-sắc vừa qua, hãy còn in sâu trong não-trí.

Năm giờ rưỡi, rủ nhau sang chào quan Đồn. Ngài tiếp đãi ân-cần vui vẻ; chuyện-vãn hồi lâu rồi từ giã ra đi, lại rẽ sang thăm ông chủ Điện-báo; tuy rằng nhất-kiến, nhưng cách giao-tiếp đã là thân-mật lắm. Ngồi một lúc, rồi rủ cả ông chủ vãn-cảnh chợ-búa phố-sá một lần nữa, nhân tạt vào Học-đường thăm ông Trưởng-giáo.

Ông vốn là người dưới Trung-châu, mòng bổ lên quản-đốc trường Pháp-việt Chợ-rã mới được ít lâu, duyên Trời run rủi ông đã huề duyên cầm-sắt với một bạn lục-sao bản-hạt.

Đáng khen ông đã lấy cái tư-tưởng cao-thượng, không quản bàng-quan dị-nghị, đem hạt giống văn-minh, rắc lên chốn rừng xanh núi biếc.

Vừa vãn câu chuyện nghe trống điểm thu-không, trông ra trời đã hoàng-hôn, thỏ vừa lộ bóng, vội vàng dắt cả ông Trưởng-giáo về nha văn-thiện.

Người vui tính, rượu pha men, chuyện như pháo rang, cười như nắc-nẻ, khiến người trong tiệc quên hẳn những nỗi lao-tâm khổ-tứ ở cõi trần, tưởng không còn đỉnh chút nợ-nần giang-sơn.

Ăn xong, lại bắc ghế ra sân ngồi nói chuyện, lúc bấy giờ, trăng soi vằng vặc, gió thổi hiu hiu, khách trần-gian cũng

ra chiều ngần - ngơ, mãi đến khuya mới đi nghỉ.

Sáng hôm sau, ai nấy đều dậy thật sớm, sắm sửa chỉnh-tề, đoạn từ - giã Quan-châu, tỏ lời cảm-tạ rồi, lên xe thượng-lộ.

Đề-huề lưng túi gió trăng,
Giã người, giã cảnh, dặm băng ra về.
Xinh thay cái thú sơn-khê.
Nhìn xem cây cỏ lắm bề thanh-quang.

Xe vừa mở máy mà ngảnh lại châu-lỵ đã khuất mấy từng non, chỉ còn thấy những cây cỏ xanh rì, móc sương mù mịt. Chẳng bao lâu, xe đã về đến phủ Pou-Mát. Ôi! khi đi sao chậm chạp hiểm-nguy, mà khi về lại mau chóng nhẹ-nhàng như vậy.

Vào Pou - Mát thăm trường tổng, uống chén nước, rồi lại lên xe giong ruổi. Khi lên đèo Mỹ-vi, xe bị mấy lần tắt máy, kỳ-cục mãi đến hơn một tiếng đồng hồ mới lên hết dốc.

Mười giờ rưỡi đến Phủ-Thông, vào nhà ông bạn Thầu - khoán nghỉ-ngơi và ngọ-phạn ở đấy, mười hai giờ ở Phủ-Thông ra về Bắc-kạn.

Xe gần đến tỉnh, trông thấy hai bên vệ đường, hàng hàng lũ lũ, lớn, bé, già, trẻ, kẻ gồng, người gánh, kẻ xách đẩy, người vác nải, thung-dung ra về. Ở đâu về? Ấy là ở chợ Bắc-kạn về, vì ngày hôm ấy là phiên chợ vậy.

Đến bến Phà, sực nhớ đến cái nguy-kịch hôm đi mà ghê, mà sợ thay!

Xe sang sông rồi, chạy một thôi nữa thời về qua chợ. Tuy chợ đã hơi vãn, mà người còn chật như nêm. Nào Kinh (người trung-châu), nào Thổ, nào Mán, nào Khách, nào Nùng, đi đi lại lại, chen-chúc lẫn nhau, kẻ mua người bán, ầm-ầm ỹ-ỹ, sắc xanh pha sắc sám, mùi tia lẫn mùi hồng, cái quang-cảnh rõ ra một nơi danh-trường tợi-thị.

Về đến nhà, kèn la-vây (réveil 1 giờ chiều) vừa giục, thay rửa nghỉ ngơi, ngồi ngẫm nghĩ lấy làm hởi lòng thỏa dạ vô-cùng, mà mãi đến ngày nay, bao nhiêu những phong-cảnh nước non vẫn còn phảng - phất trong não-giới như giấc chiêm bao vậy.

Khách du-lịch nhớ người hồ-thỉ,
Thú yên-hà chi để riêng ai.
Gió đưa xe lại thơ-trai,
Mộng-hồn phảng phất Thiên-thai đi về.
Khi bầu bạn để huề chén rượu,
Ngửng trông lên một nẻo xanh xanh.
Cho hay kiến-cảnh sinh-tình,
Một thiên ký-sự tập thành làm ghi.

.·.

Ký - giả trộm nghĩ rằng : Người trong một xứ mà không biết những nơi danh-thắng xứ mình, sao gọi là người tri-thức.

Vả lại, người ta sinh ra trong vũ-trụ, nên phải duyệt - lịch nhiều, thời [illegible] thức mới mở-mang, kiến-thức có mở-mang nhiên-hậu mới mong bổ-ích cho nhân-quần xã-hội được.

Huống-chi ngày nay, năm châu hợp lại, bốn bể một nhà, người ta kinh-doanh nam bắc, du - lịch tứ - phương, cũng là sự thường, thế mà cùng trong đất Việt, cũng nước Nam nhà, mà ta chả đi cho biết đó biết đây, chẳng biết đâu có danh-sơn thắng-tích, há chẳng đáng tiếc lắm ru ?

Ai ơi! chữ rằng : hồ-thỉ nam-nhi....

***

Nhân tiện, ký-giả xin vẽ cái hành-trình tự Hà-nội lên Ba-Bể, để giúp các nhà du-lịch muốn đi vãn cảnh.

Ở Hà-nội lấy vé xe hỏa đi Đông-anh, chuyến thứ nhất, vào khoảng 6 giờ rưỡi sáng (vé hạng ba = 0 $ 44). Đến Đông-anh vừa bảy rưỡi, đã có ô-tô đợi sẵn, lấy vé lên Thái-nguyên (1 $ 00).

Mười rưỡi đến Thái, vào sở thuê riêng một chiếc xe ô-tô đi Chợ-Rã, rồi muốn đi vào hồi nào thì dặn trước, nhưng cần phải đi từ trưa mới kịp.

Giá thuê cứ mỗi cây-lô-mét là 0$40 mà từ Thái-nguyên lên Bắc-kạn là 89 cột và Bắc-Kạn lên Chợ-Rã 62 cột nữa, cộng là 151 cột, tiền thuê là sáu mươi đồng bốn hào (60 $ 40) khứ hồi. Xe ở lại mỗi ngày phải trả thêm năm đồng (5 $00) nữa.

Trong mỗi xe có thể ngồi được năm sáu người, không kể người Tài-xế.

Ở Thái- nguyên có mấy khách-sạn lịch-sự tử-tế, như Ô-ten Tam-Đảo trước cửa sở ô-tô, muốn nghỉ ngơi cơm nước, vào đấy tiện lắm.

Nếu ở Thái-nguyên mười hai giờ đi, thời đến Bắc-kạn vào khoảng năm giờ chiều. Ở Bắc-kạn cũng có khách-sạn trọ được, trước cửa nhà Ô-Séc tây.

Ở Bắc-kạn độ sớm hoặc trưa hôm sau thời đi Chợ-Rã, trong bốn giờ đồng hồ có thể đến nơi được. Quan châu sở-tại cũng sẵn lòng tiếp đón các nhà đi vãn cảnh.

Lời dặn. — Muốn đi Ba-Bể nên đi vào quãng tự tháng mười cho đến cuối tháng ba ta, tức là từ đầu mùa đông cho đến cuối mùa xuân, là mùa tạnh ráo (saison sèche). Trong mùa ấy, khi trời ấm áp, đường đất khô ráo, không có điều gì trở-ngại cả. Còn về mùa mưa (saison des pluies) tức là hạ với thu, núi lở, đất lầm, xe ô-tô không thể nào đi được.

Năm Tân-dậu ngày 20 tháng một, Khải-Định lục-niên — (18 *Décembre* 1921)

Nhạc-anh HOÀNG VĂN-TRUNG

Phán-sự Tòa Công-sứ Bắc-kạn

CÁC BẬC DANH-NHO NƯỚC TA (1)

IV

Đoàn Duy-Tĩnh 靖 惟 段

Ông Đoàn Duy-Tĩnh người làng Hải-yến huyện Quỳnh-côi, khi 35 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa nhâm-thân năm Cảnh-hưng thứ 13. Sau vì tị-hiệu chúa Trịnh Tĩnh-vương (chúa Xâm), bèn đổi tên là Nguyễn Thục 阮 俶. Tính ông cương - giới trung-trực, phong - lăng khảng-khái. Khi làm quan tại triều, vẫn lấy khí - tiết tự trì-thủ. Năm mậu - tí, ông làm quan Đông-các hiệu-thư, Thiêm-đô ngự-sử. Khi bấy giờ có tiến - sĩ Dương Trọng - Khiêm vì mắc tội phải bãi về nhà, nhân được cái công cáo - giác việc Trịnh-Lệ cùng với Tiến-sĩ Phạm Huy - Cơ mưu - phản, lại được thăng-dụng ra làm quan. Ông ghét Huy-Cơ là người hiểm-ác, bèn dâng tờ khải lên đàn-hặc, đại - lược rằng : « Tôi trộm nghĩ : Kẻ mưu nghịch, là việc đại-ác, mà kẻ cáo-giác việc mưu-nghịch, là lòng đại-trung. Nay Huy-Cơ cùng với Trịnh-Lệ tiềm-mưu làm phản, mà kẻ cáo-giác đem tỏ việc cho vua biết, để truất phạt kẻ có tội, thực là hồng-phúc nhà nước.

« Còn như Trọng - Khiêm phải bãi về nhàn-tản đã lâu, nếu biết đóng cửa lại mà hối-quá, không giao-thông với khách-khứa nào cả, thời cái mưu bất-thiện ấy sao lại đến tai được. Nếu có kẻ đem tỏ

(1) Dịch sách *Lịch-triều hiến-chương*. — Xem *Nam-Phong* từ số 52.

cái mưu ấy mà Trọng - Khiêm hay lấy chính-đạo trực-cự ngay đi, thời cái mưu tiếm-loạn ấy biết đâu chẳng vị một lời nói cuả Trọng-Khiêm mà từ-chỉ đi được. Nay Huy-Cơ là kẻ bị giam-trói, mà Trọng-Khiêm lại cùng thông-mưu ; Trịnh - Lệ đương ở cái địa-vị nguy-nghi, mà Trọng-Khiêm lại năng đi lại ; tự mình nhập-đảng, mưu-mô lẫn-lữa, để giúp cái mưu cho Huy-Cơ, to cái ác ngươi Trịnh-Lệ, rồi lại đi cáo-giác để nhận làm công mình ; cứ đoán lấy cái luật chu-tâm, thời Trọng-Khiêm cũng can-thiệp vào đảng đồng-ác; chẳng qua là chỉ hóng cái phú-qúi ở trước mắt, mà làm rây-rướng ra để cho mình vớ lấy một chức quan, kẻ dụng-tâm như thế rất là hiểm-ác.

«Vả lại nhà vua thiên-tính rất là hữu-ái, xưa nay xử với anh em không điều gì là không hết đạo phải. Thế mà Trọng-Khiêm chỉ vì cái kế thân-gia, mưu mẹo làm cho Trịnh-Lệ mắc cái tội tiếm-nghịch, để nhà vua phải áy-náy về việc xử-trí đạo nhân-luân, cứ thừa-trừ công với quá đi, thời Trọng-Khiêm có lẽ nào lại được thăng-thưởng. Như bảo rằng kẻ tố-giác mưu-gian mà không được thưởng, sợ rồi lấp mất cái đường trung-ngôn, thời chỉ thưởng cho vàng lụa cũng đã quá lạm rồi; nếu thưởng cho phẩm-trật đẳng-cấp triều - đình, tôi chỉ sợ những kẻ nghiêu-hãnh nó đua theo bày chuyện, không phải là để làm khuyên được.

«Chức tôi là giữ phần ngôn-trách phải nói, chớ không dám ghen-ghét gì, vậy dám tâu bày, chúng tôi rất lấy làm sợ hãi.»

Tờ khải tâu vào, Tĩnh -vương ban khen, thưởng cho ba nén bạc. Được ít lâu ông phải đình-ưu xin cáo về, hai lần cử ông ra làm Thiêm-đô. ông cố từ. Nhân khi ấy Triều-đình có kén tướng đem quân đi đánh giặc Chất ở Thanh-châu, ông bèn dâng sớ xin mặc áo giáp đi tùng-chinh để báo-quốc. chúa Trịnh ngợi khen lấy làm lạ, cử ông làm Giám-quân các đạo Hưng, Thanh, Tây, Tuyên. Khi ấy Thống-tướng Nguyễn Huấn dùng-dằng mãi không dám tiến quân, ông bèn dâng sớ lên hặc Nguyễn Huấn là người nhút-nhát và điều trần mười việc. Chúa-Trịnh bèn sai đem sắc - mệnh tới trong quân ban cho ông làm Thống-lĩnh ba đạo, và ban cho thanh gươm vàng để cho được đặc-quyền long-trọng. Ông hăng-hái ra trận, hạ lệnh bảo chư-tướng rằng : « Ai sai mệnh-lệnh thì cứ trông cái gươm này ! » Ba quân nghe lệnh đều khiếp sợ. bèn trỏ nẻo Thanh - châu mà tiến lên, đánh-phá tan quân giặc, đuổi thẳng đến sào-huyệt, hủy bỏ lầu gác, lấp phẳng hào rãnh, xá những kẻ bị hiếp mà phải theo, tha những kẻ tù-đồ phải giam trói, chiêu-phủ dân lưu-vong, định làm ước-thúc, để cho dân toàn-hạt được yên ổn. Hôm khải-hoàn kéo quân về, ông lập tức [illegible]ng sớ từ-chức, xin về cư-tang [illegible] nhế ở nhà. Năm sau triều - đình lại sai [illegible]ng làm Giám - quân, đi đánh giặc Mật ở [illegible]rấn - ninh, lại được có công thăng chức Thiêm-đô ngự-sử. Năm tân-mão, ông sung chức chính-sứ sang tuế-cống bên nhà Thanh, khi đi sứ về được thăng chức Phó-đô ngự-sử, tước Quỳnh-châu-bá. Năm giáp-ngọ, chúa Trịnh vào đánh trong nam, cho ông lĩnh chức Đốc-thị xứ Nghệ-an làm việc hiệp-trấn kiêm-lý cả các việc lương-sướng, vì bàn việc không hiệp ý với kẻ thân-thần là quận Thiều, ông bèn lập-tức xin cáo về, được hơn một năm thời ông mất, thọ 58 tuổi.

Ông học-vấn yêm-bác, phong-khí đĩnh-đặc, đủ cả tài kinh-văn vĩ-võ, làm việc gì cũng được, tuy là phái nhà nho mà ra làm tướng cầm quân lập được công to, thiên - hạ đều lấy làm khen. Những khi tiến-thoái ông đều giữ lấy nghĩa phải không có uốn cong đạo mình để cầu báu

rao, cái tiết-tháo cương-trực ấy người đời lấy làm khâm-ngưỡng lắm. Sau ông được truy-tặng Đô-ngự sử, tứ- thụy là Cảnh-trực 敬直.

24. — Nguyễn Huy-Cần 阮輝謹

Ông Nguyễn Huy-Cần người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm, cháu quan thượng-thư Nguyễn Huy - Nhuận 阮輝潤, con quan Học-sĩ Nguyễn Huy-Dận 阮輝胤. Khi nhỏ có tiếng văn - chương hay chữ, học-vấn uyên - bác, mấy lần đỗ khoa hoành - từ. Khi 32 tuổi đỗ hội-nguyên khoa canh-thìn năm Cảnh-hưng thứ 21, kỳ vào đình-đối thời bài làm rõ-ràng sung-thiệm, nên đỗ lên hàng nhị-tam-giáp cập - đệ, vì có chỗ đài-khoản thất-cách (1), phải đánh xuống đỗ đồng-tiến-sĩ. Khi ông vào triều làm quan có ý chán ngán không vui vẻ, bèn xin từ về, chỉ ở riêng một mình trong một cái nhà, lấy kinh - sử làm vui - thú, ít giao-tiếp với mọi người, thường ngồi đọc sách, chợt lúc đứng dậy đi diễu ngoài [illegible] ngâm-ngợi hình như có sở-đắc thú gì. Khi quan Học - sĩ trí-sĩ về nhà rồi, những lúc nhàn-hạ, cha con cùng nhau giảng bàn nghĩa-lý, xướng-họa văn thơ, trong gia-đình có cái lạc-thú tự-nhiên vui-vẻ, đời bấy giờ đều phục cái danh-tiết cao thượng của ông, mấy lần triều-đình trưng-triệu ra làm quan, đều không ra cả. Ông thường suy-trắc về đường lý-số, hay biết trước được mọi việc. Cuối năm Cảnh-hưng, ông có câu rằng : «Ông Lưu-Bị được quận Kinh-châu, cũng ví như loài thuồng - luồng gặp cơn mưa mà đắc-thế, 蛟龍得勢。荊州雲帝胃之池。Vua Đường - tôn phá thành Hoàn-sái, cũng vì chưng tiếng vịt ngỗng gặp trận tuyết mà kêu vang. 鵝鴨驚聲。蔡城南唐宗之擊。» Quả-nhiên về sau vua Chiêu-thống đem quân Tầu về phục-quốc đánh phá được Tây-sơn, song rồi cũng vì kiêu-túng mà phải thất-bại, sự-thế cũng hợp như vậy. Ý ông cao-kiến đại-loại như thế. Ông thọ 62 tuổi mới mất.

25. — Phan Huy-Cần 潘輝謹

Ông Phan Huy-Cần hiệu là Thận-trai 慎齋, người làng Thu - hoạch, huyện Thiên-lộc. Ông tiên-tổ do võ biền xuất-thân, truyền đời giữ đức trung - hậu. Ông người tuấn-dị hơn cả bọn bằng-bối. Khi nhỏ cha-mẹ mất sớm, nhờ bà ngoại là họ Dương nuôi cho đi học. Tính ông minh-mẫn nhanh-nhảu, xem sách đọc luôn và hàng mà không phải nghĩ-ngợi dò-xét gì cả, hễ qua mắt một cái là đến và năm cũng không quên. Thường đi du-học ở các miền tây-nam, mới trạc tuổi thành đồng mà văn-từ đã khoái-chá lắm. Đến khi lớn vào học các trường quan Thám - hoa họ Đỗ, quan Thượng-thư họ Nhữ (người Hoạch-trạch), học-nghiệp càng ngày càng tiến. Năm 26 tuổi, đỗ giải-nguyên; 33 tuổi đỗ hội-nguyên ; khoa giáp-tuất năm Cảnh-hưng thứ 15, vào thi - đình đỗ Đồng-tiến-sĩ. Sau vì tị-húy tên Thái-tử, ông phải đổi tên là Huy-Áng. Khi ông vào làm quan tại triều, cứ một mực trì-thủ công-chính, không chịu dua-nịnh kẻ quyền-yếu. Trước làm Hiến-sát-sứ Hải-dương, sau lịch-lý trấn Kinh-bắc, lại thăng hiệp-trấn Hải-dương, rồi về làm quan tại triều. Khi ấy có người hạch thần là Đỗ Thế-Giai được Trịnh Ân-vương (Trịnh-Doanh) yêu dùng, phàm các hàng tấn-thân đều

(1) Quyển làm văn trong trang giấy chia làm ba khoản : Khoản trên nhất gọi là du-cách, thì đài những chữ : « Thiên, Địa, Giao, Miếu ». Rồi đến khoản thứ nhất gọi là đệ-nhất-cách thời đài những chữ đức-tinh về Hoàng-thượng ; đến khoản thứ hai là đệ-nhị-cách đài những chữ « Quốc-gia, Thịnh-thế ». Còn từ khoản thứ ba trở đi thời viết bài làm. Nếu đài sai thời gọi là thất-cách

đến a-dua xu-phụ, chỉ một mình ông không chịu khuất vào yết-kiến, vì thế phải mắc vu-báng bãi-chức.

Ông về nhà, nhàn-cư tám năm, mở trường dạy học trò, tác thành cho kẻ hậu-tiến. Dẫu trong nhà thường thiếu-thốn mà vẫn xử điềm-nhiên như không. Thường giảng-tập với lũ học trò, không khi nào lấy sự đắc-thất mà áy náy trong bụng. Có người thấy ông nghèo, lấy lời an-ủi, ông đáp lại rằng : «Cứ giữ cái bụng mình khoáng - đãng luôn, cùng-thông cũng mặc quách, chẳng cần hỏi chi đến sự thừa hay thiếu ». Ông thực là người khâm-hoài sái-lạc lắm.

Khi Trịnh Tĩnh-vương cầm quyền quốc-chính, vì lời nói của Lệ-Trạch-hầu Nguyễn Bá-Lân, lại triệu ông ra dùng, năm bính-thân, cho ông làm Đốc-đồng ở Đồng-hải. Năm đinh-dậu, ông đi đánh giặc có công được thưởng ngân-bài. Năm tân-sửu, ông lĩnh chức Đốc-thị ở Thuận-hóa. Được ít lâu lại triệu về triều được vào dự chức Bồi-tụng, hàm Công-bộ Hữu-thị-lang kiêm-thự Binh-bộ Thị-lang, Quốc-tử-giám giảng-quan. Năm bính-ngọ, ông 65 tuổi về trí-sĩ, thăng Công-bộ Tả-thị-lang Khuê-phong-bá ; các quan đồng-triều có làm bài tự tiễn ông, lược-dịch như sau này : « Ngài đăng bảng khoa giáp-tuất, lúc mới ra làm Án-sát tỉnh Đông, rồi dự vào quan chức sáu phiên (1), tham-hiệp trấn Tây-thành, quyền trấn-vụ Kinh-bắc, đốc-trấn Hải-dương, Yên - Quảng, đồn Đồng-hải, thủ Hưng-hóa, trấn Cao-bình, trải làm quan các bộ-đài, su-bồi chốn lương-miếu, cái mưu-lược kinh-vĩ của ngài, không kỳ việc khó dễ đều cán-biện xong cả. Khi ngài ở Kinh-bắc, có sứ nhà Thanh sang ngài phải thay quan Đốc-trấn ân-cần đi thống-tiễn, sai-bát năm trạm, việc công thảo-tế mà không nhiễu dân. Đồn Đồng-hải là nơi yết-hầu chốn Thuận-hải, khi ngài tới đồn, chợt gặp lúc thổ-dân đương nổi loạn, chực muốn đánh úp lấy đồn, giặc kéo đầy đồng khắp núi, mà đồn thì không có thành-lũy gì vững trải cả, chỉ có độ hai trăm quân. Quan thủ-tướng không biết làm thế nào. Ngài hăng-hái thân ra trận-tiền, xướng - suất quân lính, phục binh lừa dụ đánh phá tan quân giặc, quan Đốc-tướng đến, chia quân ra các đạo đuổi đánh, giặc đều về hàng cả. Xong rồi, ngài tuyển lấy thổ-binh, đặt ra đồn-ải, để phòng-bị, từ đấy đồn lại vững-bền mà cõi nam yên.

« Qua đến đời Vương thượng (Đoan-nam vương Trịnh Tùng), mới cầm quyền-chính, xử-trí bọn kiêu-binh lắm khi ồn-ào không thiếp-phục, ngài phụng-chỉ ra ban cấp tiền lương cho quân lính, thời không ai nói gì cả. Rồi vào bồi-tụng, kể cái công tán-trợ tích-lũy có công-lao nhiều, đó đều là những hoạn-nghiệp của ngài. Ngài làm quan tuy giữa chừng có [illegible]áp, [illegible]à vẫn nhàn-tĩnh tự-thủ, dẫu bãi thôi cũng không có sắc giận. Đến vãn-niên được vua yêu-dùng, hai con nối lên làm quan hiển-đạt, mà bụng ngài vẫn giữ khiêm-tốn ; từ-chính hai ba lần, mãi đến khi vừa đúng niên-cách, ngài lại dâng sớ xin cáo mới được từ về. Ngài là người học-thức hàm-dưỡng vẫn có sẵn, nên xử lúc cùng lúc đạt, hiểu rõ cái nghĩa nên tiến nên lui, vậy mới tỏ ra ở đời vậy. »

Khi đã trí-sĩ rồi, gặp buổi Tây-sơn nổi loạn, vua Chiêu-thống lên ngôi, lại khởi-phục ông ra thăng làm chức Binh-chương-sự, vào hầu Kinh-diên, kiêm chức Tham-tụng, trải làm Tả-thị - lang Binh, Hình, Lễ ba bộ, kiêm Quốc - sử tổng-tài. Ông khẩn-khoản xin cáo về, từ chối rằng đã

(1) Cũng như lục-bộ nhà vua, thuộc về họ Trịnh đặt ra thời gọi là lục phiên.

suy-lão, bèn về hưu ở xã Thụy - khuê (làng Thầy), huyện An-sơn, là nơi nghĩa-ấp. Cái bụng cảm-hoài thương thời lo nước của ông không lúc nào quên, thường đề câu đối ở bên cạnh chỗ ngồi rằng: « *Gõ lái trỏ dòng sông* (1), *khi-khái xin nhường tay sắc xảo*, 擊楫江流，且讓辰英伸義慨。*Nên chốn vui khe núi, nhàn-du tạm dất lão nhà quê*. 考槃山澗。聊偕野老覓閒遊。» Khi về hưu được một năm thời mất, thọ 68 tuổi.

Ông khâm-hoài di-khoáng (2), đỗ song-nguyên ra làm quan, mà vẫn không dám tự-đắc là nhà văn - chương. lúc bình-nhật vô-cố không có hay làm thơ văn. Song xem những câu văn của ngài thời đủ biết cái khí anh-mại (3), cái lòng cương-trực. Phúc-ấm thanh-bạch của ngài để cho người đời sau rất là sâu-xa vậy.

26. — Ngô Thời-Sĩ 吳時仕

Ông Ngô Thời-Sĩ tên tự là Thế-Lộc 世祿, người làng Tả-thanh-oai, huyện Thanh-oai, tiền-đại vẫn là dòng-dõi nhà nho, ông khi nhỏ nhờ được khuôn-phép gia-đình, lại càng cần-cù về việc học, văn-chương nổi tiếng trọng-danh, đỗ đầu khoa tuyển-cử. chúa Trịnh lấy làm quyến-chú lắm. Song thi mãi không đỗ, nhà nghèo mà chí vẫn không nhụt, thường có bài văn trách bần-quỉ, đại-lược rằng:

« Thanh-đình-tử nhà cùng-quẫn, gạo củi túng bấn, có tạm coi việc Binh-tào, cũng là chức quan thanh-bạch, bèn gọi con ma nghèo mà trách rằng : «Mày với ta mới gặp mặt biết nhau, không phải là người thân-cố gì. Nhà ta vốn là bậc trung-sản, ăn-tiêu hao hụt, vườn ruộng bán sạch, mà mày mới dò đến cửa tao ; từ khi mày đến, những lúc ta hành- chỉ động-tĩnh, mày thường ở luôn với ta ; những khi ta bôn - tẩu chu - toàn ta chỉ vị mày xui-khiến. Áo xuân-cừu của chàng Thiếu-du vì mày mà phải cầm ; tờ thải-thiếp (4) của chàng Thạch-lang cũng vì mày mà phải viết ; vì mày mà phải đi vay, mày lại đóng cửa người ta lại ; vì mày mà phải thiếu nợ, mày lại giục người ta hỏi ; nhà cửa rột nát, mày bảo chửa cần phải chữa vội ; cúng-tế tân-khách không được hậu, mày bảo chửa nên làm phong-hậu vội ; hễ mày bảo gì ta cũng phải khúc-tùng (5) cả. Thế mà ta có cử-động làm điều gì, mày đều làm trái ngược cả đi. Khiến cho ta phải uốn lưng vì năm dấu gạo, chuyền tay là hết đồng tiền; năm được mùa mà mình đói, năm ấm áp mà mình rét, ta thường phải lo áy-náy không thể vong-tình được, cũng là tại mày cả, mày cớ sao lại dò đến đây làm chi ? Kìa như bầu thái-hư lộng-lẫy, trời đất mông-mênh, một gò một lạch, nên làm chốn mày ở ẩn, một bình một bát, vẫn có duyên yêu mày; sao mày không cút lên đỉnh núi cao, trôi xuống dòng bể lớn, để về chốn hư-vô mà yên nghỉ, sao lại cứ theo đuổi trêu ta mãi thế ? »

«Ma nghèo đáp lại rằng: «Tiên-sinh lầm to, tôi xin kể họ tên tôi cho tiên-sinh biết: Tôi vốn là con cháu vua nước Hữu-cùng, tên hiệu là Lũ-khống-chủ-nhân, truyền đời vẫn có tiếng là nhà thanh-bạch kiệm-ước. Tự đời tam-đại trở xuống, các bậc danh-thần hiền-tướng, hay tự-lập được

---

(1) Đời Tấn người Tổ Địch qua sông gõ bánh lái trỏ giữa dòng mà thề, quyết giết giặc để quét sạch chốn trung-nguyên.

(2) Khâm hoài di-khoáng, là trong bụng rộng rãi phẳng phiu yên lặng.

(3) Anh mại, là sáng-suốt cao-thượng.

(4) Thải-thiếp là tờ viết để hỏi vay nợ.

(5) Khúc-tùng là phải chịu khuất mà theo.

ở trong thiên-hạ, là đều nh ờta điểm-hóa cho. rồi sau mới thành-tựu được tính-chất, tăng-ích được tri khôn, mới hay dựng được công-nghiệp phi-thường lừng-lẫy, như là : Ông Y-Doãn còn có lúc phải lau vạc thớt, ông Thái-công còn có lúc phải gõ thớt dao : ông Nịnh Thích có lúc đi chăn trâu, ông Tô Tần có lúc phải mặc áo cừu rách ; đó đều là những việc rành rành ra ở đời trước cả đó. Thế cho nên những kẻ đã có mười mẫu ruộng gần thành, thời chỉ làm được lão chủ điền quê-kệch ; mà những người một manh áo vải, mới hay làm được bậc phò-tá huân-danh ; cảnh nghèo có phụ gì ai đâu ? Cho nên ông Vương Bá, ông Lã Mông-Chính, ông Phạm Hy-Văn đã qua cảnh nghèo mà còn làm thơ làm văn để ghi ta nhớ ta, đó là không quên nghĩa cũ vậy. Đại-đế trời sắp giáng đại-dụng cho người nào, thời bắt phải khốn-tâm hành-lự, làm cho trái-ngược những sự mình làm, để cho luyện-tập thêm những điều mình chửa giỏi. Ta thường nghe rằng : Cứ một mùa đông lại đến một mùa xuân, khuất nào mà chẳng thân ; một hồi hanh lại gặp một hồi truân, đi đâu mà chẳng quẩn lại ; nhà ngươi ba đời đọc sách, đã có ân thi mà chửa được thực báo, thời ngươi lại càng nên cố gắng lắm, Ta vì thế phải uỷ-khúc dạy dỗ, như vàng phải chịu rèn, như trúc phải chịu uốn, để cho am-hiểu mùi đời, trưởng thêm trí-lự, thời mới làm được cái công-nghiệp to lớn lâu dài. Nay ngươi động làm việc gì thời từ-ngữ, ngươi đã biết trừa bớt kiêu-khí đi rồi; lo việc gì đều siêng-năng, ngươi đã biết thu phóng-tâm lại rồi ; không kiêu không phóng, có thể thành-đức được, đức-nghiệp đã tiến thời công-danh tự-thành, phàm ngươi cần điều gì, trong sách đều có cả, mạ nghèo tôi cũng không hay bắt ngươi khuất lâu mãi được.»

Năm quí-mùi, ông được vào làm triều-quan, chức Công-bộ Cấp-sự-trung, sau ra làm Đốc-đồng Thái-nguyên. Năm 41 đuổi, đỗ Tiến-sĩ khoa bính-tuất năm Cảnh-hưng, tự ba kỳ hội-thí cho đến đình-đối đều đỗ đầu cả. Hôm về vinh-qui, vua cho quân linh và voi đi tiễn về và cho bài thơ ngự-chế để làm đặc-cách bao-thưởng. Năm đinh-hợi, ông tự Thái-nguyên về chầu, được thăng-thự Hiến-sát-sứ Thanh-hóa. Khi đáo nhậm rồi, những lúc rảnh việc công, ông thường đi chơi các nơi toàn-thạch, tìm cảnh u-tịch, thăm nơi cổ-tích, ông có dựng một cái gác gọi là Quan-lan-sào 觀瀾巢 ở núi Bàn-kha, phẩm-đề con sông, vị-trí khe suối, có bài văn ký khắc bia ở đó, ai xem cũng lấy làm hay. Đến ít lâu ông thiên làm quan Tham-chính tỉnh Nghệ-an. Năm tân-mão, ông coi việc khảo-duyệt, bị người Nghệ kiện, phải cách chức bãi về. Từ khi can-cữu về nhà, đóng cửa làm sách, chỉ lấy sách vở làm vui. Năm giáp-ngọ. Trịnh Tĩnh-vương (Trịnh-Xâm) vào tuần-sát trong Nam, xét biết ông bị oan, có ý muốn trạc-dụng. Năm ất-vị, khởi-phục ông cho làm Hàn-lâm hiệu-lý, kiêm Quốc-tử hiệu-chính. Ông dâng bài tạ-khải có câu rằng :« Đại-đức sinh là đầu, qua sấm sét lại nhuần ơn mưa móc 大德曰生。繼雷霆而爲雨露。Tiểu-nhân lòng dễ đẹp, sợ roi vọt mà ưa vẻ câu thường (1). 小人易悅。驚鞭樸而喜旂常。Lại rằng : Thưởng phạt bởi quyền tại-thượng dẫu nghiêm, quyết đoán là phải ; đánh đập mà ra

(1) Cân-thường là cờ thêu huân-lao người bày tôi.

ơn hiếu-sinh lại rộng, đổi lỗi thời dùng. Nên khiến đồ khí-vật đã bỏ trong ngòi, lại được lạm thanh-ban dự ngồi cuối chiếu, vân vân ». Được ít lâu ông thăng-thự Thiêm - đô ngự - sử ; dâng sớ lên điều - trần bốn việc : 1° là xin định lại khóa-pháp ; 2° là xin sức rõ tụng-lệ ; 3° là xin truy-sùng các đấng nho-tiên ; 4° là xin ly-chính các lối văn-thể. Lại dâng bài khải lên điều-trần việc binh dân. Chúa Trịnh đều nghe theo cả, được hơn một tháng, sai ông lên hiệp-trấn Lạng-sơn. Khi ấy trấn Lạng-sơn mất mùa đói kém, dân bảy châu phải lưu-ly chết đói nhiều. Khi ông đáo-nhiệm, hết-sức chửng-cứu, chiêu lưu-dân, khẩn hoang - điền, thân ra đốc-thúc cày bừa để khích-khuyến dân Mường Mán, đến mùa thu được mùa, thóc lúa bừa-bãi, trộm giặc yên-ổn, trong cõi vô-sự. Khi nào việc tuần-sát rồi-rảnh ngài lại đi dong chơi các núi non khe suối, tầm-u thám-hiểm, không [illegible] nào là không đến. Gần trấn-thành các [illegible] sông về phía bắc có trái núi, ông bèn tạc ra cái đồng gọi là đồng Nhị-thanh 二青, cảnh-trí kỳ-tuyệt. Khi việc công rảnh ông bèn thả thuyền sang chơi sơn-động, trèo lên thạch-giá, ngồi chơi uống rượu làm thơ, hứng - thú sái-lạc ; làm quan tại trấn được ba năm rồi mất, thọ 55 tuổi.

Ông học-vấn uyên-bác, văn-chương hùng-vĩ, thực là một nhà nho-tôn đại-gia quang-diện ở chốn Nam-châu. Tuy không được đại-dụng, nhưng mà thư-trạch thùy-dụ để ấm-tí cho đời sau còn mãi chửa hết vậy. Ông có làm ra sách vở rất nhiều, gọi là *Ngọ-phong-tập* 午峯集, bây giờ hãy còn truyền.

***

Xét các bậc văn-nho nước Nam ta cổ kim rất nhiều, không thể chép hết được. Song những ông nào đỗ lên khoa - bảng mà đức-vọng văn-chương không có điều gì hiển-nhiên khá xét được, thời nay đều không chép đến. Chỉ tót lấy người nào có đặc-sắc hơn cả, trước sau được và mươi ông : hoặc ông thời đứng-đắn đạo-đức, hoặc ông thời khí-tiết lừng-lẫy, hoặc ông thời giỏi về đường trước-thuật, hoặc ông thời tài về nghệ văn-chương, dẫu mỗi ông một khác, mỗi ông hay một vẻ, nhưng đều có tiếng lừng-lẫy ở đời, không phụ cái tiếng nhà nho, đáng làm gương cho kẻ hậu-tiến sau này vậy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

XÉT NGUỒN-GỐC CHỮ TÀU LÚC MỚI PHÁT-ÂM RA LÀM SAO

Loài người ta trước có ngôn-ngữ, rồi sau mới có văn-tự, vì tiếng nói người ta phát ra tự-nhiên, không ai phải học cả, nếu lấy cái tiếng gì để tỏ ra cái ý gì, mà cái tiếng ấy cả trong một bọn người ai cũng hiểu rõ mà công-nhận cả, thế là thành ra ngôn-ngữ. Muốn đem ngôn-ngữ mà ghi vào trúc-bạch (1), để truyền ra cho rộng và lâu dài, thời phải có văn-tự, thế thời chữ ấy chẳng qua là cái dấu-hiệu của tiếng nói mà thôi. Song đặt ra cái dấu-hiệu tiếng nói để dùng, thời mỗi dân-tộc một khác : Có nơi đặt ra mấy cái dấu âm rồi ghép lại thành vần, chỉ cốt làm cái dấu-hiệu để truyền cái âm

(1) *Trúc-bạch*, là tre lụa, cổ-giả chửa có giấy phải viết bằng mảnh tre, mảnh lụa.

ấy đi, chớ còn cái ý-nghĩa dấu âm ấy ra thế nào cũng bất-tất phải hợp với cái dấu-hiệu, như những dân-tộc Ấn-độ Âu-châu đặt ra tự-mẫu (chữ cái) là theo lối trên đó. Cũng có nơi không đặt ra cái dấu âm nhất-định, có chữ cùng một âm mà cái dấu (lối viết) tỏ ra lại có nhiều nghĩa, bởi cái dấu khác cho nên lại biểu ra cái nghĩa khác, tức như chữ nước Tàu vậy.

Hai thứ chữ trên đó đàng nào là tinh hơn, lối nào là tiện hơn, so-sánh mà bàn ra không phải một bài này biện-bạch hết được. Chỉ có một điều nên biện ra cho rõ, là lưu-tục ta thường cứ bảo chữ Tàu là thuộc về dòng *diễn-hình*, cùng với chữ Ấn-độ-Âu-châu thuộc về dòng *diễn-thanh*, hai dàng khác hẳn nhau, cái điều đó là thực lầm vậy. Nếu chữ mà không theo lối *diễn-thanh*, thời sao hay sinh nẩy ra nhiều được, mà chữ dùng có khi hết mất. Lối chữ của Tàu có sáu phép : *tượng-hình* 象形, *chỉ-sự*, 指事, *hình-thanh* 形聲, *hội-ý* 會意, *chuyển-chú* 轉注, *giả-tá* 假借. Tự khi Ban Mạnh-Kiên 班孟堅, Hứa Thúc-Trọng 許叔重, đều cho sáu phép viết ấy là gốc đặt ra chữ. Song tượng-hình, chỉ-sự, hội-ý là thuộc về *diễn-hình* ; hình-thanh, chuyển-chú, giả-tá là thuộc về *diễn-thanh* ; trong bộ *Thuyết-văn* (1) cả thảy là một vạn năm trăm mười sáu (10.516) chữ, mà thuộc về hình-thanh đến 8407 chữ, còn thuộc về tượng-hình, chỉ-sự, hội-ý, hợp-tính lại chỉ có hơn một nghìn chữ, mà chia ba đến một phần còn kiêm về hài-thanh; lại còn những chữ cứ y thanh ấy mà giả-tá ra chữ khác, thoát-biến cả bản-nghĩa đi, cũng đến một phần chia ba nữa. Thế thời dẫu bảo chữ Tàu đến chín phần thuộc về thanh-hệ cũng phải. Ấy là kể chữ một (đan-tự) còn như thế, chớ chưa kể đến lúc ghép làm thành ra văn-từ vậy.

Xưa nay nói đến sáu phép viết đều cho phép hình-thanh là dễ hiểu, bèn quên đi không giảng-cứu đến nữa. Đến đời nhà Thanh thời cái lối học về âm-vận tiếng cổ mới thịnh, thanh-âm quan-hệ với văn-tự thế nào, mới biết trú-trọng xét đến. Song những nhà nghiên-cứu mới xét về *thu-âm*, chưa xét đến *phát-âm*, chỉ trọng về *điệp-vận*, mà khinh-thị những tiếng *song-thanh*, cũng chửa được thật là thiết-đáng. Đến ông Lưu Thành-Quốc 劉成國 mới làm ra bộ *Thích-danh* cứ mỗi chữ đều thích ra song-thanh ; sách *Nhĩ-nhã* ba thiên hỗ-huấn đều dùng song-thanh để giải-thích các chữ đến quá nửa phần, ấy tất là có truyền-thụ ở đâu hẳn ; ta thường khảo-xét đến mới biết rằng muốn xét đến gốc chữ thời phải xét từ thanh-âm mới được, nên có nghĩ đặt ra hai công-lệ như sau này :

1° Phàm những chữ thuộc về phép hình-thanh, không những hình nó là có nghĩa, mà đến như thanh-âm nó cũng có nghĩa, thế thời phàm chữ hình-thanh mười phần đến chín phần kiêm cả hội-ý.

2° Phàm những chữ thuộc về phép chuyển-chú, phép giả-tá, nó cứ lần lần thay-đổi sinh thêm mãi ra là đều dụng song-thanh cả. Xin kể những chữ âm rõ-ràng để làm lệ như sau này :

Như chữ « *tiên* 戔 » nghĩa là nhỏ, thế là thanh mà hàm cả nghĩa, cho nên sợi tơ nhỏ là chữ « *tiễn* 綫 »; mảnh tre nhỏ dùng để viết là chữ « *tiên* 箋 »; mảnh gỗ nhỏ là chữ « *tiên* 牋 », đồ nông-khí và đồng tiền-tệ nhỏ là chữ « *tiễn* 錢 » ; giá-trị nhỏ bé là chữ « *tiện* 賤 » ; tre gỗ vụn-vặt nhỏ là chữ « *sạn* 棧 » (2) ; xe nhỏ

(1) Bộ sách thích âm nghĩa các chữ, cũng như bộ tự-điển.

(2) *Thuyết-văn* cho nghĩa chữ *sạn* là tre gỗ vụn vặt.

cũng là chữ « *san* 棧 »(1); chuông nhỏ cũng là « *san* 棧 » (2) ; đồ tửu-khí nhỏ là chữ « *chản* 盞 »,chữ « *chản* 琖 », chữ « *chản* 醆 » ; nước ít là chữ « *thiền* 淺 »; nước bắn phun tia ra là chữ «*tiện* 濺 » ; lời nói tiểu-xảo là chữ « *tiễn* 諓 » (3) ; vật gì không được kín-đáo bền-chặt là chữ «*tiễn* 俴 » (4) ; tiễn nhau bày tiệc rượu nhỏ là chữ « *tiễn* 餞 »; chân bước đi nhẻ nhẹ là chữ «*tiễn* 踐 »; xan trước cho nhỏ ra là chữ « *san* 剗 » ; tàn phá chỉ còn lại một phần nhỏ là chữ « *tàn* 殘 » ; trở lên đều thuộc về thanh-âm chữ « *tiên* 戔 » cả thảy 17 chữ, mà đều hàm cái ý nghĩa là nhỏ cả. Bộ *Thuyết-văn* đều cho những chữ ấy thuần - thuộc về phép hình-thanh, thí-dụ như chữ «*tiễn* 綫», *Thuyết-văn* chua là : « *tùng mịch tiên thanh*», ta xem ra thời vừa là hình-thanh mà kiêm cả hội-ý, nên chua rõ là :«tùng mịch, tùng tiên, tiên cũng là thanh 從糸從戔戔亦聲 ». Cựu-thuyết thời bảo rằng hình chữ có nghĩa, chứ thanh không có nghĩa, nói thế là lầm; cứ xét ra thời thanh - âm phát - biểu ra nghĩa lại hệ-trọng hơn là hình chữ vậy.

Lại chứng xem những chữ âm khác như chữ «*Đề* 氐 » nghĩa là gốc, *tùng thị* 從 氏, lại vạch thêm một nét chữ *nhất* (-) ở dưới; *nhất* là số mới sinh ra, đó là chỉ-sự. *Thuyết-văn* thời chua nghĩa như trên đó. Song xét chữ «*đề* 氐 » cũng như là chữ «*đề* 柢» này, tức là *căn-đề* 根 柢 , nghĩa là gốc, là trỏ cái gốc cây ăn sâu xuống chỗ đê-hạ vậy. Thế thời nguyên chữ «*đề* 氐 »này sau gia thêm *mộc* 木 bên thành ra chữ «*đề* 柢 ». Suy ý rộng ra thời ở dưới thấp kém người là chữ « *đê* 低 » ; chỗ thấp ở xó nhà là chữ « *đề* 底 » ; hòn đá dưới chân tảng là chữ «*chỉ* 砥 » ; chỗ vũng nước thấp là chữ « *chi* 泜 »; chỗ đất ti-thấp là chữ « *chi* 坻 » ; cái gò thấp là chữ « *chỉ* 阯 » ; giống trùng sinh ở đất ti-thấp là chữ « *chi* 蚳 »; miếng ván thò ra đàng sau xe là chữ «*chi* 軝 » ; cái nhà để cho sứ các nước thuộc-quốc đến ở là chữ «*đề* 邸 » ; con dê ba tuổi là chữ «*dê* 羝 » ; thần thổ-địa là chữ «*kỳ* 祇 » ; mắt trông xuống dưới là chữ «*đề* 睨 » ; lấy đầu ngón chân tay đấm đá nhau là « *đề* 抵 »; đó đều là những chữ thuộc về hình-thanh mà kiêm cả hội-ý. nên chua rõ là «*tùng bộ gì, tùng đề, đề cũng tức là thanh*».

Lại còn như chữ «*lăng* 夌 » dưới tùng 夂, trên tùng 光, nghĩa là cao, đó là phép hội-ý (lời chú-thích trong *Thuyết-văn*). Chữ «*lăng* 夌 » trên tùng 光 là tỏ cái ý cao đột lên, dưới tùng 夂 là biểu cái ý mũi nhọn sắc. Bởi thế cho nên đất mà nổi cao lên thành gò là «*lăng* 陵 »; bốn góc có cạnh nhọn ra là «*lăng* 棱 » ; nước vàng đồng nứt ra thành từng mảnh nhọn là «*lăng* 凌 »; đôi đầu củ ấu đâm nhọn ra là «*lăng* 菱 » ; hàng lụa gợn thủy-ba lên như núi nhọn là «*lăng* 綾 » ; (đó là lời chua trong *Thích-danh*); đó đều là chữ hình-thanh mà kiêm cả hội-ý, nên chua rõ là : « *tùng bộ gì, tùng lăng, lăng ấy tức là thanh* ».

Nếu nước Tầu dùng *chữ cái*(字 母) để đọc thành âm thời tự-thể nó phải kết-cấu ra làm sao ? Nay thí-dụ như âm chữ « *tiên* 戔 »,thời phàm chữ gì thuộc về âm *tiên* 戔 đều lấy chữ« *Ch'ien* »làm dấu hiệu, mà những chữ thiên-bàng ở bên chữ âm cái lại thêm một chữ ở cuối nữa để đọc cho thành âm, thí-dụ như 17 chữ viết ra như sau này :

---

(1) *Chu lễ-chú* cho nghĩa chữ *san* là cái xe nhỏ.

(2) *Nhĩ-nhã tích nhạc* cho nghĩa chữ *san* là cái chuông nhỏ.

(3) *Diêm thiết-luận* và *Việt-ngữ-chú* cho nghĩa chữ *tiễn* là lời nói tiểu xảo.

(4) Sách *Quản tử* thiên *Tham-hoạn* cho nghĩa chữ tiễn là cái vật không được bền chặt.

Ch'ien	戔	Ch'ieny	琖
Ch'iens	綫	Ch'iens	淺
Ch'ienj	箋	Ch'iens	濺
Ch'ienp ...	賤	Ch'ieny	俴
Ch'iens ...	錢	Ch'iene	踐
Ch'ienp ...	賤	Ch'ients	餞
Ch'ienm ...	棧	Ch'iens	踐
Ch'ienm ...	蓋	Ch'iend	剗
Ch'ieny ...	醆	Ch'iend	殘

Phép viết chữ như trên này so với cái lối viết như phép cũ chữ Tàu, dàng nào là tiện-lợi hơn, đó là thuộc về vấn-đề khác chưa bàn đến vội. Song xét như 17 chữ trên đó là cùng một tiếng gốc, cùng một dấu âm, nhân đó khái-niệm ra mới biết rằng rất là giống nhau, thật là rõ rành ra đấy. Ba chữ âm cái trên đó chẳng qua là tôi nghĩ đến thời viết ra để làm mẫu đó mà thôi, nếu hay đem cả những chữ hình-thanh trong toàn-bộ *Thuyết-văn*, đều xét xem những chữ nào là thuộc về dòng thanh-hệ nào, để tìm lấy nghĩa nó ra, hoặc có thể phát-minh được nguồn gốc chữ Tàu lúc mới khởi-nguyên ra làm sao chăng.

Không những là các chữ âm ở thiên-bàng (1) cùng viết theo một phép mà nghĩa nó mới giống nhau như thế đâu, phàm chữ nào đồng-âm tuy hình chữ nó khác nhau mà nghĩa nó vẫn thường giống nhau cả, như chữ « *địa* 地 » thời thiên-bàng không có theo chữ « 氐 » mà cũng hàm nghĩa chữ « *đê* 低 » chữ « *đề* 底 » cả; chữ « *đệ* 弟 » cũng thủ-nghĩa là thân-hình thấp nhỏ kém người anh nên gọi là *đệ*; chữ « *đế* 帝 » cũng có nghĩa là bậc trên giao-tiếp với bậc dưới; cho nên trông xuống gọi là « *đế thị* 諦視 ». Lại còn như chữ « *trích* 滴, *trích* 謫, *trích* 摘(2) », đều là tỏ cái ý động-tác từ trên xuống dưới, xem đó thời biết phàm chữ nào dùng cái dấu âm « *Dee* » để làm dấu, thời đều hàm có cái nghĩa ở dưới cả, hoặc là hàm có cái ý tự trên xuống dưới cả; không cứ rằng phép viết là « *đề* 氐, *đê* 低, *đề* 底 », hay là « *địa* 地, *đệ* 弟, *đế* 帝, *trích* 滴 », nếu cái tiếng âm nó đã cùng là một gốc, thời nó cũng hàm cái ý-vị cùng giống nhau cả, xem đó mà suy ra thời càng rõ lắm vậy.

Không những như thế mà thôi, lại còn cùng một tiếng phát-âm mà chiển-chuyển dẫn thêm mãi ra thành không biết bao nhiêu là chữ, sách *Nhĩ-nhã* thích chữ « *thiên* 天 » rằng: « Khí trời giáng xuống mà khí đất không ứng gọi là « *mâu* 雺 », khí đất phát ra mà khí trời không ứng là « *vụ* 霧 », *vụ* 霧 nghĩa là « *hối*, mờ tối ». Vương Quốc-Duy bảo rằng: « Chữ *mâu* 雺 với chữ *mụ* (vụ 霧) chữ *mối* (hối 晦), đều là theo một âm mà chuyển vần sinh ra ». Bởi vì chữ « *vụ* 霧 » nên đọc là « *mụ* » (tiếng Lưỡng-Quảng đọc như thế) chữ « *hối* 晦 » nên đọc là « *mối* » đều theo vần « *m* » phát-âm ra, mà đều hàm có cái ý-vị mô-hồ không rõ ràng cả, cho nên sắc buổi chiều mập-mờ không rõ gọi là « *mộ* 暮 »; cái màn che ngăn đi không trông suốt ra được là « *mạc* 幕 »; không được trông thấy nhau mà chỉ để lòng yêu-mến là « *mộ* 慕 »; đó là một nghĩa. Chữ *mụ* 晦 cũng có nghĩa là mờ-mịt minh-mông, nhắm mắt mà không thấy gì là « *minh* 瞑 »; nhắm mắt lâu mà toàn-thân im-lặng ngủ đi là « *miên* 眠 », đó là một nghĩa. *Minh* cũng có nghĩa là ám-muội, cho nên ngủ 眠 cũng gọi là « *mị* 寐 », đó là một nghĩa. Trông ra mông-lung không rõ là « *mông* 蒙 »; mưa phùn phui-phủi không trông rõ giọt nước là « *mông* 濛 »; con mắt mờ

(1) Thiên bàng là lệch ở một bên, như chữ tiễn 綫 chữ tiền 錢, là theo bộ chữ tiên 戔 ở mỗi bên; chữ đê 低 chữ đề 柢 là theo bộ chữ đề 氐 ở một bên.

(2) Trích 滴 là nước tự trên rỏ giọt xuống. Trích 謫 là tự ngôi trên phải biếm trích xuống ngôi dưới, hay là ra nơi xa. Trích 摘 là tự trên cúi xuống nhặt vật gì ở dưới thấp.

mịt trông không rõ là « *mông* 矇 » ; mắt mờ lắm gọi là « *manh* 盲 » ; cái lông nhỏ không xét thấy được là « *mao* 毛 » ; mắt mờ lóa cũng gọi là « *mạo* 眊 » ; tuổi già mà ý-thức lẫn lộn cả là « *mạo* 耄 » ; đó cũng là một nghĩa. Ý-thức phải cái gì nó che lấp đi mà làm lầm lẫn cả là « *mậu* 瞀 », cũng gọi là « *mậu* 謬 » ; không biết mình là lầm-lẫn trái-ngược mà cứ tự-ý làm liều đi gọi là « *mậu-mậu nhiên* 貿貿然 », đó cũng là một nghĩa. Điều gì không xét ra mà làm lầm là « *mê* 迷 » ; trong con mắt có cái nhài quạt che đi là « *mễ* 眯 » . Trời mờ mịt là « *mai* 霾 » ; tia mắt trông vào mà không trông rõ đến nơi được là « *mễ* 眯 » ; ngủ mê phảng - phất hình-như trông thấy vật gì ở trong mờ tối là « *mộng* 夢 » ; đương tỉnh mà mơ - hồ như mộng là « *mông* 懞 », cũng gọi là « *mông - đồng* 懞 懂 » hay là « *mông đằng* 懞 騰 » ; cái thái-độ say rượu là « *minh-đỉnh* 酩 酊 ». Cái gì nhỏ-nhặt mà không xét thấy được là « *vi* 微 » (Tiếng Quảng-đông đọc là mi) nói tiếng kép là « *mi mang* 微 茫 » ; nhỏ quá không rõ là « *vi-diều* 微 渺 », hay là « *diều* 杳 », nói tiếng kép là « *diều mang* 杳 芒 », hay là « *diều minh* 杳 冥 », hay là « *hốt-mạc* 芴 漠 ». Vật gì nhỏ mất hẳn đi là « *dẫn* 泯 », nói tiếng kép là « dẫn - một 泯 沒 », hay là « *ma - diệt* 磨 滅 ». Vi 微 cũng có nghĩa là « *mạt* 末 », cho nên nước mưa phùn lún-phún là « *mạt* 沫 ». Lại còn như mê-man, nói tiếng kép là « *mê-ly* 迷 離 », hay là « *mê-hồ* 迷 糊 » hay là « *mê-mang* 迷 茫 », hoặc gọi là « *mô-hồ* 模 糊 », hay là « *ma-hồ* 麻 糊 ». Mê mẩn không trông thấy mà dờ mò đi tìm là « *mô* 摸 », nói tiếng kép là « *mô-xách* 摸 索 ». Mê-hoặc gọi là « *mãng võng* 蒙 罔 » nghĩa là mờ mịt, nói tiếng kép là « *võng-võng* 惘 惘 » Cái dáng mê-mẩn có ý buồn là « *muộn* 悶 », Phàm những vật vi-mạt nó nhỏ mù-tịt ấy đều là vật lủn-mủn cả, cho nên vật gì xay ra lủn-mủn là « *ma* 磨 » ; hay là « *mĩ* 靡 » ; những vật nát mủn ra gọi là « *mi* 糜 », hay là « *mĩ* 靡 » ; vật gì nhỏ quá không trông thấy gọi là « *yêu-ma* 么 麼 » ; ma quỉ mập-mờ thấp thoáng không trông rõ là « *ma* 麼 ». Lá thứ cây cỏ nó nhỏ lắt-tắt là « *mi-vu* 糜 蕪 », hay là « *miên-mã* 緜 馬 » ; các cây leo ở dưới gốc cây mà lá nó lắt-tắt là « mộc-mao 木 髦 » ; thứ cá nhỏ là « *măng* 鯔 » (nghĩa thích ở Nhĩ-nhã) ; con chim nhỏ là « *miên - man* 緜 蠻 » (nghĩa thích ở Mao thi), con muỗi nhỏ là « *manh-mân* 蝱 蚊 », nhỏ tít nữa là « *miết mông* 蠛 蠓 ». lại còn một thứ trùng nhỏ nữa là « *mạch-vọng* 脈 望 », (tiếng Quảng-đông đọc chữ *vọng* 望 », âm là *mạnh*). Mưa nhỏ lún-phún là « *mạch-mộc* 霢 霂 », kỳ - thực chỉ là một tiếng mà viết thành hai chữ. Cây cỏ mới mọc nứt mầm ra chửa rõ là « *manh* 萌 », cái hoa nhỏ mới nhú ra lá « *mang* 芒 », tia sáng lập-lòe cũng gọi là « *mang* », đó cũng là một nghĩa. Nghĩa chữ « *minh* 冥 », là mờ-mịt không biết gì, cho nên người dân mà minh - nhiên vô-tri gọi là « *dân* 民 », (sách Lễ-ký Trịnh-chú : Chữ *dân* 民 nghĩa là mờ-mịt là nói người dân mờ mịt không biết gì) hay gọi là « *manh* 氓 » (kinh Thi có câu : *manh-manh suy-suy* 氓 氓 蚩 蚩). Bởi thế phàm những dân - tộc mờ-mịt còn là man mọi đều có tên riêng, hoặc gọi là « *mâu* 蒙 », hay là « *man* 蠻 », hay là « *miêu* 苗 », hay là « *mân* 閩 » Hoặc tên người hay tên đất chửa biết rõ còn mập mờ thời gọi là : « tên *mỗ* 某, xứ *mỗ* 某 » ; những chữ dùng để tỏ ý chửa có còn phải ngờ hỏi là chữ « *vô* (*mô*) 無 và *vô* (*mô*) 毋 », tiếng cổ và tiếng Quảng-đông đọc hai chữ trên đó là *mô* ; hoặc thêm một chữ trên nữa để tỏ ý lời hỏi thời nói rằng : « *đắc-mô* 得 無 hay là *tương-mô* 將 毋 » ; bạch-hoại thời nói chạnh ra là « *má* 麼 , *mạ* 嗎 », hay nói chạnh ra là *thậm-má* 甚 麼, *thập-má*

什麼», đó đều là chữ đệm để làm câu hỏi.

Trên này dẫn thí-dụ ra cả thảy 83 tiếng, mà đều phát-âm từ vần «*m*» cả, nói tóm cả ý-vị các chữ trên ấy đều hàm có hai nghĩa: Một nghĩa thuộc về phương-diện khách-quan là trỏ phàm những thể-chất hay trạng-thái vật gì tế-vi mờ-mịt không trông thấy rõ hay là không trông thấy hẳn. Một nghĩa thuộc về phương-diện chủ-quan là nói những cái trạng-thái thuộc về sinh-lý hay tâm-lý còn mập-mờ không xét rõ. Trong các chữ trên đó chữ nào là nghĩa chính, chữ nào là nghĩa dẫn thêm ra, nay cũng chưa thể phân-biệt cho đích-xác được. Song nó đã cùng gốc ở một tiếng mà ra thời nó hàm ý-vị cũng giống nhau mà cùng thừa-thụ với nhau cả. Nay thử lấy một chữ cái phát-âm đặt làm biểu ra để cho biết cái gốc tiếng nó biến-hóa ra như sau này:

Mao	髦	(*Mei*)	微
Mos	霧	(*Mei*) *mang*	微茫
Mui	晦	*Miao*	渺
Mu	暮	*Miao*	杳
Mu	幕	*Mia mang*	渺茫
Mu	慕	*Miao mong*	杳冥
Ming	冥	*Mimo*	芴漠
Ming	暝	*Mien miao*	緬邈
Mien	眠	*Ming*	泯
Mei	昧	*Ming mu*	泯沒
Mei	寐	*Mi*	滅
Meng	蒙	*Momi*	磨滅
Meng	濛	*Mu*	末
Meng	朦	*Mu*	沫
Mang	盲	*Mili*	迷離
Mao	毛	*Mihu*	迷糊
Mao	氂	*Mimang*	迷糊
Mao	耄	*Muhu*	模糊
Mao	昏	*Mahu*	麻糊
Miu	謬	*Mo*	模
Mou mou	貿貿	*Mosho*	模索
Mi	迷	(*Mang*)	罔
Mi	眯	(*Mangmang*)	惘惘
Mai	霾	*Meng*	悶
Mai	霧	*Meng*	懣
Mai	埋	*Mu*	磨
Mong	夢	*Mi*	靡
Mong	懵	*Mi*	糜
Mong tong	懵懂	*Mi*	靡
Mong t'ang	懵騰	*Mo*	麼
Minh tinh	酩酊	*Mo*	麼
Mi (*mu*)	糜蘼	*Mienma*	緜馬
Ming	民	*Mumao*	木毛
Mang	氓	*Ming*	繩
Mao	蟊	*Man*	蠻
Mienman	緜蠻	*Miao*	苗
Mingmang	蠓蠓	*Ming*	閩
Mimeng	幾蒙	*Mu*	某
Mei (*mang*)	脉望	*Ma*	無
Meimu	霾霧	*Mu*	毋
Meng	萌	*Mo*	麼
Mang	芒	*Ma*	嗎

Không những phát-âm cùng một tiếng gốc như trên đó mà thôi, lại còn có một chữ mà cả hình và thanh đều có nghĩa cả, như những chữ mới sinh nở ra sau, diễn hình chữ mà kiêm diễn cả thanh, mà cả hình và thanh đều diễn ra nghĩa cả, thí-dụ như chữ «*bát* 八» *Thuyết-văn* thích nghĩa rằng: «Bát nghĩa là *biệt* 別, tượng cái hình nó phân-biệt trái nhau», mà tiếng chữ «*bát*» phát-âm cũng theo một vần với chữ «*biệt* 別», chữ «*bội* 背»; nghe thanh-âm đã hiểu nghĩa rồi, mà trông cái hình chữ lại càng rõ nghĩa lắm. Bởi thế phàm chữ nào phát âm theo tiếng «*bát*» không những là diễn hình chữ *bát* mà lại diễn cả thanh tiếng *bát*. Thuyết-văn chua nghĩa dưới chữ «*bội* 北» rằng: «*Bội* nghĩa là phân rẽ, theo hình *trùng-bát*, *bát* nghĩa là *biệt*, cũng là thanh». Thiên Nghiêu-diển rằng: «*Phân bội Tam-miêu* 分北三苗». Sách Ngô-chí

truyện Ngu-Phiên rằng : « Chữ *bội* 北 cổ là chữ *biệt* 別 ». Xem đó thời biết là diễn cả hình với thanh rất là mật-sát lắm. Song còn những chữ khác theo hình chữ « *bát* 八 », mà phần nhiều quên đi không kể chi đến phần diễn-thanh cả, nay xin liệt ra mấy chữ nên cải-chính như sau này :

Thuyết - văn

Phân 分 nghĩa là biệt, hình chữ tùng *bát* 八, tùng *đao* 刀, đao để phân-biệt các vật.

Tất 必 nghĩa là định hẳn, hình chữ tùng *bát dặc* 八弋, thanh là theo tiếng *dặc*,

Thái 采 nghĩa là biện biệt là móng chân con voi có chia ghẽ, âm chữ thái đọc theo như tiếng *biện* 辨.

Bán 半 nghĩa là phân đôi, hình chữ tùng *bát* 八 tùng *ngưu* 牛 .

Bình 平 nghĩa là bằng phẳng, hình chữ tùng *can* 干, tùng *bát* 八 . *Bát* nghĩa là phân-biệt.

Cải-chính

Phân 分 nghĩa là biệt, hình chữ tùng *bát* 八 tùng đao, thanh cũng là theo tiếng *bát*.

Tất 必 nghĩa là phân rứt ra, hình chữ tùng *bát dặc* 八弋, thanh cũng là theo tiếng *bát dặc*.

Thái 采 nghĩa là biện-biệt hình chữ tùng *trùng-bát* 重八 thanh cũng là là theo tiếng *bát*.

Bán 半 nghĩa là chia đôi, hình tùng *bát* 八 , tùng *ngưu* 牛 ; thanh cũng là theo tiếng *bát*.

Bình 平 là phân cho đều, hình chữ tùng *can* 干 tùng *bát* 八 , thanh cũng là theo tiếng *bát* 八 .

Muốn thích nghĩa những chữ trên đó thời phải công-nhận cái công-lệ của ông Thiền Đại-Hân 鍵大昕 bảo rằng: «Cổ giả không có tiếng âm ngoài môi» thời biết rằng chữ «*phân* 分 » tiếng cổ đọc như « *bôn* 奔 »; chữ «*thái* 采 » tức là gốc chữ «*phiên* 番 », Từ Huyền 徐玄 chua âm rằng: «*Bồ-khoan thiết*» tiếng cổ đọc như « *ban* » (hai chữ trên đó người Nhật - bản vẫn đọc theo như tiếng cổ). Chữ « *bình* 平 » tiếng cổ đọc như « *binh* », đều là theo vần cái tiếng « *B* » mà phát-âm ra, chính là hợp theo về vần *bát*. Xem đó thời biết rằng phàm diễn những chữ thuộc về « *bôn - thanh* 分聲 », *bội-thanh* 北聲 , *ban - thanh* 番聲, *bán-thanh* 半聲, *bình-thanh* 平聲, thời một đàng là theo chữ «*bát* 八 » mà diễn - hình, mà một đàng là theo tiếng « *bát* » mà diễn - thanh, hình với thanh hợp lại thời nghĩa lại càng rõ lắm. Như chữ « *bội* 北 » tức cổ là chữ *biệt* 別 », diễn-hình ra là chữ « *bội* 背 », chữ « *tất* 必 » ; *bội* nghĩa là phân-biệt, *tất* nghĩa là định hẳn, hai chữ đó đều có hình chữ « *bát* 八 » và thanh tiếng « *bát* », mà diễn ra thành nghĩa cả. Lại còn những chữ theo hình và thanh chữ « *phân* 分 » mà diễn ra, như là phân-phối cho binh-quân là *ban* 頒» hay là «*ban* 班» ; nửa vằn nửa chất đều nhau là « *phần* 份 » (nghĩa thích ở Luận-ngữ Khổng-chú) ; phân của mà được phần ít là « *bần* 貧 » (nghĩa thích ở Thuyết-văn). Xay gạo cho phân-tan ra như bột là « *phấn* 粉» (nghĩa ở Thích - danh) ; lòng con mắt, bắc bạch phân - minh là « *phán* 盼 » (nghĩa thích ở Thuyết - văn) ; cỏ mới mọc mùi hương nó phân-tán ra là « *phân* 芬 » (Thuyết - văn). Khí - hậu không được tốt lành là « *phân* 氛 » ; giống chuột con tự chim phân-hóa ra là « *phân* 鵒» (nghĩa thích ở Thuyết-văn), phân-vân bời-rối không gỡ ra được là «*phân* 棼» là «*phân* 紛», những chữ trên đó đều đội hình chữ « *bát* 八 » và thoát thanh tiếng « *bát* » mà diễn ra thành nghĩa cả. Lại còn những chữ theo hình và thanh chữ « *bán* » mà diễn ra, như là phân tách mổ xẻ cái vật gì ra là « *phán* 判 »; bằng phân-tan ra là « *phán* 泮» ; bờ ruộng phân ngăn ra là « *bạn* 畔 » ; trai gái hảo-hợp với

nhau là « *phạng* 牉 » ; đôi người kết bạn với nhau là « *bạn* 伴 » ; một nửa mình bên xương sườn là « *phạng* 胖 » (nghĩa thích ở Thuyết - văn) ; phản bội là « *phạn* 叛 » ; những chữ trên đó đều đội hình chữ « *bát* 八 » và thoát-thanh tiếng « *bát* 八 » mà diễn ra thành nghĩa cả. Lại còn những chữ theo hình và thanh chữ « *ban* 番 » mà diễn ra, như là gieo rắc hạt giống là « *bá* 播 » ; phiên-dịch các thứ chữ ra là « *phiên* 繙 » ; đổi hẳn cái thói cũ đi là « *phiên* 翻 » hay là « *phan* 幡 » ; tóc bạc thành hai thứ là « *ba* 皤 » ; cỏ mọc tốt rườm rà là « *phồn* 蕃 » ; thịt sống mà nướng chín đi là « *phiên* 燔 » ; hai ngọn nước chảy xoáy quanh là « *phan* 潘 » ; đó đều đội hình chữ « *bát* 八 » và thoát thanh tiếng « *bát* 八 » mà diễn ra thành nghĩa cả. Lại còn những chữ theo hình và thanh chữ « *bình* 平 » mà diễn ra, như là phân giới-hạn ruộng ra là « *bình* 坪 » ; cái bàn cờ phân-giới ra làm đôi là « *bình* 枰 » ; bèo nổi trên mặt nước phân cách nhau từng gang-tấc là « *bình* 萍 » ; đó cũng là đội hình chữ « *bát* 八 » và thoát - thanh tiếng « *bát* 八 » mà diễn ra thành nghĩa cả. Còn những chữ chỉ thoát-thanh vần « *bát* 八 » mà không giống hình chữ « *bát* 八 » như là chữ « *bội* 北 » tức cổ là chữ « *biệt* 別 » ; chữ « *phân* 份 » biến hình đi chỉ theo vần đọc ra là chữ « *bân* 彬 », chữ « *bôn* 賁 », chữ « *ban* 頒 » ; nghĩa là ban tứ mà viết ra là « *ban* 班 » ; chữ « *ban* 頒 » nghĩa là ban-bạch mà viết ra là « *ban* 斑 » ; những chữ đó hoặc là theo phép giả-tá mà diễn thêm ra chỉ theo vần thanh-âm chớ không theo gì hình chữ mấy nữa. Lại còn như cùng biện lẽ kiện nhau là « *biện* 辨 » (nghĩa thích ở Thuyết-văn) ; phân phân-phải trái hơn thua là « *biện* 辨 » ; lấy lời nói biện - bác với nhau là « *biện* » 辯 ; văn vẻ bác-tạp cũng là « *biện* 辯 » (Thuyết-văn) ; tóc kết lại thành bím là « *biện* 辮 » ; hoa nở ra từng cánh là « *biện* » ; 瓣 cán-biện được xong việc cũng là « *biện* 辦 » ; những chữ đó dẫu không theo hình chữ « *bát* 八 » mà vẫn theo thanh-âm vần « *bát* » mà đệ-diễn ra thành nghĩa cả.

Trở lên dẫn-chứng ra cả thảy là 44 chữ đều theo vần « P » mà phát-âm ra, hàm có hai nghĩa : Một là những chữ tỏ về sự-vật gì nó phân-tách chia tan ra ; hai là những chữ nói về sự-vật gì nó phác-tạp với nhau, mà thanh-âm nó cũng đồng-xuất ra tự một gốc cả, sẽ liệt biểu như sau này :

八
Pa

必
北 Pei 別 . . : . 背 Pie
分 (Pen). . . . 頒 , 攽 Pan 粉 (Peng) 盼 (Pan) 芬 (Peng) 氛 (Peng) 鼢 (Peng) 棼 紛 (Peng)
半 Pan . . 判 (Pan) 泮 (Pan) 畔 (Pan)
牉 Pan 伴 Pan 胖 Pan 叛 Pan
番 Pan . . 播 Po 繙 (Pan) 翻, 幡 (Pan)
皤 Po 蕃 (Pan) 潘 (Pang)
平 (Ping) 坪 — (Ping) 枰 (Ping) 萍 (Ping)
彬 Pin 賁 Peng 班 Pan 斑 Pan
辨 (Ping). . 辨 Pien 辯 Pien 辮 Pien 辦 Pien 辦 Pan

Lại còn những chữ cùng nói về một sự vật giống nhau mà chữ viết chỉ hơi đổi một vần ở đuôi chữ để tỏ ra rằng hơi khác nhau mà thôi, xem trong sách Nhĩ-nhã thời thấy nhiều chữ như thế, như là thích về bộ cung-thất rằng : « cái gỗ *chức* 樴 » lớn là « cũng 栱 », dài là « *các* 閣 », Thích bộ thủy rằng : « Nước sông rót vào khê là « *cốc* 谷 », rót vào cốc là « *câu* 溝 », rót vào câu là « *cối* 澮 ». Sóng lớn là « *lơn* 瀾 », sóng nhỏ « luân 淪 ». Thích khí-dụng rằng : « Vàng đỏ thật tốt là « *lưu* 鏐 », bạch-kim là « *liêu* 鐐 ». Lại còn các thiên khác cũng nhiều chữ như thế, (Sách Nhĩ-nhã ông Vương Quốc-Duy thích những chữ về bộ điểu-thứ thảo-mộc,

ngư-trùng đại-loại như thế cũng nhiều) nay thử lấy biến-âm viết ra như sau này :

棍 *Kun*, 閑 *Kou*, 谷 *Ku*, 溝 *Ko*, 淪 *Kuei*, 瀾 *Lan*, 淪 *Lun*, 繆 *Liao*, 鎐 *Liao*

Những phép viết chữ biến đổi như thế, thực là giống chữ nước Anh vần «*Man*» với vần «*Men*», chỉ đổi có một chữ hay hai chữ trong chữ vần cái để tỏ chữ ấy là nói về một chủng-loại trong một sự-vật gì hơi khác nhau mà thôi. Trong sách *Nhĩ-nhã* ba thiên huấn-hỗ phần nhiều theo những chữ chuyển âm mà thích nghĩa, như là chữ : «*Sơ* 初, *tai* 哉, *thủ* 首, *cơ* 基, *triệu* 肇, *tổ* 祖, *nguyên* 元, *thai* 胎, *thực* 俶, *lạc* 落, *quyền* 權, *dư* 輿 (nghĩa là *thủy* (mới), » chỉ trừ có ba chữ : « *nguyên*, *thai*, *lạc* » ra, còn các chữ kia âm nó gần giống nhau cả. Lại như chữ «*vĩnh* 永, *dạng* 羕, *dẫn* 引, *diên* 延, *dung* 融 *tuấn* 駿 (nghĩa là trường (dài), trừ ngoài chữ « *tuấn* » ra còn các chữ kia đều song-thanh cả. Lại như chữ « *Di* 怡, *dịch* 懌, *duyệt* 悅, *du* 愉, *dự* 豫» (nghĩa là vui); chữ «*chiền*, 展, *thẩm* 諶, *doãn* 允, *thận* 愼, *đản* 亶 », nghĩa là thành-thực. vân vân. những chữ đó pháp-âm cùng một tiếng gốc mà dưới đuôi vần chỉ biến-đổi một chút mà thôi.

Lại có một lệ rất kỳ-dị nữa như truyện *Công-dương* rằng : «*Phạt giả vi khách, phạt giả vi chủ* 伐者爲客 伐者爲主 » Cứ họ Hà thích nghĩa rằng: « Chữ *phạt* 伐 trên là trỏ người đi đánh, đọc tiếng nó hơi ngắn; chữ *phạt* 伐 dưới là trỏ người bị phạt, đọc tiếng nó hơi dài ». Bảo rằng đọc tiếng nó hơi ngắn hơi dài, nay cũng không biết đích cái thanh-âm nó đọc ra làm sao, nay thử lấy ý viết ra như sau này:

Chữ phạt thuộc về chủ-động : « 伐 *fat*»
Chữ phạt thuộc về bị-động : « 伐 *fart* »

Đó những phép biến-hóa như thế cùng với những tiếng «*Strike*, *Struck*» chữ nước Anh, chẳng là giống lắm ư, chỉ vì chữ Tàu kết-cấu viết khác với lối chữ Âu-châu, cho nên những chữ nó biến-hóa như thế không thể lấy dấu âm mà biểu-hiện ra được.

Hứa- quân ở trong bộ *Thuyết-văn* giản-thích phép *chuyển-chú* 轉注 có câu rằng : « *Kiến loại nhất thủ, đồng ý tương thụ* 建類一首。同意相受。» Thế mà cả toàn-bộ *Thuyết-văn* không thấy nói rõ chữ nào thuộc về phép *chuyển-chú*, người đời sau không biết phép *chuyển-chú* là chữ viết thế nào mà giải-thích ra cho đích-xác, bàn đi nói lại cãi nhau mãi đến bây giờ cũng chửa quyết. Cứ như ý tôi ức-đoán thời Hứa-quân bảo rằng: «*Kiến loại nhất thủ*» không phải là nói về loại hình chữ, cũng không phải là kể đầu hình chữ, là nói về loại thanh-âm và tiếng đầu chữ để phát-âm, thí-dụ như đặt những chữ thanh-âm thuộc về nhất-loại lấy một chữ cái đứng đầu để làm tiếng phát-âm, phàm diễn cái thanh-âm chữ đứng đầu ấy, dẫu cái tiếng thu-âm sau cùng nó có hơi khác, nhưng cũng là đồng-ý tương-thụ cả, ấy là phép *chuyển-chú*. Thí dụ như đặt âm vần « *tiên* 戔 » đứng đầu, mà dưới những chữ «*tiễn* 綫, *tiên* 箋, *tiền* 錢 » thời đều là chịu đồng-ý với vần *tiên* cả. Đặt thanh-âm về môn-loại chữ «*Bát* 八 » đứng đầu, thời những chữ « *Phân* 分, *binh* 平, *bội* 北, *biệt* 別 » đều là đồng-ý chịu âm chữ «*bát*» cả; thế thời phàm những chữ hài-thanh chuyển-vần như thế mười phần đến chín phần kiêm thuộc về phép *chuyển-chú*, không thể kể cho xiết được, cho nên Hứa-quân không kể rõ ra nữa.

Ký-giả luận-liệt ra bài này, cũng chửa dám tự-tín là phải. Song muốn xét nguyên-lưu chữ Tàu thời quyết là phải chú-ý về đường phát-âm. Tiếc rằng tôi vốn chửa thâm về đường âm, học tiếng cổ, cho nên không hay sưu-tầm chứng-cứ để phát-minh cho rộng cái thuyết ấy ra. Các bậc bác - nhã

quân-tử nếu đối về việc âm - học chữ Tàu có lòng nghiên-cứu, thời tôi xin nói cái phương-pháp dụng-công và cái kết-quả nên làm thế nào, xin kể như sau này :

1o Là phải nghiên-cứu cái tiếng đời cổ đọc nó có khác với thanh-âm đời nay (như là tiếng cổ đọc không có cái tiếng phơn-phớt ngoài môi), để truy-tầm thanh-hệ (1) cho rõ ràng, chớ không nên duyên-tập bậy.

2o Là phải bắt-chước ông Trần-Phong 陳 澧 làm ra cái biểu phân thanh-âm ra từng môn-loại, xếp đặt ra từng môn-loại tiếng chữ cái, để quán-thông cả những tiếng cổ kim đọc khác nhau, (những thanh-âm chữ cái tưởng còn phải cải-chính nhiều).

3o Là phải làm ra cái biểu tiếng đọc phỏng như bộ *Thuyết-văn* của ông Miêu Qui 苗 夔 phân ra môn-loại từng thanh từng vận theo nhau, để xét cho biết rằng những môn-loại thanh-âm vốn là đồng-ý theo với nhau.

4o Là làm ra một quyển tân-tự-điển cứ theo thanh-âm mà chia ra từng-bộ, chớ không theo tự-hoạch mà phân-bộ như trước nữa, để cho người học cứ theo vần mà đọc thời chóng hiểu hơn.

ĐÔNG-CHÂU dịch
bài chữ hán của LƯƠNG KHẢI - SIÊU
đăng ở báo *Đông-phương tạp-chí*
quyển thứ 18, số 21

THỔ-ĐỊA NHÂN-DÂN XỨ BẮC-KỲ

Việc cải-lương hương - chính trong các xã dân An - nam xứ Bắc-kỳ, nghị-định đã ban-bố rồi ; những chính-sách tối - lương-hảo ấy, ai trông thấy mà chả vui - sướng mà chả hoan-nghênh, như trông thấy cái cây rực-rỡ những hoa thơm cùng sắc đẹp ; nhưng muốn cho kết-quả mĩ-mãn, thì cần phải bồi-bổ từ rễ từ gốc, để hút mầu tốt lên nuôi cây. Rễ với gốc ấy là gì ? là thổ-địa, nhân-dân vậy. Cái gốc ấy từ khi khai-thiên lập-địa, từ dân bán-khai cho chí văn-minh, dù Đông dù Tây dù Nam dù Bắc, đã họp thành một dân - tộc, đã dựng thành một quốc-gia là đều phải chú-trọng, đều phải nhận - chân câu cách-ngôn thiên-cổ của một bậc đạo-đức, chính-trị tuệyt - luân của cả một dải đông-bán - cầu, là ông Mạnh - tử nói : « Thổ-địa, nhân-dân, chính-sự là ba cái chí-bảo của các nước các dân » làm qui-giám trong việc nuôi dân dạy dân vậy.

Phải lắm, bởi vì thổ - địa sản ra nhân-dân, mà nhân-dân sản ra chính-sự ; đất không có người thì đất không tự làm gì được, người mà dại thì người cũng là bỏ đi, mà việc dù hay cũng thành bỏ nát.

Vậy thì muốn thực - hành được cái thiện-chính lương-pháp của Nhà-nước đã ban-phát cho ta, thì đầu hết phải bồi-bổ cái rễ cái gốc là thổ-địa nhân-dân của ta đã. Muốn bồi-bổ cho được sinh-trưởng kiện-toàn, thì cần là phải xét xem tình - hình hiện - tại thế nào, căn-nguyên khuyết-điểm làm sao ?

Ai cũng biết rằng Bắc-kỳ ta tuy là một xứ gọi chung, nhưng thổ-địa có chỗ cao chỗ thấp ; chỗ cao là thượng-du, là rừng núi, riêng để cho giống người Thổ, người Thái, người Mán, người Mường, đây không cần nói đến. Đây chỉ xét riêng về thổ-địa là chỗ bằng chỗ trũng, nhân-dân là giống An-nam ta mà thôi. Nhưng không thể lấy lý

(1) Thanh hệ 聲 系 dòng thanh âm chia ra từng môn loại.

luận bàn gồm vào một mối được; xét cho thực đến nơi đến chốn thì thấy thổ-địa nhân-dân còn có khác nhau, nên gọi là miền trên, miền dưới. Miền trên (*từ Hà-nội, Bắc-ninh, Sơn-tây trở lên, tục gọi là xứ Bắc, xứ Đoài: xứ Bắc về bên tả sông Nhị-hà, xứ Đoài thì về bên hữu*) thì ít người nhiều ruộng, mà là cựu-thổ cho nên đất xấu - chỉ trừ những đất ở lưu-vực sông Nhị-hà có sa bồi thời tốt mà thôi. Miền dưới (*từ Hà-nội, Bắc-ninh, Sơn-tây trở xuống, tục gọi là xứ Đông xứ Nam, xứ Đông về bên tả sông Thái-bình, mà xứ Nam thì về bên hữu*), thì nhiều người ít ruộng, mà là tân-thổ cho nên đất tốt, chỉ trừ mấy huyện-hạt ở gần bãi bể là nhiều ruộng hơn. Sự khác nhau ấy là bởi cái lẽ biến-chuyển bất-thường mà ra, Nguyên trước kia thì miền trên người đông của lắm, dân mạnh nước giàu, cứ xem những đình những chùa phần nhiều vĩ-đại xương-kính, khởi-tu từ đời Hậu-Lê, ở trên câu-đầu bắp-quả còn khắc niên-hiệu rành rành; lại còn nhiều cửa đình treo một tấm biển vua (*Lê-triều*) ban ba chữ «*trung-nghĩa dân*», trải bao là cuộc bể-dâu mà nét vàng còn chói, mầu sơn còn nồng, bút-lực cực-kỳ hùng-tráng, bút-khí cực-kỳ tinh-thần, mỗi chữ hình như đặt cái cốt-khí anh-hùng của một quốc-gia đương hồi văn-minh cường-thịnh; kịp đến hơn hai thế-kỷ về sau (từ hồi Trịnh-thị tranh quyền cho đến Bản-triều khai-sáng), cái nhà Nam-Việt cổ-đẹp này trải bao phen bị người Tàu sang tàn-phá vì người tranh-bá đồ-vương mà rước họ về; bởi thế mà người miền trên chạy tràn mãi xuống miền dưới mỗi ngày một nhiều, hóa ra ngày nay mới trù-mật thế này.

Nay đem phân-tách ra hai miền như thế, lấy phần nhiều từng làng trong mỗi miền mà xét, thì sẽ thấy hai miền ấy thổ-địa nhân-dân (cứ lấy từng phần trăm nhà má kể) khác nhau theo như bốn cái tổng-biểu kê ở sau này:

1. — Thổ-địa miền trên

Điền-thổ: bao nhiêu mẫu trở lên (Mẫu nam)	Bao nhiêu nhà (Kể phần trăm)	Thừa hay đủ hay thiếu thóc ăn	Nguyên-nhân khác
10 mẫu trở lên	30	Đủ ăn	Thừa nhưng không hay trữ.
5 »	40	Đủ ăn	Bóp-chắt thì mới đủ.
2 »	20	Thiếu ăn	Nhưng lần-hồi cũng tạm đủ.
không đầy một mẫu	10	Thiếu ăn	Thiếu nhưng khám-khổ cũng vừa.

2. — Thổ-địa miền dưới (1)

Điền-thổ: bao nhiêu mẫu trở lên (Mẫu Nam)	Bao nhiêu nhà		Thừa hay đủ hay thiếu thóc ăn	Nguyên-nhân khác
	Chỗ không lụt	Chỗ bị lụt		
10 mẫu trở lên	30	5	Đủ ăn	Thừa mà để cho vay lãi.
5 »	40	15	Đủ ăn	Bóp-chắt thì mới đủ.
1 »	35	40	Thiếu ăn	Lần-hồi bóp-chắt mới đủ.
không đầy một mẫu	35	40	Thiếu ăn	Phải điêu-đứng vất-vả.

(1) Miền này lại có hai cảnh khác nhau là: chỗ không lụt và chỗ bị lụt, chỗ bị lụt thì nhiều, nhưng đấy chỉ kể riêng chỗ bị lụt nhiều lắm, nghèo lắm, là mấy hạt này: Duy-tiên, Kim-bảng, Bình-lục (Phủ-lý), Y-yên, Phong-doanh, Vụ-bản, Mỹ-lộc (Nam-định) Gia-viễn, Gia-khánh (Ninh-bình).

Thổ-địa là gia-tài chung của nhân-dân, gia-tài đã khác nhau, thì cảnh-ngộ nhân-dân cũng khác nhau :

3. — *Nhân-dân miền trên*

Làm nghề-nghiệp gì	Bao nhiêu nhà (Kể phần trăm)	Thừa trừ
Học trò (1)	5	Số kê đây là đã trừ mỗi tỉnh có mấy làng làm các công-nghệ như : làm mật, làm dầu, đồ đất, đồ đồng, đồ gỗ, đồ tơ, vân vân. Lại trừ các người làm việc ở công-sở, ở tư-hội tư-gia tại cái tỉnh-phố, vì trước khi các xã chưa cải-lương thì hình như đối với dân làng không có quan-hệ gì cho lắm.
Làm ruộng	15	
Làm thợ	2	
Đi buôn	2	
Tạp-nghệ (2)	76	

4. — *Nhân dân miền dưới*

Làm nghề nghiệp gì	Bao nhiêu nhà (Kể phần trăm)	Thừa trừ
Học trò (1)	10	Cũng như biểu trên.
Làm ruộng	20	
Làm thợ	5	
Đi buôn	5	
Tạp-nghệ (2)	60	

Trước khi đem so-sánh thổ-địa nhân-dân hai miền ấy hơn kém nhau thế nào, hãy xin xét xem tình-trạng chỗ giới-hạn hai bên là ba tỉnh Hà-đông, Bắc-ninh, Sơn-tây (1/2 tỉnh Sơn-tây, 1/3 tỉnh Bắc-ninh và 1/2 tỉnh Hà-đông, nghĩa là cách Hà-nội 20 cây-lô-mét trở lại) nhất là tỉnh Hà-đông, thì thấy nhân-dân sung-túc có thể gấp hai cả hai miền kia. Bởi sao mà được phong-lưu sung-túc như vậy ? Bởi vì người ta ở gần cái học-đường to, cái kho-bạc lớn của cả một xứ Bắc-kỳ là thành-đô Hà-nội, cho nên người ta thu-hấp được nhiều, nào là học-hành, nào là công-nghệ, nào là thương-mại, cái gì cũng tiếp-súc, cũng thâu-nhập được tiện được nhanh; sau nữa người ta được cái ít ruộng cho nên dễ đường bay-nhảy. Ấy vì người ta phong-lưu sung-túc như vậy, « phú-quí sinh lễ-nghĩa », thì có thể dễ cải-lương. Chung-qui chỉ hai miền kia, nhất là mấy hạt ngập-lụt, mấy hạt ven bể miền xuôi, thì trăm năm bao giờ cũng chịu sút kém.

Giờ đem so-sánh hai miền trên dưới thì thấy hơn kém khác nhau thế này.

So-sánh về việc thổ-địa. — Thì thấy miền trên số người làm ruộng

(1) Học trò cũ hiện lần-quất ở thôn-quê.

(2) Tạp-nghệ như : làm Tổng, Lý, Kỳ dịch, vân vân, và những nghề như cầm, kỳ (cờ bạc), thi, tửu ; phù-thủy, lương-y, địa-lý, thầy số, thầy tướng, thầy giò, thầy kiện, nha-phiến, thiết-đạo, vân vân.

nhiều hơn miền dưới, mà người ít ruộng thì kém miền dưới, sự hơn kém ấy mỗi số bằng này : Hạng nhất hơn chỗ không lụt 4/6, chỗ bị lụt, 5/6. Hạng nhì hơn chỗ không lụt, 2/4, chỗ bị lụt, 5/8. Hạng ba kém : chỗ không lụt, 3/7 ; chỗ bị lụt, 2/4. Hạng tư kém : chỗ không lụt, 5/7 ; chỗ bị lụt, 3/4.

So-sánh về nhân- dân. — Thì thấy miền trên bốn hạng kém miền dưới, duy có một hạng cuối cùng là chiếm nhiều hơn ; sự kém hơn ấy mỗi số bằng này : Hạng hộc-trò, kém 5/10. Hạng làm ruộng, kém 1/4. Hạng làm thợ, kém 3/5. Hạng đi buôn, kém 3/5. Hạng tạp-nghệ, hơn 3/12. Nhưng ngày nay hễ miền trên kém phần nào, thì người miền dưới — nhất là mấy hạt lụt luôn — lên điền - thế vào ; như hạng học trò-cũ thì lên dậy học, hạng công-thương thì lên làm thợ, buôn bán ; hạng làm ruộng thì lên làm thuê ; nhiều nhất là người lên làm hàng xáo (xay-lúa giã gạo bán), về cuối năm nay, vì miền trên ít người, cách sinh - hoạt còn dỡ kịch-liệt ; sự di - dân ấy cũng là một điều hay cho người miền dưới, song cũng lại hại cho miền trên, vì mỗi người lên, lại hình như đem nuôi cái tính lười - biếng, nghĩa là lên làm thay cho họ, cho nên số người tạp - nghệ trên ấy mới nhiều hơn, mà chắc là càng ngày càng nhiều. Sự di - dân ấy là bởi lẽ tự-nhiên đưa-đẩy mà ra ; vì miền dưới là nơi thung-lũng, như cái kho chứa nước hằng năm ; không kể những năm và những hạt bị lụt vì vỡ đê, thường cách một vài năm lại có một năm mưa nhiều như năm nay, điền-hòa hỏng mất, chỗ thì quá nửa, chỗ thì vừa nửa, chỗ thì non nửa ; thành ra của đồng quến của nhà, sự lỗ-vốn đã rành trông thấy ; vậy từ độ gặt này đằng -đẵng đến vụ gặt sang năm, thì ăn bằng gì ? Thôi thì phải vay mà ăn vậy. Vay vụ này đến vụ sau trả, có khi phải một lãi hóa hai, cũng cố nhắm mắt bấm gan mà chịu, rồi lại phải cầm ruộng gán nhà mới vay được. Lỡ ra mà vụ sau cũng bị ngập-lụt hay là khô - cạn mất mùa, thì ruộng nhà ấy sẽ phải cái số-mệnh chui vào tay chủ-nợ đó. Hoặc-giả may ra mà được mùa đi nữa, thì cả gốc lãi ắt hẳn không thể trả trót-lọt một lần, thế nào chẳng rớt vốn rớt lãi lại ít nhiều ; rồi cứ con lên làm mẹ, không bao lâu nó sẽ lớn vượt cái số ruộng nhà cầm gán xưa kia, thôi thế ruộng nhà đi đứt ! Ấy duyên-do như thế mà miền dưới có lắm nhà giàu nổi tiếng những năm-mươi với một trăm gian nhà thóc ; mỗi một nhà giàu lừng-lẫy như thế, tức là hút mất hàng trăm nhà cắt không ra máu nữa. Sau nữa, vì cái tai-hại ngập lụt hằng năm, đường xá giao-thông cách-trở ; cái đó mới lại là nguyên-nhân thạc-đại của miền này sở-dĩ trở nên nghèo túng vậy ; nghèo về tiền của đã xong, gia-chi nghèo túng về trí-thức nữa : đã khổ vì nghèo mà không mấy người đi học được, đến người đi học lại khổ về nỗi đường -xá ngập băng đứt quãng, thành ra đứt quãng cả con đường học-thức mai sau. Đó là những trở-lực nguyên-nhân bằng tầu, dắt nhau lên mạn ngược cả.

Ý hẳn Nhà-nước cũng buồn thay cho miền thung -lũng này, mà khuyên-hướng về sự khai-hóa kinh-doanh cho miền trên đó, vì khai- hóa trên kia không phải cái trở-lực nào to, cho nên đường-xá rực-rỡ sáng-suả như gương, chỗ này thì học đường, chỗ kia thì dục-viện, chỗ nọ đồn binh, chỗ kia đồn-điền, tưởng không mấy hạt dân là không có ; cái tiền-đồ của dân mạn ngược tưởng không mấy chốc mà giàu-thịnh văn-minh thứ nhất cõi Đông-Pháp này vậy ! Nhưng lại còn phải biết rằng : tuy Nhà-nước nhiệt- tâm khai-hóa cho ta, mà tự ta cũng phải đem bụng nhiệt - thành vào mới

được, vì việc gì cũng vậy, tuy tạo-nhân ở Chính - phủ mà kết - quả chính là ở quốc-dân ta. Song cứ như cái, nhân-thân cái tính-chất dân ta, tưởng cũng khó lòng mà lay chuyển được, vì nó đã vùi sâu bám chặt vào cái miếng đất này đã mấy nghìn năm nay, làm phi-liệu bồ-dưỡng cho cái nhân-thân cái tính-chất ấy, lại chính là một cái nghề phổ - thông và quan - trọng nhất là cái nghề làm ruộng cấy lúa, xưa nay không ai ngờ đến cái hại của cái nghề ấy là những thế nào; cứ tưởng rằng lợi, mà vun-bón bằng ngôn-luận mãi vào.

Trước khi bày tỏ những cớ vì cái nghề ấy làm hại cho nhân-thân tính-chất người mình thế nào, hãy xét xem cái nghề ấy có lợi về đường xã-hội lý-tài không, cho nó ám-thiết với hai cái tổng-biểu thứ 1 thứ 2 trên kia kê-chú.

Nay thử đem một mẫu ruộng (cấy lúa) mà tính nát ra xem mỗi mùa chi-xuất hết bao nhiêu, thu - nhập được bao nhiêu, xong rồi đem khấu-trừ đi, có lợi hay không thì tự-khắc biết.

Số chi-xuất

Thóc giống	0$60
Phân, khô	2 00
Công gánh phân : 4 công mỗi công 0 $ 25.	1 00
Trâu cày : 8 công, mỗi công 0 $ 70 (cả người).	5 60
Cấy : 8 công (5 đàn bà, mỗi công 0 $ 25 = 1 $ 25 ; 3 đàn ông, mỗi công 0 $ 30 = 0 $ 90).	2 15
Làm cỏ tát nước. v. v 20 công mỗi công 0 $ 25). .	5 00
Gặt 10 công (6 đàn bà, 4 đàn ông)	2 70
Nộp thuế (cả lúa sương).	2 00
Tổng cộng.	21$05

Số thu-nhập

Nếu làm cực-lực ra, phi-liệu bón tốt thì đánh đồ-đồng mỗi mẫu :

Miền trên — được 30 thúng, mỗi thúng tính giá trung-bình là 1 $ 00 thì được. . . . . 30 $ 00
Trừ số tiêu đi : 21 05
Thì mỗi mẫu còn lại : 9 95

Miền dưới — được 35 thúng, mỗi thúng giá 1 $ 00 thì được 35 00
Trừ số tiêu đi. . . 21 05
Thì mỗi mẫu còn lại . 13 96

Nay đem ăn tiêu :

Cứ kể ruộng hai mùa, gồm cả toàn-kỳ có độ một phần trong trăm phần số ruộng cấy lúa hằng năm ; vậy cứ tính một mùa cả.

Lấy số trung-bình mà tính thì mỗi nhà độ bốn miệng ăn, mỗi miệng ăn một năm hết 24 thúng. Cộng mỗi nhà ăn hết 96 thúng.

Cứ thế thì miền trên những nhà từ 10 mẫu trở lên mới đủ ăn ; song sở-dĩ những nhà từ 5 mẫu trở lên bóp-chắt lắm cũng đủ, là còn có trồng các thứ hoa-mầu khác, cũng có làng được nhờ lâm-sản thế vào.

Mà miền dưới thì nhà cấy 6 mẫu trở lên mới đủ ăn, song những nhà cấy 5 mẫu trở lên cũng tạm đủ, là vì cũng có ít nhiều ruộng trồng hoa-mầu. Duy có đồng chiêm thì ắt là cấy đến 7, 8 mẫu mới đủ ăn, vì quanh năm nước trắng một mẫu, không còn trông thấy chút lợi nào nữa.

Trở lên là mới kể số để ăn, lại còn tiêu dùng mọi việc đều ngưỡng-vọng vào hột thóc cả, nhiều nhà phải bán đến cả số thóc cần phải ăn, rồi sau sẽ liệu, thành ra chả được mở mặt mở mày bao giờ.

Nhất là người miền dưới, không mấy nhà là không phải ăn vay ; vay một năm một đẻ lãi ra hai, vậy tuy rằng mỗi mẫu còn lại được 13 thúng trong một mùa, mà kỳ-thực chỉ còn có sáu thúng rưỡi thôi ; thành ra người lại phải gánh lãi thay cho ruộng.

Lại nói đến nông-dân được hột thóc, làm thành ra gạo mà bán thì công-lao thế nào ? Cứ thực ra thì hai người khỏe mạnh lắm, góp sức với nhau, mỗi ngày chỉ làm được sáu thúng thóc ra gạo, rồi lại đem bán mất một ngày, thế là một thúng rưỡi thóc, lại ăn mất một công kèm vào.

Bởi những trở-lực nghề làm ruộng cấy lúa như thế, cho nên nhiều người Tây có tính kiên-nhẫn nghị-lực như vậy, mà cũng chịu đem bán lại đồn-điền cấy lúa cho người Nam ta ; chỉ còn để lại những đồn-điền trồng cây như cao-xu cà-phê mà thôi. Vì người Tây đã có các cái đức-tính tốt, lại có lòng nhân-từ, biết rằng nếu lấy nhân-đạo-chủ-nghĩa mà đãi người điền-tốt bản-xứ cho có quyền-lợi có tự-do, thì chắc là không mấy chốc mà đồ cơ-đồ ; vì thế phải bán cho người Nam ta mặc sức làm thế nào thời làm. Còn các ngài thì quay ra tổ-chức các việc công-thương. Tóm lại mà nói, thì nghề làm ruộng cấy lúa đối với đường xã-hội lý-tài sinh-kế rất là eo-hẹp vậy.

.·.

Nay xét xem nghề làm ruộng cấy lúa, hại cho nhân-thân tinh-chất người đồng-bang ta là những thế nào.

1°) *Hại cho thân-thể người ta.* — Tạo-hóa tức là công-lý mà thôi, đã gọi là công-lý thì đối với dân-tộc nào cũng xử cho đứng-mực mới phải, mà sao đối với dân ta thì không đáng gọi là công-lý chút nào ; hay là hiềm-oán riêng chi, mà sinh cho dân ta hai giống lúa (*chiêm và mùa*), Ác quá ! một năm có bốn mùa, thì mùa hạ nóng, mùa đông rét, còn hai mùa mát là mùa xuân, mùa thu ; thế mà giáng ngay cho hai thứ lúa, cấy gặt đều phải một mùa rét, một mùa nồng (*Lúa mùa cấy về mùa hạ, gặt vào mùa đông ; lúa chiêm cấy về mùa đông, gặt về mùa hạ*) còn hai mùa kia râm mát thì để cho chơi không ; bởi thế mà dáng người co-ro còm-cõi, sắc mặt đen-đủi hom-hem. Vậy mà có người còn nắc-nỏm khen rằng : «Nước mình khí-hậu ấm-áp, mưa gió thuận-hòa, rất là thích-hợp cho sự cày cấy» hình như nói cho xuôi miệng, chớ không đúng với sự-thực chút nào.

Ngoài cái hại thiên-nhiên ấy, lại còn cái khổ tự người ta làm ra, nhất là khổ cho con gái đàn bà, là cái khổ làm lụng cứ phải cúi lom-khom suốt đời, như nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, bốc phân, bó lúa, cắt rạ ; khiến cho đời người đã ngắn ngủi như cái hoa sớm nở tối tàn, lại mất cả cái vẻ yểu-điệu thanh-tân, xám cả mặt hoa da ngọc ; lại còn di-hại cho con cháu nữa, vì đương lúc mang thai, gần kỳ sinh-dục, mà gặp phải nông-vụ chí-kỳ, cũng phải làm những việc nặng-nề cắm cúi. Đàn ông nước mình thật là phạm một cái tội-ác rất lớn, là cái tội quen thói áp-chế đàn bà con trẻ phải cực khổ lầm-than, còn mình thì ẩm-thực ưu-du, nghiễm-nhiên là một vị chủ đồn-điền vụn-vặt.

Ước-ao rằng sau này những bậc thông-minh tài-tuấn ở trong nông-nghiệp-học-đường ra đời, sẽ nẩy tài ra nghĩ cơ-khí thay cho nhân-công, luyện mầu bón giúp cho địa-lực ; nhất là dùng phép nào mà cải-lương giống lúa, hay là thêm bớt nhiệt-độ thế nào cho lúc cấy lúc gặt vào hai kỳ mát mẻ xuân thu, thì thật là ông thần hạnh-phúc của quốc-dân kỷ-công muôn đời vậy.

2o/ *Hại cho sự học-hành.* — Xưa kia thì cái học lạc lối vào cõi hư-văn, cho nên kẻ đi học cũng thị-thường hư-ứng, tự-ý muốn vác sách gì đi mài rũa cũng được, miễn là bao giờ mòn hết thì thôi, mòn hết sách này lại mòn

hết sách khác, kỳ-cục cho đến mòn hết đời người mới chịu thôi, cho nên không có nóng nẩy vội-vàng, cũng không đến nỗi lầm-nhật gì lắm. Chớ ngày nay thì sự học trăm- vành nghìn vẻ, phiền-phức rực-rỡ như sự dệt gấm thêu hoa, cần phải thay kim đổ chỉ luôn luôn ; tức là học phải theo chương - trình qui-tắc, mỗi tập qui-tắc, mỗi bản chương-trình, tức là mỗi cuốn gấm, mỗi bức thêu của cả một đời người, hễ trong khi thêu dệt tức là đương thủa học-hành, mà lầm-lỗi thiếu-thốn sợi nào là hỏng hết; cho nên không thể xa cách ông thầy cầm dây nẩy mực một phút nào. Thế mà ngày nay trong chốn nông-dân còn chưa mở mắt, vẫn tưởng còn mải kỳ-cạch như cách học ngày xưa ; gần khắp kẻ học ở nhà quê quanh năm cắm đầu vào sào ruộng, có lẽ chỉ trông thấy cái ánh sáng giáo-dục, chia tư được độ một phần là nhiều. Cứ xem cái biểu chương - trình bằng thời-tiết mà nông - gia tử-đệ vẫn theo đấy làm-lụng ăn chơi, thì cũng đủ bùi-ngùi ngao-ngán cho cái trán sáng-sủa của bọn thiếu-niên! bị tro bụi nó bôi vào nhem-nhuốc ! Cái chương-trình ấy xin sao-lục như sau này.

Tháng giêng ăn tết ở nhà ; tháng hai cờ-bạc, tháng ba hội-hè ; tháng tư tháng năm đồng mùa thời khoai dưa ngô đậu, đồng chiêm thì lúa thóc rạ rơm ; kế đến tháng sáu tháng bảy lại cấy mùa, rồi đến nghỉ hè nhà nước, miền xuôi thì đường-xá ngập lụt cho đến tháng tám tháng chín tháng mười, đồng mùa lại bắt tay vào gặt, mà đồng chiêm thì tát nước làm mạ ; còn tháng một tháng chạp đồng chiêm thì cày cấy, đồng mùa thì trồng mầu ; rồi thì quay vào ăn tết. Ôi ! thế là « nhật-thực » suốt năm !

Trong suốt bằng ấy tháng trời, may ra sót được ngày nào, cũng xẻ lấy một nửa, nghĩa là kẻ đi học cũng chỉ đi được buổi sáng, còn buổi chiều, trẻ nhà khá thì về cắt cỏ chăn trâu, vớt bèo nuôi lợn ; trẻ nhà nghèo thì về bắt cá mò cua, hái rau kiếm củi ; học-hành như thế rồi cũng « tốt-nghiệp » đấy thôi. Than ôi ! người ta học hành tài-khéo khôn-ngoan như thánh như thần, nào bay lên lưng-chừng trời, nào lặn xuống tận đáy bể, toan lên chiếm các tinh-cầu, đoạt quyền tạo-hoá, để làm ông chủ muôn loài ; thế mà người mình thì lắm kẻ nỡ vùi đầu vào kho thóc đụn rơm, tôi tớ cho con trâu con lợn ; thật là trời cao sánh với bể thẳm, núi Tản so với mảy lông ! Bây giờ dẫu có phép thần-thông cũng không sao kéo rút những ngày làm ăn bỏ sang ngày học-tập được đâu.

3o) *Hại cho việc công-thương* — Cũng bởi mảnh ruộng nó chiền-miên, trâu bò nó giam-hãm, mà khó lòng rứt ra bôn - tẩu về việc công - thương ; có chăng chỉ tạm bợ ít lâu trong khi tháng ba ngày tám rồi-dài, chung-qui đến nửa màng cũng phải quay về cấy gặt ; thành ra để cái khí-cụ của mình cùn-rỉ đi một độ, đến lúc dùng đến, lại phải đem ra đập, ra rèn, ra mài, ra rũa, khiến cho mòn gẫy mãi đi. Kịp đến ngày nay thì cái khí-cụ ấy không thể đắc-dụng nữa rồi, bởi thế mà đã xếp xó đến quá nửa.

Nay thấy lắm nhà nhiệt-tâm cổ-võ việc xuất tư-bản lập công-xưởng, khai-thương-trường, để lợi-dụng lấy nhân-công bản-xứ, tư-tưởng ấy rất là đáng trọng đáng khen ! Nhưng ta cũng phải thực - tình mà thú-nhận rằng : Người nơi thôn-ổ quyết là chưa đủ tài-lực, chưa có kiên-nhẫn nghị-lực, nhất là chưa đủ tín-lực để ra hành-động với đời. Nay muốn cho người mình có đủ các đức-tính ấy tài-lực ấy thì phải theo đòi tân - học mới xong ; nhưng việc tân-học ở chốn hương-thôi đã lạnh ngắt lửa hương như trên kia đã nói, thì còn cầu-nguyện làm gì. Vậy chỉ

cốt làm sao cho việc học nhóm lên, là việc gì ước-mong cũng thấy!

4o) *Gây ra tính lười biếng* — Cái tính lười biếng trí-khôn, như trí phán-đoán, trí phát-khởi, trí tổ-chức, thì người mình đã chịu công-nhận là hiếm có rồi; đến như cái tính lười biếng chân tay làm lụng, thì nghe chừng không ai nhận cho; chẳng những thế, lại còn tàng-bốc mãi lên: những là người mình siêng-năng khamkhổ, mà không thấy khá thấy giàu; những là người mình chịu thương chịu khó mà vẫn khố rách áo ôm. Nhưng xét kỹ ra mới biết rằng cực-kỳ lười biếng; vẫn rằng dầu sương dãi nắng, chân lấm tay bùn; vẫn rằng đi cày tận gà gáy, gánh lúa đến nửa đêm; vẫn rằng thân già đem ra phơi nắng, đứa bé theo chân trâu bò; mà kỳ-thực có phải bẩm-sinh hay luyện-tập lấy sự siêng-năng chịu-khó ở đâu? Chẳng qua tại giống lúa tiết trời nó bắt buộc; bởi vì khi cấy, khắp miền đồ dồn vào một lúc; đến khi lúa chín, lại chín cướp vào một kỳ; bấy giờ để lâu thì nó rụng nó rập nó ngập nó mộng, phải cuống-cuồng lên đầu tắt mặt tối, làm lấy làm đề, cố công cho được bông thóc về nhà, thì nào đập nào phơi, nào chạy mưa giập mặt, nào phơi nắng tím người, nào sàng nào sẩy, biết bao nước-mắt mồ-hôi mới đổi được bột thóc, cho nắm-trọ ở nhà được mấy bữa, rồi dẫn đến kho nhà giàu mà giam, hoặc xay giã túi bụi, gánh vác oằn xương ra ga ra tỉnh mà bán cho người ta vận-tải ra ngoài, tiện đấy muốn mua thức gì thì mua, thiếu chi của nước người đem đến; nhưng mà được cái nhẹ mình hề-hả, vì vật nặng hàng tạ mà đổi lấy vật nhẹ bằng lông; vật mình phải làm lao-lực đến mấy chục công mà đổi lấy vật người ta chỉ làm một phút, còn gì đáng ngậm-ngùi bằng!

Ấy công việc gặt hái của nhà-quê nặng-nề hấp-tấp vất-vả túi-bụi lên như thế lâu ra là một tháng trời, rồi lại ra sức nghỉ-ngơi cho đến ngày cấy, rảng-rặc cho đến vụ gặt sau; duy có bọn nông-nghiệp thực-hành (miền trên 15 o/o, miền dưới 20 o/o) thì không mấy ngày là không có việc làm mà thôi. Ngoại-giả còn bọn « tiểu thần-tiên » mắc vào tạp-nghệ, thì quanh năm cưỡng-bách ngày trời lúc nào cũng cứ phải xuân, không phân ra tứ-thời cho bận, thì cực-kỳ nhàn-tản phong-lưu.

Bất-duy việc làm-lụng ngoài đồng không được siêng-năng điều-độ, cả đến việc sửa-sang xếp-đặt trong người trong nhà trong vườn trong ngõ cũng để xấu-xa bề-bộn, nhắm mắt bước qua, cái này mới thật là thông-tệ; tệ nhất là bọn nông-phu, quanh năm chỉ biết vùi đầu nắm cỏ làm mướn cho người, tối về chỉ biết có ăn cùng ngủ, không còn hoài-vọng chi chi, trừ cái bụng cơm ra dễ thường không biết có gì cho vào nữa, không biết trông, không biết thở, không biết nghe, cho nên không sửa-sang giồng giọt gì cả; trách nào mà ngạn-ngữ chả có câu chê: « Hay làm mà chẳng hay lo, làm khốn làm nạn làm cho nhọc mình ». Đáng lắm, chẳng qua là trống bỏi vật mình, chớ có ai khiến ai bắt. Sao không mở mắt ra mà trông hạng người lao-động ở bên Âu Mĩ, mỗi ngày chỉ làm có chín, mười giờ, không phải chân lấm tay bùn, mà vẫn phong-lưu sung-túc, tiêu-khiển ưu-du, tự-do quyền-lợi không kém gì ông vua nọ ông chúa kia, vậy mà còn đương yêu-xách mỗi ngày chỉ làm có tám giờ. Được như thế phần bởi trong nước người ta có cái chính-thể cộng-hoà, lập-hiến, nhất-ban xã-hội đều được bình-đẳng tự-do; lại cũng bởi người ta tuy làm việc bằng chân tay mà cũng có phổ-thông-học, ngoài giờ làm việc cũng biết ham xem sách xem

báo để nuôi tinh-thần; lại biết yêu đoàn-thể mà lập - thành đảng-hội, để bênh-vực quyền-lợi cho nhau. Mà ở nước mình thì tuy luật-phép đã giải-phóng cho nhiều, cũng cứ chịu ép một bề ở dưới quyền chuyên-chế, đeo-đẳng cái kiếp nông-nô của các nhà phú-hộ, không biết trút đi mà hình như tự buộc mãi vào; bây giờ họ bắt được cái dịp số người làm thuê mỗi ngày sinh nhiều, mà tham-lam bắt chẹt đánh hạ tiền công, cũng cứ chen-chúc vào làm mướn, dĩ-chi những khi ngoài thời-vụ, len-lủi vào làm « cơm không » cho họ, cũng đã lấy làm hạnh-phúc lắm rồi. Tình-cảnh khốn - đốn như vậy, đã không biết đường thoát-ly, mà cũng không biết mở mắt ra sửa-sang giồng-giọt của nhà thêm vào.

Sau hết cũng tại người mình độc-chuyên cái nghề làm ruộng cấy lúa linh-tinh, nên không phải bận-bịu gì về trí nghĩ, cứ tưởng rằng đem cây mạ cắm xuống đất cũng đủ ăn thua rồi, vì thế mà dưỡng-thành cái tính lười biếng trí-khôn như trên kia đã nói, cứ dựa vào những phép-tắc cũ mà làm cho mòn nhẵn đi, không biết phát-khởi ra được một tí một ly gì để gọi là giúp cho khoa-học, đến ngay nghề làm ruộng cố-hữu cũng để héo-hắt mòn-mỏi đi!

5o) *Gây ra tính ăn xổi ở thì.* — Ăn xổi ở thì, là một cái tính rất tai-hại, rất nhỏ-nhen, rất gớm-ghê, rất đê - mạt, vì nó vô - bằng vô - cứ, vô-đầu vô-vĩ, vô-ý vô-tâm, vô-tình vô-tứ, vô-định vô-thường, ai mà đã mắc vào cái tính ấy thì tuyệt-nhiên không có can-đảm nghị-lực, không có nghĩa-vụ công-tâm, không có tính cần-kiệm kiên-nhẫn, không có tính điều-độ ôn-hòa, không có lòng hoài-vọng cao-xa, không có bụng tư-tưởng viễn-đại, chỉ gặp chăng hay chớ, ăn-xó mó niêu, mưa bao giờ mát mặt bấy giờ, gió chiều nào mới che chiều ấy, được bữa sớm mất bữa trưa, có ngày nay không hay ngày mai, lúc gặp thời gặp vận thì tha-hồ say-sưa vui-thú, khi lỡ-cơ thất-nghiệp mới đâm bộn-tầu cạnh-tranh. Cái tính kỳ-khôi ấy thật là tả ra cùn bút, nói ra rát mồm, không ngày giờ nào tả cho xiết được; mà dẫu muốn tả, cũng không biết đâu là mối là mảnh, vì chính những kẻ ăn ở hằng ngày với cái tính ấy hỏi ra cũng ngơ-ngác thẫn-thờ. Hãy kể trong một làng có khi đến quá nửa phần nhà, qua mùa không còn lấy mấy đấu thóc, khó nặn ra được đồng tiền, mà kỳ-quặc quái-quắc làm sao, cũng đủ sống đến năm sau được; lại có kẻ một cây cắm dùi không có, lại chơi-bời nghiện-hút, mà vẫn ra dáng phong-lưu, thì không biết bởi đất nhặt cỏ đâu đâu, mà kiếm được tiền ra thế? Bởi họ ăn-tiêu một cách «thần-thông» như vậy, cho nên có lẽ tận-tụy một đời cũng không xét được cái nội-tình gia-đình của họ; chỉ có thể xét được hai hạng thực-điền thực-tiền là các người có từ năm mẫu trở lên, như đã xét ở mục ăn-tiêu trên nọ, vậy mà cũng còn lúng-túng; huống - hồ lắm người còn ăn-tiêu một cách vô-hình vô-ảnh thế kia!

Nhưng cứ bình-tình mà nói, thì cái tính ác-liệt ấy không phải là bẩm-tính tự-nhiên, mà đúc nên bởi nghề làm ruộng cấy lúa cả, bởi vì nghề làm ruộng nhất-thiết theo địa-lợi thiên - thời, mà thiên-thời thì mưa nắng bất - thường, được mất xấu tốt khó biết, khiến cho người ta nơm-nớp những lo cùng sợ, có đâu mà tích-trữ, biết đâu mà đề-phòng, mà « ăn điều tiêu sòng » được.

Nghề làm ruộng đã là nghề gốc của người mình, thì cái tính ấy cũng thành tính gốc, cái gốc đã sẵn có cái tính-chất ấy rồi nó đâm ra những cành cùng ngọn là các tính-tình mọi nghề-nghiệp khác, cũng thu-hấp lấy cái tính-chất ấy mà sống dai.

Người Âu người Mĩ cho chí người Nhật người Tàu thì không từng có cái tính ấy, là bởi người ta ngoài nghề làm ruộng (phần nhiều trồng cấy) lại có nghề làm thợ làm công đi buôn làm việc; thì sẵn có lương năm lương tháng lương ngày có hạn, ăn-tiêu tính - toán chi - ly từng hào từng hốt, mỗi nhà mỗi người đều có sổ chi-thu cũng như là một Chính-phủ, có tiết-độ có kỷ-cương; cũng có người cho vay nợ, nhưng không cho kẻ ngay xương vay nợ về mà ăn không bao giờ, tức là giữ cho mình, mà cũng giữ cho cả mọi người đều có căn-bản, có tâm-thân, không thể ỷ-lại vào ai mà ăn liều tiêu bậy, thời quyết-nhiên không có cái tính ăn xổi ở thì.

6o) *Sinh ra mê-tín, hao tiền của, hại phong-tục.* — Đã nhiều lần nói nghề làm ruộng cấy lúa, một năm bốn-vụ có hai mùa, thì lại đúng ngay vào một mùa rét, một mùa nồng; còn hai mùa mát-mẻ thì lại ngồi không, bấy giờ mới vẽ ra vào hội vào hè, mở đình mở đàm, cũng là tư-vũ tư-văn, mượn thể mà cờ-bạc rượu-chè cho thỏa-thích, mới vay công bốc nợ mà chi-tiêu, tiếng reo tiếng cười một buổi, có khi phải trả bằng tiếng than tiếng khóc một đời; vậy mà không biết lo xa, không biết tránh trước, là bởi đã có cái gốc-tích ăn xổi ở thì, được sao hay vậy. Đàn ông thời vì chuyện thịt chuyện xôi, chuyện trên chuyện dưới, mà bới-móc nhau ra những chuyện đã đào sâu chôn chặt từ đời kiếp nghiệp-lai nào ấy, những chuyện bằng sợi tơ sợi tóc không dính-dáng một ly quyền-lợi nào, cũng đem đến trước tụng-đình mà bêu riếu lẫn nhau. Đàn bà thì vì rồi dài, mới sinh ra những sự đồng-cốt quảng-xiên, mê-tín mamãnh, thương luân-lý, hại tiền-tài; hoặc ngồi không nói hão, chỉ-nghị mọi người, mà ra cũng góp được nhiều tài-liệu cho đàn ông đi kiện lẫn nhau. Trai gái thì nhân hội-hè đình-đám mà đứng ngồi hỗn-độn trăng gió với nhau, lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, tưởng đến người học-hành mấy pho luân-lý giữ mình, mà gặp ngoại-tình nó kích-thích như vậy cũng đến xiêu lòng, phương-chi những kẻ vô-học vô-tri khỏi đâu ngã vào vòng tình-dục, Ngoài ra bọn ấy lại là hai lớp học-sinh trong trường « mê-tín-sư-phạm » và « thực-nghiệp học-đường ».

7o) *Sinh ghen ghét lẫn nhau* — Tây nho có câu rằng: « Cóxa nhau mới biết yêu nhau » Thật là đúng lắm, người có bụng ra thì tuy cái hiện-thân, cái nhục-thể có xa cách nhau thật, mà tinh-thần cảm-giác vẫn gặp - gỡ nhau, yêu-mến nhau; những khi phương trời xa vắng, tức là cái thời-gian thâu-thái ái-tình vào một túi, trữ-súc đến ngày hội-diện, sẽ đem ra mà « hợp-cổ » với nhau cho thêm giàu thêm mạnh, thêm mặn thêm nồng. Gia-dĩ ngày nay văn-minh tiến-bộ, cách-trí mở-mang, cho người ta mượn giấy mượn bút gửi lời, mà đàm - tâm giải-tứ, hoặc giúp cho sự gặp-gỡ nhau một cách lanh-chóng vô-cùng.

Ấy khoa-học đã mở-mang cho loài người một cuộc đời rộng-rãi như thế, mà còn cứ ru - rú trong nhà, lẩn-lút vào bụi tre. Thường - tình trông thấy nhau lâu ngày thành chán, gần gụi nhau không khỏi cạnh - tranh, cạnh-tranh sinh ghen - ghét, ghen-ghét sinh hiềm-thù, hiềm - thù sinh công - kích, công - kích sinh kiện-tụng, kiện-tụng sinh mất tiền, mất tiền sinh cùng-quẫn, cùng - quẫn sinh làm xằng, làm xằng sinh tội-lỗi. . . . ! hết keo ấy đến keo khác, đời nọ sang đời kia, lại bắt đầu lên cạnh-tranh, mà cạnh-tranh thì có gì đâu? nào có cạnh - tranh như người các nước chỉ cạnh-tranh từng miếng giầu, cạnh-tranh từng hòn đất,

cạnh - tranh từng mảnh chiếu, cạnh-tranh từng bậc giường, cạnh - tranh từng lời nói, cạnh - tranh từng tiếng gọi, mà chỉ cạnh - tranh quanh - quẩn trong cái thế-giới bờ tre thôi, ngoài bờ tre không có gì nữa, nghĩa là không yêu không ghét ai, không thương không giận ai, có chăng chỉ sợ người ta thôi đó. Lại nói đến cạnh-tranh, trước còn cạnh-tranh trong cái thế-giới bờ tre, rồi dần dần như có cái hấp-lực nó hút vào gần mãi, nghĩa là rồi cạnh - tranh với láng-diềng, cạnh-tranh với họ-mạc, cho đến ngày nay con đường sinh - hoạt hẹp-hòi, không sao len chân được nữa, rồi cứ bám vào ruột-thịt mà cạnh - tranh, tức là những kẻ anh em chia ngõ cắt nhà, mà sinh ra huỳch - tường tranh-tụng, sau rồi cạnh - tranh với vợ với con, cạnh-tranh thế mới thật là hết nước !

Nay muốn cho bớt sự cạnh-tranh, thì nên ra ngoài kiếm việc mà làm, ngồi một chỗ như là làm công làm thợ, hay là muốn phóng - khoáng thời đi buôn.

8°) Dựng ra sòng bạc rồi sinh làm liều. — Tục-ngữ có câu: «Cờ bạc là bác thằng bần . » ; cờ - bạc chỉ là đường-bá của một thằng bần, thì tôi tưởng hãy còn hẹp ; «cờ-bạc chính là nguyên của tất cả những thằng (*nói theo tục-ngữ*) gian-tham, biển-lận, kiêu-căng, xiểm-nịnh, man-trá, giảo-quyệt, dâm-dãng, lãn - nọa, ác-nghiệp, tàn-nhẫn, bôn-xu» đó.

Thói tình-dục của người đời không biết đâu là giới-hạn, vì nhân-sinh ai là chả muốn hào-hoa phong - nhã, ăn trắng mặc trơn ; nhưng người các nước văn-minh siêng-năng chịu khó suy nghĩ về các khoa-học nghệ-thuật, hay làm-lụng chân-tay trí-não như việc công việc thương, nên sinh-lợi dễ; có khi chỉ phát-minh được một lẽ là cả xã-hội nhờ đó mà phong-phú nonè ; cùng-dĩ chỉ ngồi mấy tiếng đồng-hồ làm-lụng, cũng đủ thắng được cái mũ đôi giầy. Mà đàng mình chỉ đặc có một nghề làm ruộng ỳ-ạch giách-nách, dẫu có muốn ăn sung mặc sướng, cũng không có cái can-đảm dám bán cái khổ-nhục vất-vả chung-đúc cả một năm trường của cha mẹ vợ con, của bao nhiêu ngưu-lực, mấy trăm nhân-công, bao nhiêu mồ hôi nước mắt, mà nuốt hàng mấy sào ruộng vào dạ-dầy một buổi, nỡ đội cả cót thóc lên trên đầu, đập từng kho vào mình mầy, và lại cũng không ai chịu cho nào. Ngoài cái cách gian-trước phi-thường ấy, nghĩ xem có cách nào nầy ra đồng tiền một cách dung-dị độc-nhất không ? Tưởng chỉ có cờ-bạc là thần-thông nhất, gặp vận đỏ ra, chỉ rón tay mở vung một cái, là đủ nuốt được mấy mươi ngưu-lực kéo cày, mấy trăm nhân-công loay-hoay khọm-nọm, dầu sương dãi nắng ngót một năm trường. Rủi ra lại gặp hồi đen, mà mấy đồng tiền âm-dương tài-thần không ứng thì bấy giờ trong tâm-lý người ta nó lại biến ra thế khác, bấy giờ thì cả một nhà con bạc, trong lòng như cắt như cứa như nấu như nung, như có trăm nghìn con ma tù-tội nợ-nần nó vò-xé nó cắn-rứt, không sao chịu nổi, thế-tất phải đồ-tháo bán-chác mà tống-tiễn đi ; rồi thì giơ vuốt giơ nanh mà cào-cấu mà vơ-vét, kỳ lấp cho được cái hố thiệt-thòi là xong. Ôi ! nghĩ mà ghê cho cái tay mở bát của người mình, sao mà nó có cái sức mạnh vô-song tuyệt-đối như vậy, tưởng nó mạnh hơn sức điện, khỏe hơn cái tầu, vì nó cuốn nó kéo nó khiêng nó vác gia-tài điền-địa của người ta đi một cách lanh-chóng vô-cùng !

Ngày nay sự gì cũng văn-minh tiến-bộ, lẽ phát-minh trong thế-giới không ngày nào ngừng; thì ở đây cái khoa đồ-bác cũng tiến-bộ, cũng ly-kỳ, cũng phát-minh ra được nhiều lẽ mới, như tầu ngầm lặn đáy bể, như máy hay

liệng trên trời, việc cảnh-sát khó lòng mà dò mà bắt cho ra. Vả dẫu có bắt được thì tù-tội chớ gì? nhưng tù-tội cũng chả đủ kinh — chả những là tù-tội cờ-bạc — ngày nay kẻ can-phạm không lấy làm nhục, lại lấy làm vinh, dã công-nhiên nói ra miệng rằng: Người có tội khác nào cái áo đã nhuộm đen, dù phải hấp lại lần nữa, thì càng đen nhánh chớ gì? càng đen thì càng không sợ, rày-rúa nhọ - nhem, cứ bạ đâu nằm đấy, bạ ai cũng vắng, như trâu lấm vầy xắng, ai qua cũng sợ cũng tránh. Ấy cái thế-lực của kẻ can-phạm trong khắp dân-gian ngày nay hầu như thế hết, tưởng có nguy không? — Có sao mà chúng lại có cái tư-tưởng ngược đời như vậy? thế thì không sợ dư-luận mỉa-mai dư? — Sợ gì dư-luận, vì ở đời đã khiến cho người ta phải sợ rồi, còn gì hơn nữa. Tựu-trung chỉ biết một ít rằng: thế là mất quyền bảo-cử, nhưng chính quyền bảo-cử cũng không biết mệ-trọng thế nào, can-thiệp làm sao. — Biết hưởng cái quyền-lợi bảo-cử thì duy có những nước dân-trí đã đều, nhân-cách đã vẹn, nghĩa là giáo-dục phổ-cập rồi; mà đây thì giáo-dục đã phổ-cập chưa?

Ấy cái căn-bệnh cờ bạc ở nước ta chính là thế đó, vậy mà không chịu cứu đến thâm-căn, cứ đồ-trị ở ngoài da ngoài áo, thì có thấm-thía vào đâu, để đến nỗi nó truyền - nhiễm ra khắp dân-gian, chạy vào các mạch máu, thuốc nào chữa được bây giờ? Thuốc luật-pháp nghe chừng thế thì cũng ít công-hiệu; đợi sau này có thuốc giáo-dục phổ - cập xem rằng có trị nổi không? Tuy vậy cũng còn một phương cứu-cấp, may ra cũng đỡ được ít nhiều. Phương ấy là gì? là phương « hạn - chế phục - sức »; tưởng xin Nhà-nước ra một cái lệnh hạn-chế sự ăn mặc đương-thời đi cho, thì sự cờ bạc chắc cũng đỡ được ít nhiều; xưa kia nước ta cũng có luật hạn-chế, cho nên quốc-dân cần-kiệm, chân-thành, yên-hàn, cần - thủ; hiện nay nước Mĩ giàu vào bậc nhất thế-giới mà cũng có luật hạn - chế, phương chi nước mình còn ở cái địa-vị nước nghèo, tưởng dẫu không phải cái tình-tệ thế này cũng nên hạn-chế đi mới phải.

. . .

Tóm lại mà nói, thì nước ta cũng không phải là nước điền-địa ít ỏi gì mà đến nỗi nghèo nàn cho lắm; nhưng tại rằng người nào cũng giữ lấy một vài sào, năm ba miếng để làm, dân-số tăng lên bao nhiêu thì sự chia ruộng cắt bờ lại vụn nát ra bấy nhiêu. Nay kể đây không phải có cái tư-tưởng bảo rằng: dân ta nên bỏ cái nghề làm ruộng đi đâu, — còn phải cổ - động mở mang thêm nhiều, — chỉ ước-ao rằng: người mình nên khuynh-hướng về sự trồng tỉa thì hơn (*sau này sẽ có một bài xét kỹ về cái lợi trồng-trọt cây cối*). Lại ước-ao rằng người mình nên khuynh - hướng về những đường này:

Chia ra một trăm phần thì: 10 phần đi làm việc giúp Chính - phủ, 5 phần đứng tổ-chức việc công-thương, 5 phần chuyên về các khoa - học; 10 phần đi buôn; 30 phần làm thợ, làm công; còn 40 phần chuyên nghề làm ruộng (*vừa điền - chủ, vừa điền-tốt*) cũng đã là nhiều lắm rồi. Muốn cho ai nấy bất-cứ làm nghề gì, cũng đều có căn-bản, thì đem tiền về tậu ruộng, giao cho thân-thuộc lĩnh-canh; thế là không bao lâu nước sẽ được giàu, mà cái vấn - đề di - dân lên miền trên sẽ thực-hành được, là vì có nhiều người theo việc công thương, mới chịu lý-cước đi mọi nơi, đến lúc « an - thổ trọng - thiên » trông thấy cái cảnh-tượng tiêu - điều dưới này, mà chán

không muốn về nữa. Cổ-lai nước này biết nước nọ, xứ nọ biết xứ kia, chỉ nhân sự buôn-bán giao-thông làm giới-thiệu cho cả, đoán không ngờ vậy.

Nhưng mà khó lắm, vì muốn cho người mình khuynh-hướng về việc công-thương, cải-lương cái nghề làm ruộng, thì lại cần phải có học hết, chớ không thể ù-lỳ vật-chất như người làm ruộng ngày nay. Song quyết rằng không lấy gì mà học được — hãy nói ngay các làng to, hiện đã khởi-sự cải-lương rồi, nếu một vài năm kết-quả, đã có thể trích tiền công-quĩ ra lập học-đường, mà khốn vì kẻ đi học ở cái thời buổi khí-dụng vật-thực đắt-đỏ này, phải là con nhà dư tiền thừa thóc, hay là đủ ăn đủ tiêu mới có thể học-hành chăm-chỉ được; vậy mà hiện nay quá nửa phần nhà không đủ sức cho con học được, thì trường lập ra đó, cũng lại là cái quà riêng cho những con nhà giàu được ăn, còn con nhà nghèo đói cũng vẫn thèm-nhạt khao-khát cái bánh giáo-dục của Nhà-nước ban cho. Nói thế tất có người bảo rằng: « Dân ta cứ noi cái chính-sách cải-lương của Nhà-nước ban-phát cho mà làm, thì rồi ra thịnh-vượng hết thảy, sẽ có tiền có thóc mà nuôi con đi học quanh năm ». Nhưng phải biết rằng: trừ-phi cái trở-lực về việc làm ruộng mà không thể cho trẻ học luôn, như điều thứ 2 trên kia đã nói, ngoài ra cũng không có cách nào nuôi con đi học được lâu, vẫn biết rằng cải-lương ra thì dân đỡ đóng góp, nhưng cái sự đóng góp ấy thông-tính trong một làng mỗi nhà một năm chỉ đỡ được 5$00 là cực-điểm; vậy cái số 5$00 ấy có thể cung-cấp cho một vài đứa con đi học trong một năm chăng?

Rút lại, bao nhiêu điều tệ cùng mong được cái lợi-khí giáo-dục phổ-cập tiêu-trừ; bao nhiêu điều hay cũng cùng mong được cái động-cơ giáo-dục phổ-cập chế-tạo; mà xem chừng chính sự giáo-dục cũng khó lòng phổ-cập được, còn mong-mỏi gì?

Nam-cổ TRẦN DUY-NHẤT

TIỂU-THUYẾT CỔ

LĨNH-NAM DẬT-SỬ (1)

嶺南逸史

VI

HỒI THỨ VII

Thi độc-kế, mạo thư Hoàng Quỳnh.
Khởi hùng-binh, mắc tên Lực-Mộc,

Nói về: Mai-tiểu-thư biết Hoàng Quỳnh còn quyến-luyến Lý công-chúa, trong bụng ghen tức, muốn lập mưu để hại Lý công-chúa, sai người mời Gia-Cát Đồng đến, thi-lễ tương-kiến xong, Mai tiểu-thư nói:

— Thưa Quân-sư, Hoàng-lang ngày nào cũng chỉ tơ-tưởng Lý công-chúa, nếu để cho y đi, thời sợ y không trở lại nữa, nếu không để cho đi thời sợ vợ chồng sinh ra phản-mục, xin quân-sư bày cho diệu-kế, để trừ bỏ Lý công-chúa đi, thời Hoàng-lang mới tuyệt

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

bụng tơ-tưởng về đó, họa may Hoàng-lang mới yên tâm thỏa ý ở cùng với tôi mãi được. Quân-sư chớ tiếc mưu cao mà dạy bảo cho.

Gia-Cát Đồng cúi đầu nghĩ một hồi lâu rồi bảo rằng :

— Trừ hắn cũng chẳng khó gì, chỉ cốt man-quá được thày trò Hoàng-lang như thế . . . như thế . . . là xong, không cần phải đi nã-trừ hắn, mà hắn tự đem nộp đầu, song phải bắt chước lấy tự-tích của Hoàng-lang thời mới lừa được hắn, chẳng hay Hoàng-lang có bỏ lộ tờ bút-tích nào ra không ?

Mai tiểu-thư nói :

— Tôi thấy y ngày nào cũng viết, để tôi vào lấy một vài tờ ra để quân-sư xem.

Mai tiểu-thư nói rồi liền đi vào hoa-liêu vội-vàng lấy ra hai bức thư đưa cho Gia-Cát Đồng, mở ra xem thời là một bài đoản-thiên ca-từ.

Ca rằng :

Vầng thái-dương bay lên vùn vụt,
Mạch sầu tuôn nghi-ngút khôn ngăn !
Bóng chiều ngả ngọn đông-lân,
Nghĩ mình lại ngán cái thân cho mình !
Những ngổn-ngang vì tình vì nghĩa,
Tấm lòng này ai đấy hay không ?
Bấy lâu lòng những giận lòng !

Lại xem đến tờ thứ hai thời mực nhèm mất quá nửa, chỉ còn trông rõ vài câu cuối. Gia-cát Đồng xem mà đọc lên rằng :

Chàng Phan-Nhạc tình-hoài lai-láng,
Gã Tuân-lang bóng dáng đâu nào ?
Sứ loan lẫn-quất nơi nao ?
Những toan chắp cánh bay cao tuyệt vời.
Non Gia kia xa khơi mấy dặm ?
Chót hẹn-hò lại gặp nhau đây.
Mối sầu chan-chứa bấy nay,
Thơ nào tả được lòng này cho người !
Còn về còn nhớ đến người . . . . .

Gia-Cát Đồng đọc xong lắc đầu mà rằng.

— Ta xem thơ Hoàng Phùng-Ngọc đều không để bụng gì với Tiểu-thư, chỉ là nhớ Lý công-chúa và Trương Quí-Nhi, không bụng nào ở đây nữa ; nếu không đem Lý công-chúa ở Gia-quế trừ đi, thời sao hay giữ được Hoàng-lang ở lại.

Nói rồi liền cầm lấy tờ tự-tích của Phùng-Ngọc phỏng theo lối chữ viết tập cả ngày, trông rõ mười phần như hệt, bèn viết một cái thư sai một người Hán lanh-lợi, dặn bảo lời nói kỹ-càng rồi cho cầm cái thư ấy đương đêm xuống núi đi sang miền Gia-quế. Thực là :

Phụ-nhân tâm rất độc !
Độc nhất là phụ-nhân !
Quái thay bác râu rậm,
Trong lòng lại bất-nhân !

Nói về : Lý công-chúa từ khi Phùng-Ngọc đi rồi, không lúc nào nguôi lòng nhớ, đêm tơ ngày tưởng, lúc nào cũng mơ-màng đến Phùng-Ngọc. Một hôm đương ngồi trong trại, muốn tả một bài thơ nhớ Phùng-Ngọc, cầm bút lên viết được hai câu rằng :

Gặp nhau không được mấy,
Vội đã biệt-ly ngay !

....

Viết rồi thấy tinh-thần khốn-quyện, dựa ghế mà nằm, chợt nghe ngoài trại tiếng nổ vang trời, ầm ầm như quân - mã bôn-đồn, sắt vàng loảng-xoảng, vội-vàng mặc giáp, tay cầm cây thương, nhảy lên yên ngựa, đem tả hữu ra trước trại xem, thời thấy bên hữu núi Gia-quế lở sạt ra, mạch nước phun tóe ra chảy sói vào trong trại, đương lúc kinh-nghi chợt thấy Phùng Ngọc phi ngựa chạy lại, trong bụng cả mừng, vội vàng thúc ngựa đến đón, không may ngựa vấp sa tiền, người ngựa đều ngã, kêu thét to lên một tiếng: Ôi chao ôi ! thời sực tỉnh dậy, mới biết là

chiêm-bao, mồ hôi đổ ra như tắm, ngửng lên thấy hai tên nữ-tỳ là Xuân-Hoa, Tuyết-Nguyệt đương lấy tay đỡ chặt đằng trước ngực. Công-chúa sẽ hỏi rằng:

— Hai chúng bay có thấy gì không?

Xuân Hoa thưa:

— Chúng con không thấy gì cả, công chúa đương lúc chợp ngủ, hai chúng tôi hầu bên, thấy công-chúa chân tay động đậy, trong mồm nói lảm-nhảm, chúng tôi sợ công-chúa phải bóng đè, nên cùng chạy đến giữ đỡ.

Lý công-chúa lặng nghĩ một hồi, trong bụng nghi ngờ, truyền lịnh mời Phù Hùng đến thuật chuyện mộng cho nghe mà rằng:

— Mộng này không phải là điềm tốt, hay là Hoàng-lang gặp sự gì không hay chăng.

Phù Hùng nói:

— Vì công-chúa tơ-tưởng Hoàng lang quá, nên mới sinh ra mộng ấy, có can gì mà lo sợ. Vả, đây đến Đức-khánh đi lại chẳng qua độ nửa tháng trời, có điều chi mà ngại, xin công-chúa cứ khoan-tâm.

Phù Hùng an ủi công-chúa một hồi rồi từ ra về. Song công-chúa vẫn không đành lòng, bèn gọi hai tên kiện-bộc đến dặn bảo rằng:

Hoàng chúa-công đi đến núi Đại-hám châu Đức-khánh, đã hơn một tháng nay, chừng cũng đã sắp về, hai ngươi phải đem tiền ăn đường đi cho nhiều, cưỡi ngựa đi đón xem, hễ gặp thấy thời một đứa phải về báo ta trước, thế nào cũng phải tìm đón đến nơi cho được.

Hai tên kiện-bộc vâng mệnh ra đi, hơn một tháng mới trở về Công-chúa liền gọi vào hỏi rằng:

— Hai ngươi không gặp được hay sao?

Hai tên kiện-bộc thưa:

— Hai chúng tôi đến Đức-khánh hỏi thăm, thời không được tin tức gì cả; hai chúng tôi lại đến cửa sông Nam-giang hỏi thăm đến núi Đại-hám để đón Hoàng chúa-công, thời nhân-dân xứ ấy đều nói rằng: Núi Đại-hám mấy năm nay phải chúa Mán ở núi Thiên-mã là Mai Anh chiếm-cứ, người ta không ai dám qua, vậy chúng tôi không dám đi phải trở về phục-mệnh.

Lý công-chúa nghe nói cả kinh, liền cho đòi tên tì-tướng trước cho đi hỏi thăm ở núi Trà-mi đến hỏi vặn lại mà rằng:

— Núi Đại-hám đã phải quân giặc chiếm-cư, Cô-nương lẽ nào lại có ở đó, hay là mày đi hỏi thăm không đích-thực chăng?

Tên tì-tướng thưa:

— Bẩm công-chúa, những người láng giềng ở đó đều nói thế cả; công-chúa không tin, xin lại sai người đến hỏi thăm lại mà xem.

Công-chúa nghe nói liền sai tên tì-tướng khác đến núi Trà-mi hỏi thăm lại, khi trở về nói rằng:

— Bẩm công-chúa, Cô-nương di-cư đến núi Đại-chương, chớ không phải núi Đại-hám.

Công-chúa giẫm chân mà rằng:

— Thôi, Hoàng-lang hưu-hĩ! Hoàng lang là người khí-khái không chịu thua, cường-ngạnh không chịu nhũn, nếu gặp quân cường-đồ không chịu khuất-nhục, thời khỏi chết sao được!

Nói rồi liền khóc oà lên, sai điệu tên tì-tướng trước ra đánh cho hai chục roi, cách chức đi không dụng nữa. Chư-tướng đều đến thăm hỏi. Phù Hùng nói:

— Xin công-chúa chớ thương đau quá, hãy xin sai một tên thám-tử đến núi Đại-hám do xem rằng Hoàng-lang có đến xứ ấy không? có phải là đến đó

mà bị hại không ? nếu dò được đích-thực tin-tức như thế nào, thời tiểu-tướng xin cùng với chư-tướng đem hết quân sơn-trại, đi đánh báo thù cho Hoàng-lang.

Chư tướng đều đồng-thanh mà rằng:

— Phù tướng-quân nói phải lắm !

Chư-tướng cáo từ lui ra, một mình Công-chúa nghĩ phân-vân mãi không đành, bụng nghĩ thầm rằng: Hoàng-lang là người quân-tử tình-thâm nghĩa trọng, nếu không có sự-cố gì thời tất không chậm trễ đến nay, trước ở đây với ta ân-ái biết chừng nào, thế mà còn nóng ruột giữ theo lời hẹn ước với Trương tiểu-thư. Bây giờ đến Đại-hám lẽ nào lại phụ ước với ta, mãi không thấy về chắc là không khỏi chết được. Công-chúa nghĩ vơ nghĩ vẩn mãi như thế, quên ăn quên ngủ, đến hơn một tháng. Một đêm kia, gần trống canh hai, công-chúa tự-nhiên thấy nóng ruột, liền gọi hai tên thị-tì Xuân-Hoa, Thu-Nguyệt trở dậy, ra ngồi trước sân, trông lên bóng trăng vằng-vặc, cảnh quế la-đà, nhớ đến năm trước cùng Hoàng-lang ngoạn-nguyệt, phong-cảnh như cũ, tình-hoài khác xưa, ngẫm ngùi những toan muốn khóc, bèn sai Thu-Nguyệt đem nghiên bút ra, dưới trăng tả thành một bài tuyệt-cú :

Đìu-hiu sân cỏ dãi.
Văng-vẳng tiếng chim kêu.
Mong nhớ nào ai đó ?
Hoa lồng bóng nguyệt cao.

Công-chúa vừa viết thơ xong, nghe thấy ngoài nổi hiệu báo có Phù Hùng tướng-quân vào yết-kiến, Công-chúa cả kinh mà hỏi rằng :

— Chẳng hay cữu-phụ có việc gì mà đang đêm vào yết-kiến làm vậy ? Mau ra mời vào.

Phù Hùng tiến vào bẩm rằng :

— Thưa có Bàn Ma-La ở ải Triều-thiên đương đêm giải một tên người Hán đến trại tiểu-tướng, nói rằng là người của Hoàng-lang ở núi Thiên-mã sai đưa thơ đến, vậy nên tiểu-tướng không dám trễ nải, phải vào ngay bẩm-bạch.

Công-chúa liền hỏi rằng:

— Tên người Hán bây giờ ở đâu?

Phù Hùng thưa :

— Bây giờ hiện ở ngoài trại kia.

Công-chúa cho gọi vào. Tên ấy vào trông thấy công-chúa liền quì xuống đất, khóc òa lên mà rằng :

— Xin công-chúa nghĩ đến tình vợ chồng cứu lấy biểu-đệ tôi là Hoàng Phùng-Ngọc với !

Công-chúa liền hỏi :

— Ngươi là người ở đâu?

Tên ấy thưa :

— Chúng tôi là biểu-huyên Hoàng Phùng-Ngọc tên là Lưu Hạc-Linh. theo mẹ tôi di-cư đến ở châu Đức-khánh, vì tôi tiêu mất cả tiền mang nợ, nên phải vào làm môn-hạ chúa Mán ở núi Thiên-mã cho đi làm tuần-đinh. Đêm hôm 13 tháng trước tôi đi tuần đến đàng sau núi, nghe tiếng khóc thảm - thiết rõ là tiếng người làng tôi, nên mới đi đến tận nơi hỏi người lính canh, bảo là chúa Mán bắt được tên gian-tế ở núi Gia-quế lại, nên giam ở đó rất là khổ-sở không thể chịu được, chỉ là khóc lóc thảm thương. Tôi mới giả cách lấy lòng bọn quân canh cho tôi vào thăm xem, mới biết là biểu-đệ vì mẹ con tôi mà bị khổ ở đấy, tôi lấy làm đau đớn lắm, muốn lập mưu tháo ra, song biểu-đệ tôi bảo : Ở đây đường núi rậm rạp, đồn giặc khắp hết mọi nơi ; và thân mình lại bị trọng-thương sợ trốn đi không thoát được. Nếu muốn cứu cho ta, phi đưa tin tức đến Lý công - chúa ở núi Gia-quế, đại-cử binh - mã đến bình giặc này, thời mới cứu được ta. Công-chúa hẳn

là nghĩ đến tình vợ chồng, biết tin tất đem binh lại, chỉ tức rằng bây giờ không có người thông tin mà thôi. Tôi nghe nói làm vậy, bèn ngầm đem nghiên bút cho biểu-đệ tôi viết thư, thâu đêm tôi lẻn xuống núi lại đây, xin công - chúa rộng lượng từ-bi cứu-vớt lấy cho.

Tên ấy nói rồi vừa khóc vừa giở trong mình ra lấy một phong thư gói ở trong bọc giấy dầu ra đem dâng lên. Tả hữu cầm lấy đệ lên công - chúa. Công-chúa hỏi :

— À thế ra ngươi là Bá-bá, mời Bá đứng dậy. Hoàng-lang bị bắt lúc nào ? bị giam lúc nào? xin Bá-bá thuật kỹ lại cho tôi nghe.

Tên ấy đứng dậy, rồi ngồi xuống mà rằng :

— Bẩm công - chúa, biểu-đệ tôi từ mồng tám tháng năm qua đò Nam-giang, trưa hôm mồng chín thì hai tên đầy tớ phải bị bắt ; biểu-đệ tôi đi đến sau đánh tan quân Mán, chém chết một tên tì-tướng, rồi quay ngựa toan chạy trốn, gặp phải Thạch Thung-Cữu ở núi Vân-lãm ra đánh chặn đường, lại phải chạy vào núi Tử-chướng, phải Dao-vương [1] là Mai Anh bắt được ; Mai Anh yêu cái dung - nghi biểu-đệ tôi, bắt ép duyên với người chị hắn là Mai Ánh-Tuyết, biểu-đệ tôi bảo rằng đã lấy công-chúa rồi, bắt ép đến bốn năm lần biểu-đệ tôi nhất-định không nghe, bởi thế súc - phạm, Dao-vương nổi giận, bị đánh đến 20 côn, toạc cả da rách cả thịt, ngất đi hai ba lần, rồi đem giam ở nhà tù bằng đất đằng sau núi, cấm tuyệt không cho ăn uống. Đến ngày thứ ba lại sai người đến dụ, biểu-đệ tôi chống cự lại càng hăng bảo rằng: «Nếu bắt tao lấy em gái mày, thời phải có vợ tao là Lý công-chúa thuận cho mới được. Nếu chỉ cậy oai mà bắt ép ta, thời không kể chi mày là quân giặc, dẫu đến ông Tề-tướng đương-triều, cũng vị-tất đã ăn hiếp Hoàng Phùng-Ngọc nổi được.» Vì thế Dao-vương nổi giận, sai đem roi vọt đánh đập; may được quân-sư là Gia-cát Đồng nói với Dao-vương rằng : « Nếu hắn đã không nghe, dẫu đánh chết cũng vô-ích. » Dao-vương mới sai đem biểu-đệ giam ở đằng sau núi, ba thầy tớ, mỗi ngày cấp cho ba bát gạo, rất là khổ-sở, nguy ngay đến sớm tối không biết chừng, cúi xin công-chúa mau mau ra tay cứu giúp !

Tên ấy nói rồi lại khóc nức-nở. Công-chúa nghe đến câu vị cự-hôn mà bị côn-đả, nước mắt liền rỏ ra ròng ròng thấm cả vạt áo, nghe hết câu chuyện liền bóc thư mở ra xem, Thư rằng :

— « Tiện-phu Hoàng Quỳnh trăm « lạy kính thơ đệ :

« Hiền-thê Lý công - chúa trang-« thú nhã-giám : « Quỳnh, từ trung-« tuần tháng tư từ - biệt ái-khanh, « đến thượng-tuần tháng năm mắc « phải giặc Thiên - mã. Non Vân gia « sức đánh, cũng đuổi tan quân cáo, « giết được kẻ đầu đàn ; nui Tía gặp « đường cùng, đã mắc phải miệng hùm, « khôn sao cho trốn thoát. Cảm lòng « nàng mà cự-hôn gái mán, đành chịu « độc-hình ; nhịn dấu đau mà sống « gượng đời thừa, xa đưa tin thảm.

« Than ôi ! Miệng tuyệt canh-thang, « mình trôi máu-mủ ; kiên-tâm vẫn « giữ, thề chết không sai. Nếu qui-« hồn biết lối, cũng trở non Gia-quế « mà đi về ; xin qui - thề đành lòng, « chớ thấy vận tiêu-vinh mà ân-hận. « May ra Hoàng-Quỳnh nhắm mắt mới « yên. »

« Nay rỏ nước mắt kính thư. »

Công-chúa đọc thư xong, kêu lên

(1) Là chúa mán mào tự xưng là vương.

một tiếng, ngất ra ở trên ghế, Hoa Nguyệt hai đứa thị-tì vội vàng ôm giữ lấy, kêu khóc gọi rầm lên : « Công-chúa lai-tỉnh ! . . . » Phù Hùng cũng khóc. Phù phu-nhân nghe tiếng vội-vàng chạy ra hỏi, ghé vào bên má công-chúa cũng ngồi bên mà khóc. Một lát, công-chúa dần dần hơi tỉnh kêu lên một tiếng to, lại chết ngất đi, mắt nhắm nghiền lại, nhan-sắc đã hơi trắng nhờn-nhợt, Phù phu-nhân vội vàng ôm vào trong lòng, gọi rầm lên mà rằng :

— Con ơi ! Con làm sao thế hở con ? Con nỡ nào con lại bỏ mẹ, con ơi !

Phù Hùng thấy gọi mãi không tỉnh, bèn bảo tả hữu sắc một thang thuận-khí đổ cho uống một chén, thấy dần-dần hơi tỉnh. Phù phu-nhân và các thị-nữ đỡ vào trong buồng để nằm yên trên giường, rồi cùng với Phù Hùng trông nom săn-sóc cả đêm. Đến sáng mới thấy công-chúa khóc lên được, mà nói rằng :

— Tôn-cữu ơi ! Tôn-cữu làm sao rửa hờn cho cháu mới đành.

Phù Hùng nói :

— Xin công-chúa hãy bình-khí lại mà yên-dưỡng qui-thể, tôi chắc quân Thiên-mã, cũng không có sức mạnh như Triệu, Mã, Quan, Trương ; trí khôn như Tôn Tần, Ngô Khởi ; đánh được cũng chẳng khó gì. Xin để tiểu-tướng cùng với chư-tướng luyện-tập binh mã, rồi sẽ chọn ngày khởi-binh để báo-thù tiết-hận cho công-chúa chớ có sợ chi.

Phù phu-nhân cũng khóc mà rằng :

— Con ơi ! Con muốn cứu cho Hoàng-lang, thời cũng phải giữ gìn cái thân mình, mới nên được việc. Bình-nhật con đọc sách để đâu, kinh Thư có chữ rằng : « Có nhẫn mới nên được việc », sao con lại tức giận mà tự-hoại thân mình đi trước, thời còn lo tính làm sao được.

Công-chúa khóc mà rằng :

— Quân giặc này khinh người quá lắm, ai là không phải tức giận !

Phù Hùng nói :

— Thôi, cháu hãy nên trâu-trọng giữ gìn, để cậu ra cùng chư-tướng cùng thương-nghị.

Nói rồi, liền bước ra trước dinh, vội vàng nổi hiệu trống để hiệu-triệu chư-tướng. Các tướng nghe hiệu đều đến họp dưới trướng. Phù Hùng bèn đem những truyện trên đó thuật lại cho chư-tướng nghe, lại đưa cả tờ thư cho chư-tướng xem, ai nấy đều nghiến răng tức giận, rút gươm vạch đất mà rằng :

— Quân giặc này khinh xược người lắm, xin tướng-quân tâu công-chúa khởi binh, lũ chúng tôi xin liều chết mà đánh để đền ơn công-chúa.

Phù Hùng nói :

— Nếu được chư-tướng đồng-tâm hiệp-lực, thời lo gì không đạp đổ núi Cầm-thạch, phá tan ngàn Thiên-mã !

Bấy giờ chỉ có một mình Đặng Bưu cúi đầu nín lặng không nói gì cả. Phù Hùng hỏi :

— Đặng tướng-quân nghĩ sao mà không nói câu gì cả làm vậy ?

Đặng Bưu nói :

— Tiểu-tướng nghĩ cho kỹ ra thời chư-tướng chỉ suông có cái bụng giận xung-thiên, chớ như Hoàng chúa-công quyết không thể cứu được, mà quân Thiên-mã cũng không thể đánh phá được.

Phù Hùng hỏi :

— Sao lại biết được như thế ?

Đặng Bưu nói :

— Tôi nghe đất La-bàng vạn-sơn trùng-điệp, thiên-lý bao-la, đồn giặc ở rải-rác ra các bang núi, thì-thọt không

biết đâu mà lường, nếu đến đánh thời phải dùng đến 30 vạn quân, chẹn đường yếu-hại, đoạn quân cứu-ứng, phải đến hàng năm hàng tháng, dần-dà trừ tiễu, thời dụng-lực mới dễ. Nếu đem độ và vạn quân mà đánh, chặn bên đông thời hụt bên tây, đánh bên nam thời mất bên bắc, tự mình cứu-ứng không xong, sao hay vào được sào-huyệt của họ. Nay ở Gia-quế này binh-mã chỉ có 20 vạn, quân lưu-thủ phi năm vạn không đủ, trừ 5 vạn ra chỉ còn có 15 vạn, như thế thời có làm được việc gì không?

Phù Hùng hỏi :

— Thế thời bây giờ làm thế nào?

Đặng Bưu nói :

— Tôi nghe triều-đình đã mấy lần đem binh để chinh-tiễu La-bàng, phí tổn vô-số tiền - lương, mà không bắt được mảnh cung mũi tên của giặc. Nay ta nếu đem quân trừ hắn, thời triều-đình hẳn mừng, ta nên sai người đến phủ Đô - đốc, xin phát thêm cho 15 vạn đại-binh nữa đến trợ-chiến có hay không ?

Phù Hùng nói :

— Kế sách Tướng - quân rất phải, song tính ngày ra không kịp, vì phỏng Ngô Đốc-phủ bằng lòng ưng cho, các nhân-môn không ai ngăn trở. Song phát ra 15 vạn quân không phải là việc chơi, tất phải tâu lên triều-đình giao xuống bộ-nghị, nếu có đắc-chỉ chuẩn cho, rồi mới di-tư ra cho biết, tư-văn đến tòa Đốc-phủ, bấy giờ mới sức họp các xứ binh mã lại, rồi mới tiến-chinh được. Nay cứu Hoàng-lang như cứu phần chứng-nịch, nếu đợi mãi như thế, thời họa tìm Hoàng-lang ở chợ cá khô mà thôi.

Đặng Bưu nói :

— Nếu không thế, thời phải xin Đô-đốc sức tờ cho các nơi biết, thời các cửa ải bến đò mới không ngăn trở lôi-thôi, và phải mượn lấy 600 thuyền ván lớn, 400 thuyền chèo nhỏ, thủy lục đôi đường đều tiến lên, thời dự-bị mới đủ. Tôi nghe đến núi Cẩm-thạch, phải vượt qua bể mới vào được cửa sông Nam-giang, nếu không có thuyền thời sao qua được bể? Khi đến Nam-giang phải đặt một thủy-trại đóng quân ở đó để làm ứng-viện, cái gì cũng phải nghĩ cho vạn-toàn, ý tôi như thế, xin tướng-quân liệu đó.

Phù Hùng nói :

— Tướng-quân nói phải lắm !

Bèn sai người cầm thư đến tòa Đốc-phủ, để nói mọi việc, và gọi các tì-tướng khai-điểm ở các xứ về. một đàng thời luyện-tập binh mã chỉnh-tề, mời Lý công-chúa thăng trướng, để điều-bát binh mã khởi-hành. Khi ấy vừa rứt ba hồi trống, nổ một tiếng súng, thời sinh nhạc rập rình, rước Lý công-chúa ra lên ngự trên quân -trướng, các tướng vào bái-yết xong, công - chúa phân-lịnh cho quan Tiền-tiễu - tổng Phù - Hùng trấn - thủ núi Gia - quế, thống-chế cả binh-mã các trại; quan tiễu - tổng ở núi Ngọc-nhị là Đặng-Bưu ra trấn ải Triều - thiên kiêm-quản cả ba cửa ải ; tì-tướng Mã A-Ma giữ trại bên tả ; Mã-Thuận giữ trại bên hữu ; Đan Dũng giữ núi Ngọc-nhị ; Giả Kỳ giữ núi Trung-đồng ; đều lưu binh một vạn để ở nhà trấn-thủ. Lại sai Hữu-tiễu-tổng Triệu-Tín lĩnh thủy-quân tiên-phong ; tiễu-tổng Đường Hồ lĩnh thủy - quân hợp-hậu, đều đem một vạn binh, mười viên tì-tướng đi trước, phàm những đồ làm giàn gác chòi canh, tên, loa, buồm, sào, đều chỉnh-bị đủ cả ; lại sắm cả súng cò máy, súng cửu-long, chông gai tật-lê, hạt nổ bằng thiếc, ống dựng gio, quả bùi-nhùi lửa, không thiếu một thứ gì, hai tướng tuần-lịnh đem đi trước. Lại sai Tả-tiễu-tổng Phù Ly làm tiền-bộ tiên-phong ; Bàn Ma-La làm Tả bộ-vệ ; Phùng Lực-Mộc làm

Hữu-hộ-vệ ; Mã Tán làm hợp-hậu, Mã Cách làm tiền-vận, Trịnh Kế-Luân làm hậu-vận, đều đem một vạn quân. Công-chúa thời tổng-thống trung-quân, đem nữ-tướng là Dương Phiên-Phiên, Hứa Ngọc-Anh vào từ biệt Phù phu-nhân rồi ra nổ ba tiếng súng lớn, lục-tục khởi-trình ra đi. Phù Hùng, Đặng Bưu tiễn xuống dưới núi, Đặng Bưu tâu rằng :

— Xin công-chúa dẫn binh đến La-bàng, chớ có vội vàng, chớ có khinh-địch mới được.

Công-chúa nghe lời ra đi. Đặng Bưu trở về đến trên ải, buồn - bã không vui, bảo Phù Hùng rằng ;

— Tôi xem công-chúa mãn-diện sầu-dung. sợ không phải là cát-triệu. Vả trước kia tướng-quân sai Lưu Hạc-Linh cùng với tên tế-tác đi do thám đường nẻo La-bàng ; tôi thiết-tưởng tên Hạc-Linh dẫu có cầm thơ của Hoàng chúa-công có bút-tích làm bằng, song tôi xét hắn quẳng con mắt khiếp sợ, mà cất gót đi xênh-xang, sợ không thể tin được, tiểu - tướng xin hãy để nó ở lại đây, tướng-công nghĩ thế nào ?

Phù Hùng nói ;

— Tướng-quân thực là lo nghĩ sâu-xa lắm, Tiểu-tướng thấy công-chúa thương đau quá-độ, trong bụng bối-rối, nghĩ một lúc không kịp được đến thế.

Nói rồi liền từ-biệt về trại.

Nói về Lý công - chúa đem chư-tướng kéo quân đi ầm-ầm như nước chảy; tinh-kỳ rợp trời, kéo thẳng đến núi Thiên-mã, không đầy mấy ngày, đầu binh đã đến núi Cẩm-thạch, hạ trại đóng lại, đợi quân đại-đội đến rồi sẽ vượt qua bể. Ngày hôm sau Lý công-chúa kéo quân đến, muốn lập-tức đem quân qua bể. Phù Ly ngăn lại mà rằng:

— Nay thủy-quân chửa tới nơi, tới lui khó lòng phiền-lao quá, không nên vượt qua vội.

Công-chúa phải đóng ở lại. Đêm hôm ấy tinh - thần không yên, công-chúa trở dậy đốt đèn ngồi ở trong trại, một lúc lâu lâu rồi dựa ghế thiu-thiu ngủ, mơ-mơ màng-màng đi đến một chỗ trông lên đầu núi mập mờ thấy hiện ra một tòa cung-điện, đài quỳnh như vẽ, gác ngọc ngất trời ; cột vẽ sắc mây, coi như khói tỏa ; rèm lồng bóng nguyệt, ngờ tựa đèn soi ; cao trót-vót hình như mấy trùng-đài, trông thăm-thẳm tựa hồ không thấy đất ; dẫu cảnh-tượng không phải là thần-lâu, hải-thị, song qui-mô thật rõ là ngọc-các châu - cung. Công-chúa đi đến trước cửa, thấy có một tên nữ-đồng ở trong chạy ra vẫy tay gọi mà rằng:

— Lại đây, lại đây.

Công-chúa trở gót sen theo y bước vào, thấy có một vị tiên-nữ, đầu đội mũ sao, mình mặc áo tử-hà, tay cầm đuôi chủ, mỉn cười ra đón mà rằng:

— Hiền-muội bấy lâu yên-ổn chớ ?

Công-chúa nhận kỹ ra không biết là ai, vội vàng thi-lễ mà đáp rằng:

— Tiểu-muội không được rõ tiên-thư, chẳng hay tiên-thư sao lại biết tiểu-muội làm vậy?

Tiên-nữ cười mà rằng :

— Hiền - muội tương - biệt đã 18 năm trời không trách được hiền-muội quên mất cả chị em. Song hiền-muội khó lòng mới đến được đây, mà bận này đi cũng không dễ đâu, tôi có một tờ thiếp này tặng cho, hiền-muội cầm về nhận kỹ ra sẽ hiểu.

Nói rồi liền ở trong tay áo rút một tờ thiếp ra đút vào trong tay áo công-chúa. Công-chúa rỏ nước mắt mà rằng :

— Chồng tôi phải quân giặc Thiên-mã nó làm khốn khổ, không biết bận này đi đánh có cứu được không, xin tiên-thư trỏ bảo cho một vài điều.

Tiên-nữ cười mà đọc mấy câu rằng:

— *Tình ấy tình kia, tình sau tình trước, tình ly tình hợp, đều là đồng-tình.*

Công - chúa không hiểu ý ra làm sao, toan muốn hỏi lại, thời tiên-nữ cầm đuôi chủ phất lên một cái, công-chúa chợt tỉnh dậy, mở mắt trông thấy Dương Phiên-Phiên đeo gươm đứng hầu ở bên. Công-chúa hỏi :

— Ngươi còn chưa ngủ à ?

Phiên-Phiên nói :

— Công-chúa còn chưa ngủ, tôi đâu dám ngủ.

Công - chúa ngồi nghĩ điềm mộng bụng bảo dạ rằng : Người tiên-nữ ấy bảo ta với y tương-biệt đã 18 năm, hay là tiền-thân ta trước cũng là tiên-nữ. Vả y bảo ta lần này lại đây không phải là dễ, làm sao ta tỉnh dậy nghĩ mãi cái câu nói : tình kia tình ấy, không hiểu ra làm sao. Thôi chẳng qua độ này ta mệt nhọc luôn, tâm kinh thành mộng, chẳng biết đâu làm bằng được. Nghĩ rồi toan đứng dậy đi nghỉ. Chợt thấy trong tay áo rơi ra một cái thiếp vội-vàng nhặt lên xem, thời là một tờ giấy thiếp. Công-chúa thất-kinh mà rằng :

— Mộng này thật không phải là huyền-ảo tầm-thường đâu !

Dương Phiên-Phiên hỏi :

— Chẳng hay công-chúa có mộng gì vậy?

- Công-chúa mới kể lại mộng cho nghe.

Dương Phiên-Phiên cầm lấy tờ thiếp, hai người cùng đến dưới đèn mở ra xem, thấy trong thiếp viết hai chữ lớn, dưới mỗi chữ lớn lại chua hai chữ con là : « *Gian* 姦 » (*thần tiền* 臣 前) « *Niều* 嬲 » (*chủ hậu* 主 後). Một chữ *nữ* đầu chữ *gian* thời viết bằng *son đỏ*, còn hai chữ dưới viết bằng *mực*, hai chữ *nam* đôi bên chữ *niều* viết bằng *son đỏ*, còn chữ *nữ* ở giữa viết bằng *mực*. Hai người xem rồi không hiểu ý sao. Dương Phiên-Phiên chợt lấy tay vỗ án mà rằng :

— Thôi tôi nghĩ ra rồi ! Đó là tiên-nữ bảo công-chúa cái mưu-cơ hành-binh đó.

Công-chúa nói.

— Ngươi thử giảng cho ta nghe.

Phiên Phiên nói :

— Bẩm công-chúa thế này : Lũ chúng tôi là tôi, mà công-chúa là chủ ; hai chữ « *thần-tiền* » nghĩa là lũ nữ-binh chúng tôi nên tiến đi trước, cho nên chữ *gian* toàn là nữ cả ; « *chủ hậu* » nghĩa là công-chúa cùng với chư-tướng tiến đi sau, cho nên chữ *niều* có một chữ nữ ở giữa hai chữ nam mà thôi.

Công-chúa hỏi :

— Chẳng hay một chữ nữ trên viết son, mà chữ nữ dưới lại viết mực là ý làm sao?

Phiên-Phiên thưa :

— Chữ nữ dưới chua là chủ, chủ tức là trỏ về công-chúa, công-chúa hay mặc áo đỏ, mà nay lại viết chữ nữ đen, ý là bảo công-chúa phải biến-phục đi mặc áo thâm vậy. Chữ nữ trên chua là thần, thần là trỏ về lũ chúng tôi, chúng tôi mặc áo nhung-phục thâm, mà chữ nữ lại viết đỏ, ý là bảo một người nữ-tướng đi đầu phải mặc áo đỏ vậy. Xưa kia Tào Mạnh-Đức đi đánh Từ-châu, hư-trương tinh-kỳ đi trước, mà mình lại ở lùi lại bến đò Quan, hay là tiên-nữ cũng muốn công-chúa làm điên-đảo như thế cho nó nghi-ngờ không biết đâu mà lượng.

Công-chúa gật đầu mà rằng :

— Ngươi nói có lẽ phải, tiên-hư hậu-thực, hành-binh xưa nay vẫn có phép thế, hãy đợi chư-tướng đến nơi, cho ngươi cầm cờ hiệu của ta, mặc áo hồng-bào của ta đem quân tiến lên trước.

Phiên-Phiên xin vâng lời, nói rồi đi nghỉ. Ngày hôm sau, Phù-Ly dẫn một người vào yết-kiến. Công - chúa hỏi rằng :

— Mày là người ở đâu vào hầu ta có việc gì ?

Người ấy đáp rằng :

— Con người họ Hoàng tên là Kiều-Thăng, người thôn Đào - hoa làng Trinh-hương, từ khi nhỏ theo cha ở châu Đức - khánh làm nghề hương ; phàm các núi Thiên - mã, Đại - hám, chúng tôi ngày nào cũng đi lại để tìm các thứ gỗ thơm, đường đi lối lại đều thuộc tất cả. Nay nghe công-chúa thân-chinh đến đánh giặc để trừ hại cho địa-phương này, vậy chúng tôi có vẽ ra một bản địa-đồ đem lại để hiến-nộp.

Công-chúa hỏi rằng :

— Mày là người thôn Đào-hoa làng Trinh-hương, thế thời mày có biết con cụ Tư-trai Hoàng thái-công là Hoàng Phùng-Ngọc không ?

Kiều-Thăng đáp :

— Đó là hàng chú chúng con, sao lại không biết.

Nói rồi liền kể hết gia-thế Hoàng Phùng-Ngọc không sai một chút nào. Công - chúa cả mừng, nghĩ là cháu Phùng - Ngọc bèn thưởng cho làm Bả-tổng để hầu dưới trướng, rồi mở địa-đồ ra xem, thấy đường cái rậm-rạp, hình núi hiểm-nghèo, bèn gọi Kiều-Thăng đến trước mở địa-đồ ra hỏi cặn-kẽ, biết hết các chốn hiểm-yếu. Khi ấy thủy-quân vừa kéo đến, bèn đều vượt qua bể, cứ án theo địa-đồ sai thủy-quân tiên-phong là Triệu Tín đem 300 cái mảng, tự vũng bể thứ - chín - mươi kéo vào bến Tử-chướng ; quan tiên - phong Phù Ly thời từ bên tả núi Giá-cô qua núi Vân-lãm cũng đều kéo đến bến Tử-chướng. Dương Phiên - Phiên thời kéo cờ hiệu chủ-súy đem 300 nữ-binh đi làm đội quân thứ hai ; Phùng Lực - Mộc đem đội thứ ba ; công-chúa thời ở vào đội thứ tư ; Mã-Tán đem đội quân thứ năm ; lại sai một đội quân cho Bàn Ma-La đem đi qua đường núi Giá - cô đi xuyên ra Tử - chướng cũng hợp - binh với Phù Ly. Đường Hồ thời đóng thủy-trại ở cửa sông Nam-giang. Điều-bát quân-sĩ đã xong, bèn phát súng khởi-hành.

Nói về Dương Phiên Phiên mặc áo hồng-chiến-bào bằng gấm của công-chúa, kéo cờ hiệu công-chúa, vòng quanh kéo qua núi Vân-lãm, đi độ hơn 20 dặm, trông thấy đôi bên núi bích-lập, sườn núi đều là nhà cỏ gianh lớp-rớp, cách xa cửa sông, nhân khi ấy tiền-quân đã đi qua, Phiên-Phiên cả gan cứ trỏ bảo đội nữ-binh theo men khe núi mà đi, đương lúc đi chợt thấy trong đám rừng gianh rậm-rạp, tiếng reo hò ầm lên, tên nỏ loạn-xạ, quân nữ-binh kêu ầm lên, toan tìm đường chạy, thời đường núi hẹp, khe nước sâu, quay mình không được, chỉ ẩn núp cầm lá mộc che đỡ, song tên nỏ dài đến ba thước mà mũi sắc phi-thường, phát tên nỏ nào cũng thủng qua lá mộc tin thấu vào xương, ba trăm nữ-binh vụt chốc đều ngã lăn cả ở trên khe. Phù Ly nghe tin, vội vàng quay binh lại cứu, song binh - mã xô - xát, quay giở không được, chợt nghe thấy đằng mặt trước còi trống vang lừng, có một toán quân xông lại, Phù Ly lại phải đem quân quay về mặt trước nghênh-địch, đương lúc giao- chiến, đằng sau lưng lại kéo ra một cánh quân đánh chẹn lại, vây kín Phù Ly vào giữa vòng vây. Phùng Lực-Mộc nghe tin, thúc quân kéo lên, thấy ba trăm nữ-binh bị bắn chết thành một đống ; Dương Phiên-Phiên bị tên nỏ bắn khắp mình như lông nhím, đã bị cắt

mất đầu. Lực-Mộc thất-kinh, biết là trúng-kế, một mặt sai người trở lại báo cho hậu-đội biết, một mặt đánh xông lên để ứng-cứu cho Phù Ly, song cửa hang đã phải quân giặc đóng lấp lại không tiến lên được. Đương lúc hoảng-hốt, chợt nghe thấy tiếng reo rầm rầm, quân giặc chạy tán-loạn. Nguyên là Bàn Ma-La đi xuyên-sơn qua núi Giá-cô, gặp tướng giặc là Vạn Nhân-Định chẹn ngang đường, Ma-La cố sức sung-sát, Vạn nhân-Địch phải tháo lui, Ma-La lại sấn về phía đông đuổi theo, gặp ngay tướng-giặc là Thạch Thung-Cữu đương trỏ bảo quân-sĩ đóng lấp cửa hang. Ma-La bỏ Vạn Nhân-Địch không đuổi theo nữa, đảo lại đánh nhau với Thạch Thung-Cữu, Thung-Cữu chống lại không nổi phải bại-trận mà chạy. Lực-Mộc ở đâu đánh xông lại, cùng hợp binh với Ma-La đánh xông vào trùng-vi, cứu được Phù Ly ra; quân giặc tháo lui cả. Chư-tướng vì không hiểu địa-thế, không dám đuổi theo, phải tạm lập đồn trại đóng lại để đợi công-chúa.

Nói về công-chúa nghe tin mặt trước có quân giặc, liền thúc chư-tướng kéo lên, đi đến bên khe, thấy Dương Phiên-Phiên bị bắn chết, liền thương khóc xót-xa, bèn sai một viên tì-tướng với 3000 quân, đào huyệt ở phía nam núi ấy để chôn xác nữ-binh, xong rồi bèn tìm nơi hiểm-yếu ở đấy đóng đồn để phòng-bị quân giặc. Công-chúa truyền bảo xong, thâu đêm kéo quân vào Tử-chướng để cùng với chư-tướng cùng hợp binh đóng đồn. thực là :

Hiểm thay kế độc lửa như quỉ,
Thương hại người trung phút hoá ma

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU dịch

Công-thải sắp mở, quốc-dân nên mua

Ba kỳ thiết-lộ giao-thông,
Con đường kinh-tế lợi chung nước nhà.
Món tiền mua phiếu của ta,
Giúp về công-việc hỏa-xa đó mà.
Mà ta lại được lợi ra.

Năm mươi đồng bạc là bao,
May ra hàng vạn trúng vào tay ta.
Ai ơi, mua phiếu kẻo mà!

Mua phiếu ích cho nước,
Trúng số lợi cho nhà.
Lãi hàng nghìn hàng vạn,
Tiền ta lại về ta.

KỊCH-BẢN

TÌNH-DUYÊN VỚI LẠI TÌNH-CỜ (1)

Ngôn-tình hài-kịch

(Hi-kịch bằng văn xuôi có ba hồi, dịch trong kịch-bộ của ông MARIVAUX)

HỒI THỨ NHÌ

Kịch thứ I

LI-TIẾT, ÔNG Ô-NGÔN.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thế nào, Li-tiết, mi muốn chi ?

LI-TIẾT. — Con muốn thưa chuyện ông một lát.

ÔNG Ô-NGÔN. — Chuyện gì ?

LI-TIẾT. — Con muốn thưa ông rõ đầu đuôi thế nào, vì cần phải nói ông biết rõ, để sau này ông khỏi trách con.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thế ra việc trọng lắm à ?

LI-TIẾT. — Thưa trọng lắm ạ. Ông đã thuận cho con giả hình làm cô Tân-hoa, con cũng tưởng rằng việc chẳng hề chi ; nhưng con xét lầm.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thế việc hệ-trọng ra làm sao ?

LI-TIẾT. — Thưa ông, con nói tốt cho con thì con cũng lấy làm ngượng lắm ; song dù lẽ phải khiêm - tốn thế nào, con cũng phải nói ông rõ rằng vì ông không sớm liệu sự này thì cậu «dự-bị tế-tử» của ông đến không còn bụng gì với lệnh-ái nữa đó. Cô con phải mau mau mà tỏ mặt ra ; vì chỉ chậm một ngày nữa, thì con không biết đâu nữa.

ÔNG Ô-NGÔN. — À ! Thế ra có lẽ đến khi hắn biết cô mày thì hắn cũng không ưng nữa hay sao ? Mày cho cô mày là không đủ nhan-sắc cảm được hắn sao?

LI-TIẾT. — Không phải thế ; nhưng ông không biết rằng con cũng có một chút nhan-sắc của con, mà nhan-sắc ấy cũng đương cảm-động được người đây; con thưa ông đừng để cho nó cảm sâu quá.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thế thì ta mừng cho mi, Li-tiết ạ (*Ông cười*). A ! hà ! hà !

LI-TIẾT. — Được lắm ; ông cứ nói bỡn mãi ; ông lại chế-nhạo con ; con lấy làm phiền lòng, vì ông sẽ mắc mất.

ÔNG Ô-NGÔN. — Mi không phải lo gì, Li-tiết ạ ; ta cho phép cứ việc.

LI-TIẾT. — Con xin nói lại ông nghe: cậu Đô-lăng đa-tình quá. Này, hiện bây giờ cậu đã ưa con lắm rồi đây ; chiều hôm nay chắc cậu có bụng thương con ; đến mai thì cậu yêu, cậu quí, con không biết đến đâu. Con thật không dáng, mà cậu cũng khiếm-nhã ; ông nghĩ thế nào mặc lòng, sự quả như thế rõ-ràng. Ông coi đó, mai đây chắc là cậu đến yêu đến quí con thật.

ÔNG Ô-NGÔN. — Ừ ! mà thế nữa thì có hề chi cho mi ? Nếu hắn yêu hắn quí mi như thế thì hắn cứ việc mà lấy mi làm vợ.

LI TIẾT. — Ồ ! thế ông không ngăn-trở sự đó à ?

ÔNG Ô-NGÔN. — Không, ta lấy danh-dự thề với mi, vì mi khiến được chàng đến thế, ta đây không ngăn-trở nào.

LI-TIẾT. — Thưa ông, con xin ông

(1) Xem hồi thứ nhất ở số trước (*Nam-Phong* số 54, trang 538-548).

cẩn-thận đấy. Ấy là con còn cứ để tự-nhiên, con chưa có mồi-chài gì cả, để cho chàng khỏi mê hồn ; nếu mà con dụng ý ra thì con làm cho chàng mê-đặc như chơi ; đến thế rồi thì không gì gỡ được nữa.

Ông Ô-ngôn. — Mi muốn làm cho mê, cho mần, cho lần, cho quần, cho ngửa, cho nghiêng, cho lăn, cho lóc, rồi muốn bắt-cóc chàng làm chồng, mi làm được, ta cũng cho phép mà !

Li-tiết. — Nếu cứ thế thì con chắc nên công-chuyện đây.

Ông Ô-ngôn. — Nhưng mà ta hỏi : cô mi có nói gì với mi không ? Cô mi xét chàng thế nào ?

Li-tiết. — Cô con với con chưa có lúc nào nói chuyện được cả, vì chàng ấy cứ sán vào con, không dời ; nhưng mà cứ đoán chừng thì con tưởng cô con không được bằng lòng ; con thấy cô con như thơ-thẩn, như buồn-rầu ; con chắc thế nào cô con cũng bảo con khước chàng đi.

Ông Ô-ngôn. — Ta cấm mi không được làm thế đấy. Ta không muốn nói với cô mi ; ta có lẽ riêng muốn để cho hai bên cứ giả-hình thế, vì ta muốn cho cô mi được tự do mà xét chàng. Nhưng tên đầy-tớ chàng thì nó xử ra làm sao ? Nó cũng ngấp-nghé có tình với cô mi chăng ?

Li-tiết. — Thằng cha kỳ lắm ; con xem nó cũng muốn làm bộ với cô con, vì người nó cũng dễ trông ; hết nhìn hết ngắm thời lại thở dài.

Ông Ô-ngôn. — Thế cô mi có ra dáng giận không ?

Li-tiết. — Cô con ra dáng thẹn đỏ mặt.

Ông Ô-ngôn. — Ồ ! Thế thì mày lầm rồi ; thằng ở nó nhìn, việc gì mà thẹn đến thế.

Li-tiết. — Thưa ông, cô con thẹn đỏ mặt thật ạ.

Ông Ô-ngôn. — Thế là tức mình mà đỏ mặt đấy.

Li-tiết. — Nếu thế thì càng hay,

Ông Ô-ngôn. — Này, thế ta bảo nhé, hễ khi nào mi nói chuyện với cô mi thời mi bảo rằng mi ngờ tên đầy-tớ ấy nó nói tốt với cô mi để nó phản chủ nó ; nếu cô mi có tức giận cũng chớ ngại gì ; đã có ta điều-đình. Nhưng chàng Đô-lăng đã tới kia, có ý muốn tìm mi.

Kịch thứ II

Li-tiết, Á-lợi-căn, Ông Ô-ngôn

Á-lợi-căn. — Trời ôi ! tôi tìm qui-nương mãi bây giờ mới được gặp ; tôi tìm khắp mọi nơi, tôi hỏi khắp mọi người. Bẩm tôn-ông, tôn-ông cũng như nhạc-phụ con, con là tôi-tớ tôn-ông.

Ông Ô-ngôn. — Không dám, cậu. Thôi tôi để hai cô cậu với nhau ; nên yêu nhau một chút, rồi lấy nhau mới hay.

Á-lợi-căn. — Thưa, cả hai việc con xin kiêm được cả, ạ.

Ông Ô-ngôn. — Chớ có nầy nóng ; ở lại nhé.

Kịch thứ III

Li-tiết, Á-lợi-căn

Á-lợi-căn. — Thưa qui-nương, ông dặn tôi chớ có nóng nầy ; nhưng ông nói thì mặc ông.

Li-tiết. — Tôi tưởng cậu khoan-khoan phỏng có hại gì ; cậu làm ra bộ nóng-nầy cho nó dễ cảm lòng tôi đấy mà thôi ; cậu vừa mới tới nơi mà ! Tình của cậu đã có đâu nồng-nàn đến thế ; chẳng qua là tình mới nhóm lên mà thôi.

Á-lợi-căn. — Chết nỗi, cô tôi ơi, cô lầm rồi ; chung-tình với một người như cô có thể nào chớ lâu được ; cô mới liếc mắt tôi đã động tình rồi ; cô liếc

mất lần thứ hai, tình tôi đã lớn mạnh, đến lần thứ ba thời thật là trưởng-thành ; ta nên mau-mau mà lập gia-thất cho nó; cô nên chăm-chút cho nó, vì cô chính là người từ-mẫu của nó đó.

LI-TIẾT. — Nào ai có rầy-vò, ruồng-bỏ nó đâu mà cậu nói thế ?

Á-LỢI-CĂN. — Đợi cho nó yên sở, chị hẵng cho nó mượn cái tay trắng đẹp kia, để nó vui-vầy một chút.

LI-TIẾT. — Này, nhãi con lắm, không được thế thì không yên kia.

Á-LỢI-CĂN, *hôn tay Li-tiết.* — Mình ơi, mình yêu mình quí của tôi ơi ! Thật sướng hơn uống rượu mạnh. Nhưng tiếc thay chỉ mới được nhấp-nháp mà thôi !

LI-TIẾT. — Thôi đi cậu ; cậu tham quá.

Á LỢI-CĂN. — Tôi chỉ xin chút đỉnh cầm hơi, để đợi đến ngày duyên hải cá nước.

LI-TIẾT. — Cũng phải có lẽ phải mới được chứ !

Á LỢI-CĂN. — Lẽ phải ! than ôi ! lẽ phải tôi nó đã biến đi đâu mất rồi ; cặp mắt hữu-tình của cô đã ăn cắp mất lẽ phải của tôi rồi.

LI-TIẾT. — Nhưng có lẽ nào chàng yêu tôi đến thế dư ? Tôi không thể tin được.

Á LỢI-CĂN. — Có lẽ hay không có lẽ, tôi không cần gì mà ; nhưng tôi yêu nàng như si như ngốc, nàng cứ soi gương xem thời mới biết tôi nói phải.

LI-TIẾT. — Tôi càng soi gương lại càng thêm bụng nghi - ngờ, thưa chàng ạ.

Á LỢI-CĂN. — Đáng yêu thay lời nói đó ! Cách khiêm - tốn này là cách khiêm-tốn giả !

LI-TIẾT; — Có ai lại kia ; tên người nhà cậu đấy.

Kịch thứ IV

ĐÔ-LĂNG, Á-LỢI-CĂN, LI-TIẾT.

ĐÔ-LĂNG. — Thưa cậu cho con hỏi cậu một tí.

Á-LỢI-CĂN. — Không ; đồ khốn là cái giống tôi-tớ này, nó không để cho mình yên nữa !

LI-TIẾT. — Cậu xem hẳn muốn hỏi gì.

ĐÔ-LĂNG — Con chỉ hỏi cậu một câu thôi.

Á LỢI-CĂN. — Xin qui-nương cho phép, hễ nó hỏi đến câu thứ hai thì câu thứ ba là câu tôi đuổi đó. Nào nói đi,

ĐÔ-LĂNG, *nói nhỏ với Á-lợi-căn vừa nói vừa đạp vào sau lưng một cái trong khi Li-tiết không trông thấy.* — Lại đây, đồ-khốn.

Á-LỢI-CĂN. — *cũng nói nhỏ* — Thế là chửi người ta, chớ không phải nói chuyện rồi . . . (*nói to với Li-tiết*). Xin qui-nương thứ lỗi cho.

LI-TIẾT. — Cậu cứ việc, cậu cứ việc.

ĐÔ-LĂNG, *nói nhỏ.* — Mi phải bỏ những cái cách-bộ này đi nhé ; mi đừng có làm ra mặt chung-tình như thế ; phải ra dáng nghiêm - trang nghĩ-ngợi, và hơi có ý không bằng lòng, nghe chưa ?

Á LỢI-CĂN. — Được, cậu để mặc tôi, cậu không phải ngại, cậu cứ đi đi.

Kịch thứ V

Á-LỢI-CĂN, LI-TIẾT

Á-LỢI-CĂN. — Qui - nương ôi, tôi đương sắp nói những lời hay lời đẹp với qui - nương thì nó đến đâm pha ngay vào, bây giờ tôi không biết nói gì với qui - nương nữa, chỉ biết rằng cái ái-tình tôi đậm - thắm vô-cùng. Nhưng mà nhân nói chuyện tình, tình tôi chẳng biết bao giờ được tình nàng làm bạn

LI-TIẾT. — Nên mong rằng rồi cũng có lúc.

Á-LỢI-CĂN. — Thế theo ý cô thì lúc ấy đã sắp tới chưa ?

LI TIẾT. — Hỏi đường - đột quá, ai biết đâu mà trả lời.

Á-LỢI - CĂN. — Lòng tôi nóng như lửa, tôi phải kêu cứu-hỏa, chứ sao ?

LI-TIẾT. — Tôi cũng muốn trả lời đường-đột, nhưng không biết có nên không. . . .

Á-LỢI-CĂN. — Tôi tưởng nên lắm, cô cứ yên-tâm mà nói.

LI-TIẾT. — Đàn bà phải cẩn-thận, ai lại thế.

Á-LỢI-CĂN. — Cẩn - thận mới chẳng cẩn-thận gì bây giờ ; thế khác còn được nữa là thế.

LI-TIẾT. — Thế thì cậu muốn hỏi gì nào ?

Á-LỢI-CĂN. — Tôi chỉ muốn cô nói với tôi một câu nhỏ rằng cô yêu tôi. Đây này, cô nghe tôi nói nhé : tôi yêu mình lắm ; thế cô cũng nói lại như thế cho nó hưởng-ứng nào.

LI-TIẾT. — Rõ tham - lam quá độ ! Ừ thì nói : Tôi yêu cậu lắm, cậu ạ.

Á-LỢI - CĂN. — Qui - nương ôi, tôi sướng đến chết mất, tôi sướng mà mê-hoảng cả người, trông thấy cái sướng mà sợ. Qui-nương yêu tôi ! nghĩ cũng lạ thật,

LI-TIẾT. — Tôi đây cũng lấy làm lạ rằng cậu có tình với tôi mau như thế. Có lẽ đến khi chúng ta biết nhau hơn thì cậu chắc yêu tôi kém.

Á-LỢI-CĂN. — Đến khi ấy thì tôi đây lại thiệt nhiều, thưa nàng ạ ; một dầy một mỏng, thật là cách xa.

LI-TIẾT. — Chàng cho tôi là người thế nào, thật tôi không đáng.

Á-LỢI-CĂN. — Nàng cũng không biết tôi là người thế nào ; tôi chỉ đáng qui gối mà nói với nàng mới phải.

LI-TIẾT. — Chàng phải biết người ta có số, không tự định tự quyết được.

Á-LỢI-CĂN. — Kẻ làm cha làm mẹ hay tự-tiện xử-quyết.

LI-TIẾT. — Về phần tôi, dù chàng là người thế nào, lòng tôi cũng ưng như vậy.

Á-LỢI - CĂN. — Bây giờ nàng muốn kêu chọn cũng còn được.

LI-TIẾT. — Chẳng hay lòng chàng có được như lòng tôi không ?

Á-LỢI-CĂN. — Tôi ấy thời dẫu nàng là con nhài hay con nụ, dẫu tôi trông thấy nàng tay cầm cái phất - trần, hay xuống hầm để lấy rượu, tôi cũng vẫn coi nàng như Bà Công-chúa vậy.

LI-TIẾT. — Tôi chỉ ước-ao cho cái bụng tốt ấy được bền mãi.

Á-LỢI - CĂN. — Muốn cho hai bên cũng bền một lòng sắt đá, ta nên cùng nhau thề rằng ta yêu nhau mãi-mãi, dù ta viết thư cho nhau có sai mẹo cũng chẳng hề gì.

LI TIẾT. — Thề thế lại lợi cho tôi hơn là cho chàng ; tôi xin bằng lòng thề.

Á-LỢI-CĂN, *qui gối xuống*. — Bụng nàng thật như sông như bể, tôi xin qui gối cám ơn.

LI-TIẾT. — Tôi xin chàng ; tôi không dám để chàng làm thế, trông thấy người ta cười. Xin chàng đứng lên, kìa ai đã đến kia.

Kịch thứ VI

LI-TIẾT, Á-LỢI-CĂN, TÂN-HOA

LI-TIẾT. — Li-tiết, mi muốn gì ?

TÂN-HOA. — Thưa cô, con muốn hỏi cô.

Á-LỢI-CĂN. — Rõ thật ! Lát nữa hẳng lại hãy đi ra, đi cô mình. Con nhài con nụ

xứ tôi không có cái thói chủ không gọi cũng vào.

TÂN-HOA. — Thưa ngài, tôi có việc phải nói với cô tôi ạ.

Á-LỢI-CĂN. — Hay, con ở đâu lại cứng-cổ thế! Mình yêu mình quí của tôi ơi, mình hẳng đuổi nó ra. Này tôi bảo chị hẳng trở ra. Tôi với cô đây có lệnh được yêu nhau rồi mới làm lễ cưới, chị đừng làm dở-dang việc chúng tôi.

LI-TIẾT. — Này Li-tiết, lát nữa hẳng lại, có được không?

TÂN-HOA. — Nhưng, thưa cô . . . .

Á-LỢI-CĂN. — À! Nhưng! cái tiếng *nhưng* ấy là làm cho tôi nổi sốt lên được đó.

TÂN-HOA, *nói riêng*.— Rõ thằng khả-ố quá! (*nói to lên*) Thưa cô, con có việc cần phải hỏi cô.

LI-TIẾT. — Xin phép cậu cho nó nói cho xong chuyện đi.

Á-LỢI-CĂN. — Quỉ nó xui, nàng cũng muốn . . . thì mình phải khoan vậy. Ta hẳng đi bách-bộ để đợi cho nàng chuyện xong. Đồ đày-tớ nó ngu thật, chớ không phải!

Kịch thứ VII

TÂN-HOA, LI-TIẾT

TÂN-HOA. — Ta cũng khen cho mi không đuổi phắt nó đi, để cho cái con vật ấy nó làm nhục ta.

LI-TIẾT. — Thưa cô, cô phải biết cho con không thể đóng hai vai một lúc được; một là làm bà chủ sai-bảo, hai là làm con ở vâng theo, đàng nào phải ra đàng ấy.

TÂN-HOA. — Phải lắm; nhưng nó không có đây thì ta lại làm chủ. Mi coi đó cũng biết rằng ta không ưng cái thằng ấy.

LI-TIẾT. — Cô đã kịp xét kỹ chàng đâu.

TÂN-HOA. — Xét với chẳng xét, mi rõ điên quá! Cách-bộ nó thô-lỗ như thế, lại còn cần phải xét đến hai lần mới biết hay sao? Nói tóm lại là ta không muốn cái người ấy. Xem ý ra cha ta thấy ta không ưa nó không bằng lòng, vì có ý tranh ta và không nói gì với ta cả. Sự-tình như thế, ta nhờ mi làm thế nào cho ta thoát khỏi sự này một cách êm-thấm; mi nên khéo làm thế nào cho gã này biết rằng mi không có hứng-tình muốn lấy nó đâu.

LI-TIẾT. — Thưa cô, con không thể làm thế được.

TÂN-HOA. — Mi không thể làm thế được? Thế ai cấm mi vậy?

LI-TIẾT. — Ông cấm con.

TÂN-HOA. — Ông cấm mi! Lạ! Cha ta làm cái cách thế là nghĩa làm sao?

LI-TIẾT. — Ông nhất-quyết cấm ạ.

TÂN-HOA. — Đã thế thì ta nhờ mi nói cho ông biết rằng ta không ưa chàng đó một chút nào, và không thể làm thế nào cho ta ưa được. Vì ông đã biết như thế mà ông còn cưỡng ép ta thì ta không hiểu làm sao nữa.

LI-TIẾT. — Nhưng, thưa cô, chàng ấy có cái gì xấu mà cô không ưa thế?

TÂN-HOA. — Ta không ưa thì không ưa, chứ sao nữa, mà cái cách mi hững-hờ như thế ta cũng không ưa nốt.

LI-TIẾT. — Cô để cho con xét kỹ xem chàng thế nào; con chỉ xin cô có thế thôi.

TÂN-HOA. — Ta đã ghét hắn lắm rồi, không muốn biết thêm để lại ghét thêm hơn nữa.

LI-TIẾT. — Chàng có thằng hầu coi nó làm bộ-tịch lắm, hay là nó có nói xấu gì chủ nó mà cô ghét đến thế?

TÂN-HOA. — Rõ mi lẩn-thẩn quá, việc gì đến chuyện thằng ở mà nói!

LI-TIẾT. — Nghĩa là con có bụng ngờ thằng ấy, vì nó lý-sự lắm.

TÂN-HOA. — Thôi, đừng bình-phẩm

kẻ nọ người kia nữa ; không cần gì. Ta không để cho thằng ở nó nói chuyện nhiều, nhưng nó nói ít mà nghe nói câu nào cũng là lời phải cả.

LI-TIẾT. — Con tưởng nó có gan dám kể những chuyện con cà con kê để tỏ mình ra người thông-minh.

TÂN-HOA. — Ta đã giả-hình như thế này, chẳng phải nhẫn-nhục mà nghe những lời tán-tỉnh sao ? Mi ghét chi ai vậy ? Sao mi lại cứ đổ oan cho thằng bầu đó, thật nó không đáng ghét chút nào. Mi đã nói oan nó thì ta phải bênh nó ; không việc chi mà phải gây sự lôi-thôi thày tớ họ với nhau, cũng không việc chi phải đổ cho nó cái tiếng oan là đứa gian-giảo để cho ta mang tiếng là người khờ để tai nghe những chuyện dông-dài của nó nói.

LI-TIẾT. — Thôi, thưa nô, cô đã lấy cái giọng bênh hẳn như thế, đến nỗi phát giận lên, thì con không dám nói gì nữa.

TÂN-HOA.— Ta đã lấy cái giọng bênh hẳn như thế ! Hay chửa ! Chính mi nói đấy là cái giọng gì thế ? Mi nói thế là nghĩa làm sao ? Bụng mi nghĩ sao mà nói ra thế ?

LI-TIẾT. — Thưa cô, nghĩa là con không thấy cô bao giờ như bây giờ, và con không hiểu làm sao cô lại gắt-gỏng như vậy. Nếu quả tên đầy-tớ ấy không nói gì thì càng hay lắm ; việc gì cô phải bênh hẳn mà đến giận-dữ như thế? Cô nói sao con tin vậy, thế là xong chuyện ; còn cô có cái ý-kiến tốt về hắn, con có dám nói sao.

TÂN-HOA. — Mày độc-ác quá nhé! Rõ mày đặt để ra cũng khéo thật ! Mày làm ta tức quá. . . , tức đến chảy nước mắt ra được.

LI-TIẾT. — Tôi đặt-để gì, thưa cô ? Cô bảo tôi nói thế là có ý-tứ gì kia chứ?

TÂN-HOA.— À, mày bảo ta nghe mày nói có ý-tứ ! Mày bảo ta gây sự với mày về chuyện hắn ! Mày bảo ta có ý-kiến tốt về hắn ! Mày nhạo-báng ta để thến thì thôi ! Ý-kiến tốt, trời ôi, ý-kiến tốt ! Mày nói thế thì ta biết nói thế nào bây giờ ? Mày nói thế là nghĩa thế nào ? Mày nói với ai mà nỡ nói những câu ấy, hở? Mày thử nghĩ dịch-địa vào người khác có phải đến như ta không ? Thế này là nghĩa làm sao ?

LI-TIẾT. — Nào tôi biết được đấy ; nhưng mà tôi nghe cô nói lạ-lùng quá, không biết bao-giờ cho tỉnh cái lạ này.

TÂN-HOA. — Nó có những cách nói làm cho mình lộn ruột lên. Mày séo ngay ; ta không chịu được mày ; để yên ta đây ; ta sẽ dùng kế khác.

Kịch thứ VIII

TÂN-HOA, *một mình*

Nghe những lời nó nói mà mình còn ghê cả mình. Trong bụng con ở nó đãi mình thật là khinh-nhờn quá ! Thật con ở làm cho nhục-nhẫn cả chủ nhà. Mình nghe nó nói mà điếng cả người ; không dám nghĩ đến những câu nó vừa nói nữa, nghĩ đến mà ghê thay. Mà đầu-đuôi có gì ? Chỉ vì một thằng đứa ở ! Ấy mới lạ chứ ! Thế mà con ấy nó dám nghi-ngờ cho mình, thật là vô-phép quá. À, mà Bộc-kỳ-ngôn đã đến kia, chỉ vì chàng mà ta đến giận-dữ thế này ; nhưng mà, khốn-nạn, có phải lỗi tại chàng đâu ! Ta không nên trách oán chàng.

Kịch thứ IX

ĐÔ-LĂNG, TÂN-HOA

ĐÔ-LĂNG — Li-tiết ơi, dù mình có ý xa-cách ta, ta cũng cần phải nói với mình một đôi lời. Ta tưởng ta có điều phải trách mình.

TÂN-HOA, — Thôi, tôi xin mình, đừng gọi nhau bằng mình bằng ta nữa.

ĐÔ-LĂNG. — Xin tùy-ý mình.

TÂN-HOA. — Tùy-ý mà vẫn cứ gọi.

Đô-lăng. — Thì mình cũng thế; mình vừa mới nói : *tôi xin mình.*

Tân-hoa. — Nghĩa là tôi lỡ lời.

Đô-lăng. — Thế thì tôi cũng xin nói thế nào tiện thì nói ; còn được gặp nhau có một chút nữa, miễn-cưỡng làm chi cho nó phiền.

Tân-hoa. — Thế chủ anh sắp đi à ? Đi cũng chẳng ai tiếc.

Đô-lăng. — Mà tôi đây cũng chẳng ai tiếc, có phải không ? Tôi nói nốt câu cho chị.

Tân-hoa. — Không phải nhờ anh anh ạ, muốn nói thì tôi nói lấy cũng được ; nhưng tôi không nghĩ tới anh.

Đô-lăng. — Tôi thì tôi không khi nào quên chị.

Tân-hoa. — Này, anh Bộc-kỳ-ngôn, tôi nói một lần cho anh hay, anh muốn ở, anh muốn đi, anh muốn lại, tôi cũng chẳng hề gì, mà thật cũng chẳng hề chi cho tôi ; tôi cũng không muốn tốt mà cũng không muốn xấu gì cho anh ; tôi chẳng ghét anh, tôi cũng chẳng yêu anh, và tôi tưởng không bao-giờ tôi yêu anh, trừ khi cái trí tôi nó xoay lệch thế nào không biết. Ấy bụng tôi bây giờ như thế, và cứ lẽ tôi không có thể có bụng khác được, tôi nói với anh như thế này tưởng cũng là quá rồi.

Đô-lăng. — Chị làm khổ tôi vô-cùng. Chị làm cho tôi mất ăn mất ngủ.

Tân-hoa. — Rõ anh này mới kỳ chứ ! Anh làm cho tôi cũng phiền lòng. Anh nên hồi-tỉnh lại. Anh nói với tôi, tôi đáp lại anh ; thế là quá, quá lắm rồi ; anh phải hiểu cho tôi, và nếu anh là người học-thức chắc anh cũng phải bằng lòng vì tôi, chắc anh cũng phải cho tôi là người tốt bụng quá, tôi tưởng người con gái khác mà tốt bụng như tôi thế là không nên đó. Song tôi cũng không hối-hận gì; bụng tôi thành-thực, tôi tự biết tôi làm thế là nên. Vì bụng tử-tế mà tôi mới bắt chuyện với anh ; nhưng mà không thể thế được mãi ; bụng tử-tế ấy phải thoảng-qua mới hay, và tôi đây không phải là người có thể cứ chắc ở bụng mình thành-thực ngay-thẳng được mãi ; để cho đến cùng thời không ra nghĩa-lý gì nữa. Ta nên thôi đi thôi. Anh Bộc-kỳ-ngôn ạ, tôi xin anh, ta nên thôi đi thôi. Thế này là nghĩa thế nào ? Thật là nhạo nhau đó mà thôi. Thôi, ta không nên nói đến chuyện này nữa.

Đô-lăng. — Chị Li-tiết ơi, chị làm tôi khổ quá, chị ơi !

Tân-hoa. — Nào thế anh muốn nói gì với tôi ? Lúc anh mới vào, anh nói rằng anh muốn trách tôi. Vậy thời anh trách điều gì ?

Đô-lăng. — Không có gì đâu ; nghĩa là tôi muốn gặp chị, tôi tìm cớ ra thế mà thôi.

Tân-hoa, *nói riêng*. — Thế thì còn nói gì nữa ? Mình tức mình giận đấy, nó cũng thế mà thôi.

Đô-lăng. — Chủ chị lúc nãy có ý trách tôi rằng tôi nói xấu chủ tôi với chị.

Tân-hoa. — Cô ấy nghĩ thế ; nếu cô ấy còn nói với anh thế nữa, anh cứ chối phăng đi ; còn để mặc tôi.

Đô-lăng. — Không, không phải tôi có cần chi sự đó.

Tân-hoa. — Nếu anh chỉ phải bảo tôi có thế, thì ta không cần gì phải đứng lâu nữa.

Đô-lăng. — Chị hãng để cho tôi được cái sướng nhìn mặt chị.

Tân-hoa. — Ấy mới khéo khéo chứ ! Thế ra tôi đây làm cái trò chơi cho anh Bộc-kỳ-ngôn đấy hẳn ! Có một ngày nghĩ lại những chuyện này, tôi buồn cười đến chết mất.

Đô-lăng. — Chị chế nhạo tôi, chị nói phải đấy : tôi không biết tôi nói gì, cũng không biết hỏi chị cái gì, chị ở lại.

TÂN-HOA. — Không dám, chào anh; anh làm thế là phải đây . . . À, nhân ta chào biệt nhau, tôi muốn hỏi anh một sự này nữa. Anh bảo tôi rằng chủ anh với anh sắp đi, có thực thế không?

ĐÔ-LĂNG. — Về phần tôi thế nào tôi cũng phải đi, không thời óc tôi đến xoay lộn mất.

TÂN-HOA. — Tôi không phải giữ anh lại để anh trả lời thế rồi.

ĐÔ-LĂNG. — Và tôi chỉ lỗi có một điều, là không đi ngay từ lúc mới trông thấy chị.

TÂN-HOA, *nói riêng*. — Lúc nào mình cũng cần phải quên rằng mình nghe nó nói.

ĐÔ-LĂNG. — Nếu chị biết đến cái tâm-sự của tôi . . .

TÂN-HOA. — Thôi đi, tâm-sự của anh không lạ bằng tâm-sự của tôi rồi.

ĐÔ-LĂNG. — Chị trách tôi về nỗi gì? Tôi không có ý làm cho chị động lòng rồi.

TÂN-HOA, *nói riêng*. — Mình không nên tin câu ấy.

ĐÔ-LĂNG. — Mà cho dẫu tôi cố làm cho chị yêu tôi nữa, phỏng tôi có mong được gì không? Than ôi! dẫu được lòng chị cũng không mong mỏi gì.

TÂN-HOA. — Tôi cầu trời tránh cho tôi sự ấy nhé! Cho dẫu anh được lòng tôi, anh cũng không biết. Và tôi sẽ làm thế nào cho chính tôi cũng không biết nữa. Ừ, mà mình nghĩ ra cái ý ngộ chửa!

ĐÔ-LĂNG. — Có thật rằng chị không ghét tôi, không yêu tôi, và chắc cũng không bao giờ yêu tôi không?

TÂN-HOA. — Có khó gì sự đó.

ĐÔ-LĂNG. — Không khó gì! Vậy thời người tôi có cái gì ác-liệt đến thế?

TÂN-HOA. — Không; không phải cái đó nó hại anh.

ĐÔ-LĂNG. — Thế thì chị Li-tiết ôi, tôi van chị, chị nói lại trăm nghìn lần cho tôi rõ rằng không bao giờ chị yêu tôi đâu.

TÂN-HOA. — Thôi, tôi đã nói nhiều lần rồi; anh nên tin lời tôi.

ĐÔ-LĂNG. — Chị bắt tôi tin thì tôi phải tin, nhưng tình tôi đương nồng-nàn, tôi sợ không biết xảy ra thế nào, chị nên làm cho nó tắt nó nguội đi. Chị bảo rằng chị không ghét, không yêu, mà cũng không bao giờ yêu tôi; chị nên nói đi nói lại câu ấy cho tôi phải đành lòng. Thật tôi thành-thực như thế, chị nên ra sức cứu tôi, chị có cứu tôi thì tôi mới thoát được lòng tôi; tôi xin quì gối mà xin chị.

(*Chàng quì gối xuống. Trong lúc bấy giờ, Ông Ô-ngôn và chàng Mã-liễu bước vào, không nói gì cả.*)

Kịch thứ X

ÔNG Ô-NGÔN, MÃ-LIỄU, TÂN-HOA, ĐÔ-LĂNG.

TÂN-HOA — Thôi thế là xong! Chuyện kỳ-khôi này có thế này mới là trọn. Rõ khổ cho tôi chửa! Vì tôi dễ quá, mới đến nỗi này. Anh đứng dậy đi, anh Bộc-kỳ-ngôn, tôi van anh! ngộ có ai đến chăng. Anh muốn bảo tôi nói gì, tôi cũng nói; anh muốn gì bây giờ? Tôi không ghét anh đâu. Anh đứng dậy; tôi có thể yêu anh được, tôi cũng sẵn lòng yêu; không phải tôi không ưa anh đâu. Anh đã bằng lòng chưa?

ĐÔ-LĂNG. — Thế a! Chị Li-tiết ôi, vì tôi không phải là người như thế này, vì tôi giàu-có, sang-trọng, mà tôi cũng yêu chị như tôi yêu chị bây giờ, thì lòng chị cũng không ruồng bỏ tôi chứ?

TÂN-HOA. — Hẳn chứ.

ĐÔ-LĂNG. — Chị sẽ không ghét tôi chứ? Chị sẽ chịu cho tôi yêu chị chứ?

TÂN-HOA. — Được lắm. Nhưng anh đứng lên.

ĐÔ LĂNG. — Tôi xem ra chị nói thực, nếu quả thế thì tôi mê hồn mất rồi.

TÂN-HOA. — Anh muốn sao, tôi nói vậy, mà anh cũng không đứng dậy.

ÔNG Ô-NGÔN, *lại gần*. — Ta đến làm ngăn câu chuyện, cũng phiền thật; được lắm, các con ạ; cố lên!

TÂN-HOA. — Anh ấy cứ qui, con không thể ngăn được. Ông phải biết rằng con không có quyền bắt anh ấy phải nghe con.

ÔNG Ô-NGÔN. — Ta xem hai người vừa đôi lắm; nhưng, Li-tiết này, ra ta bảo một câu, rồi chúng ta đi, hai người lại nói chuyện. Có được không, anh Bộc?

ĐÔ-LĂNG. — Con xin phép ông con đi ra.

ÔNG Ô-NGÔN. — Được anh đi, nhưng từ rầy anh nên nói cậu anh khá-khá một tí, đừng nên nói tệ quá như thế, nhé.

ĐÔ-LĂNG. — Bẩm ông, con ấy ư?

ÔNG Ô-NGÔN. — Chính anh, anh Bộc ạ; người ta nói anh không ra dáng kính-trọng chủ anh lắm.

ĐÔ-LĂNG. — Con không hiểu họ nói thế là nghĩa làm sao.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thôi được, thôi được, anh cứ đi; lần sau sẽ phân-giải cũng được.

Kịch thứ XI

TÂN-HOA, ÔNG Ô-NGÔN, MÃ-LIỄU.

ÔNG Ô-NGÔ. — Thế nào, Tân-hoa, sao con không nhìn cha? Xem con có dáng ngượng-ngập.

TÂN-HOA. — Thưa cha, con? Việc chi mà con ngượng-ngập? Nhờ trời con vẫn như thường, Con mạn phép cha xin nói là cha xét lầm.

MÃ-LIỄU. — Anh chắc là em có sự gì, chắc có sự gì không sai.

TÂN-HOA. — Có sự gì ở trong ý-tưởng anh, chớ trong ý-tưởng em chỉ có sự lạ về lời anh nói đó thôi.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thế ra cái thằng bé vừa ra đó nó có xui giục cho con không ưa chủ nó có phải không?

TÂN-HOA. — Ai? Thằng ở của chàng Đô-lăng ấy ư?

ÔNG Ô-NGÔN. — Phải thằng Bộc-kỳ, ngôn mĩ-miều ấy mà,

TÂN-HOA. — Con chẳng hay thằng Bộc-kỳ-ngôn nó có mĩ-miều hay không, nhưng nó không nói gì với con về chủ nó cả.

ÔNG Ô-NGÔN. — Thế mà người ta nói rằng chính nó nói xấu chủ nó với con, nên ta muốn hỏi con xem đầu đuôi thế nào.

TÂN-HOA. — Cha chẳng cần phải hỏi, thưa cha. Sự con không ưa là sự tự-nhiên, con trông thấy người là con không ưa, chớ không phải ai làm cho con không ưa cả.

MÃ-LIỄU. — Thôi đi, em nói thì nói, chớ cái bụng không ưa ấy nó mạnh quá, không có lẽ là tự-nhiên được, chắc có ai giúp vào đấy.

TÂN-HOA, *có ý gắt*. — Anh nói cái cách úp-mở rõ hay quá! Thế anh bảo ai là người giúp vào đấy? Anh thử nói tôi nghe nào.

MÃ-LIỄU. — Rõ em khó tính quá. Sao em giận-dữ như vậy?

TÂN-HOA. — Vì tôi đã chán cái cách giả dạng mần tuồng thế này rồi. Giá tôi không sợ cha không bằng lòng thì tôi đã xuất-đầu lộ-diện cho hai năm rõ mười rồi.

NG Ô-NGÔN. — Ấy đừng có làm thế, nhé. Ta đến đây là để dặn cho con đó. Cha đã chiều con cho con được phép giả-hình để thử chàng, con cũng phải chiều cha mà đừng vội xét-đoán chàng Đô-lăng như thế, thử xét kỹ xem người ta nói xấu chàng thế có đáng không.

TÂN-HOA. — Vậy ra con nói cha không nghe sao? Con nói rằng không có ai nói xấu chàng với con cả.

MÃ-LIỄU. — Thế nào, thế cái thằng nói lém nó vừa bước ra đó nó không làm cho chán chàng em sao ?

TÂN-HOA, *nói ra dáng nóng nẩy tức mình.*—Rõ những lời anh nói làm cho tôi phiền lòng quá. Anh bảo thằng ấy nó làm cho tôi chán chàng, chán chàng! Sao mà tôi chỉ nghe thấy những lời kỳ-quặc quá ; chỉ nghe thấy những sự quái lạ, những câu dị-thường. Nào là tôi có dáng ngượng-ngập, nào là hẳn có sự gì, nào là thằng Bộc-kỳ-ngôn mĩ-miều nó làm cho tôi chán. Muốn nói sao thì nói, nhưng tôi đây chẳng hiểu gì cả.

MÃ-LIỄU.— Có em lạ thì có. Em tức giận ai vậy ? Việc gì mà em phải nóng nẩy như vậy ? Em nghĩ cha với anh có ý gì ?

TÂN-HOA.— Xin anh cứ việc ! không biết có cái ác-nghiệp gì nó xui anh hễ động nói là làm cho em phiền lòng ? Anh bảo tôi nghi gì? Anh mơ-màng hay sao ?

ÔNG Ô-NGÔN.— Ừ, mà cha xem ra con nóng-nẩy, cha cũng lấy làm lạ. Chắc bởi sự nóng-nẩy ấy nên con Li-tiết nó đã nói với ta như thế. Nó trách thằng-ở ấy không nói tốt cho chủ. Nó lại nói rằng :« Cô con làm mặt giận-dữ mà bênh thằng ở, con lấy làm kỳ quá.» Ta có mắng nó về chữ *kỳ* ấy, nhưng mà kẻ đầy-tớ nó có biết đâu cái nghĩa một chữ nặng nhẹ là thế nào.

TÂN-HOA. — Thật là nó xấc quá ; không thấy đứa nào đáng ghét bằng cái con ấy. Nghĩa là tôi thấy nó nói oan cho thằng ấy mà tôi phải tức mình nổi giận lên.

MÃ-LIỄU. — Anh tưởng cái đó cũng chẳng hại gì.

TÂN-HOA. — Còn có gì thường hơn nữa . Ấy thế mà chỉ vì tôi có bụng công-bằng, chỉ vì tôi không muốn cho ai làm hại ai, chỉ vì tôi không muốn cho tên đầy tớ phải mang lỗi với chủ nó, nó bảo tôi là hay giận-dữ, hay nóng-nẩy, nó lấy thế làm kỳ ! Rồi lại có người bàn lý-sự, bảo phải làm mặt giận-dữ, phải mắng cho nó im đi, phải quyết sao cho nó biết, vì lời nó nói e có quan-hệ ! Quyết sao ! Thế ra tôi cần phải có người bênh tôi, phải có người phân-giải cho tôi hay sao ! Vậy thời việc tôi làm có kẻ chê được sao ! Nhưng mà tôi làm gì kia chứ ? Nào ai trách tôi cái gì ? Tôi xin nói rõ cho hay ; việc này là việc trọng. Có phải định đem tôi làm trò, định đem bêu-diếu không ? Tôi không được an-tâm chút nào cả.

ÔNG Ô-NGÔN — Nói khoan - khoan chứ nào.

TÂN - HOA. — Thưa cha, không thể khoan được ạ. Lạ thật ! Bảo mình kỳ-dị ; lại bảo việc quan-hệ ! Thế là nghĩa thế nào, thử nói tôi nghe nào ! Thằng ở ấy nó không có tội gì, trách nó là trách lầm. Cha cũng lầm, anh cũng lầm, mà con Li-tiết là con điên. Thằng ở ấy nó vô-tội, thế là xong chuyện cả. Còn việc gì phải nói đi nói lại mãi. Rõ mình tức đến cổ.

ÔNG Ô-NGÔN. — Con cố nhịn, giá không thì gây sự cả với cha chắc. Nhưng mà không làm gì cái đó, ta phải xét cho đến nơi ; nội đây chỉ có thằng ở ấy là khả-nghi hơn cả, bất-nhược bảo chàng Đô-lăng đuổi quách nó đi.

TÂN-HOA. — Rõ giả-hình với giả-dạng đã khổ chưa! Nhất là tôi xin đừng cho con Li-tiết nó đến gần tôi nữa ; tôi ghét nó hơn là ghét gã Đô-lăng.

ÔNG Ô-NGÔN. — Tùy ý con muốn cho nó đến thời cho ; nhưng mà đuổi thằng kia đi thì chắc con phải bằng lòng ; vì xem ra nó có tình với con và nó làm phiền con.

TÂN-HOA. — Đuổi thì đuổi, có việc

chi mà con phải phàn-nàn ; nó tưởng con là đứa ở nó mới nói cái giọng ấy ; nhưng mà con cấm ngay không để cho nó nói lộ cái ý của nó.

MÃ-LIỄU. — Em nói thế, chứ xem ra em không cấm nổi rồi.

ÔNG Ô-NGÔN. — Ừ, chẳng thấy thằng ấy nó qui trước mặt con mà con không ngăn được đấy à ? Muốn bảo nó đứng dậy, con chẳng phải chiều nó mà nói với nó rằng con cũng ưa nó ư ?

TÂN-HOA, *nói riêng*. — Tôi tức chết mất !

MÃ-LIỄU. — Lại khi nó hỏi em có sẵn lòng yêu nó không, em phải trả lời một cách êm-ái rằng : « Sẵn lòng », không thời nó còn qui nữa.

TÂN-HOA. — Anh điểm thêm câu ấy cũng khéo thật ! Nhưng mà câu chuyện đã vô-duyên thì câu điểm thêm vào cũng vô-duyên, anh ạ. Thôi đi anh, nói chuyện thật, không nói bỡn nữa ; anh lấy tôi làm trò đến bao giờ mới thôi ?

ÔNG Ô-NGÔN. — Con ạ, cha chỉ ép con một điều, là trước khi khước chàng, con phải xét cho kỹ đã. Con nên khoan-khoan một chút, sau này con sẽ cám ơn cha vì lời khuyên ấy, cha chắc thế.

MÃ-LIỄU. — Anh dám đoán trước rằng thế nào em cũng sẽ lấy chàng Đô-lăng, và vui lòng mà lấy . . . Nhưng, thưa cha, con xin cha khoan-dung cho thằng đầy-tớ..

TÂN-HOA. — Thế nào lại khoan-dung ? Tôi, tôi muốn nó đi ngay tức-thì.

ÔNG Ô-NGÔN. — Cái đó để tùy chủ nó sẽ định ; thôi chúng ta đi ra.

MÃ-LIỄU. — Em ở lại ; đừng giận anh nhé !

Kịch thứ XII

TÂN-HOA, đứng một mình ; được một chốc, thời chàng ĐÔ-LĂNG vào.

TÂN-HOA. — Lòng tôi áy - náy biết dường nào ! Tôi không biết có cái gì mà tôi bối-rối đến thế. Chuyện này thật làm cho tôi phiền lòng ; tôi trông thấy mặt nào tôi cũng nghi cả. Tôi không bằng lòng ai, tôi cũng không bằng lòng cả tôi nữa.

ĐÔ-LĂNG. — Ấy ! tôi đương tìm chị, chị Li-tiết

TÂN-HOA. — Anh tìm tôi làm gì, tôi đương muốn tránh mặt anh đây.

ĐÔ-LĂNG, *ngăn không cho nàng chạy ra*. — Hằng đứng đấy nào, tôi muốn nói với chị một lần sau cùng nữa ; việc này là việc can-hệ đến chủ chị với chủ tôi.

TÂN-HOA. — Việc họ thì đến nói cho họ nghe, tôi trông thấy anh lần nào anh cũng chỉ làm rầu lòng tôi ; tôi xin anh mặc tôi.

ĐÔ-LĂNG. — Tôi cũng xin chị mặc tôi ; nhưng mà tôi bảo chị hằng nghe tôi đây ; tôi mà nói cái này, rồi chị xem câu chuyện đổi khác cả.

TÂN-HOA. — Ừ, thì cái gì anh nói đi nào ; anh nói gì, tôi nghe đây, vì cái số tôi là cứ phải làm tai với anh mãi.

ĐÔ-LĂNG. — Thế chị có hứa với tôi rằng chị sẽ giữ bí-mật không ?

TÂN-HOA. — Tôi không hề phản ai bao giờ, anh ạ.

ĐÔ-LĂNE. — Việc này là việc kín, tôi nói với chị là tôi có bụng qui chị tôi mới nói.

TÂN-HOA. — Phải ; nhưng mà anh có qui tôi, xin anh đừng nói, vì tôi e anh lại kiếm cớ nói lôi-thôi.

ĐÔ-LĂNG. — Thế là chị lầm, chị ạ ; chị đã hứa với tôi chị sẽ giữ kín ;

để tôi nói nốt, chị thấy tôi ra bộ cảm-động, là vì tôi không thể cầm lòng không yêu chị được.

TÂN-HOA. — Được lắm; tôi đây tôi có thể cầm lòng không nghe anh được, anh ạ; thôi, anh ở lại.

ĐÔ-LĂNG. — Chị hẳng đứng đấy nào; tôi bảo cho chị biết rằng người nói với chị đây, không phải là Bộc-kỳ-ngôn đâu.

TÂN-HOA. — À! thế thì anh là ai?

ĐÔ-LĂNG. — Chị Li ơi, chị xét đây chị mới rõ lòng tôi đã từng đau khổ là dường nào.

TÂN-HOA. — Không nói chuyện lòng anh, nói chuyện anh kia.

ĐÔ-LĂNG. — Có ai đến đấy không?

TÂN-HOA. — Không.

ĐÔ-LĂNG. — Sự tình đã đến thế tôi phải nói cho chị biết; tôi là người chân-chính, tôi không muốn để sự lôi-thôi.

TÂN-HOA. — Phải lắm.

ĐÔ-LĂNG. — Chị phải biết rằng người nói chuyện với chủ chị không phải là người ấy đâu?

TÂN-HOA, *hỏi mau*. — Thế là người nào?

ĐÔ-LĂNG. — Là thằng đầy-tớ.

TÂN-HOA. — Thế rồi sao?

ĐÔ-LĂNG. — Mà tôi đây chính là chàng Đô-lăng.

TÂN-HOA, *nói riêng*. — À, ra bây giờ mình mới biết bụng mình.

ĐÔ-LĂNG. — Tôi muốn mặc giả hình thế này để thử dò xét xem chủ chị là người thế nào, rồi mới hỏi cưới. Lúc tôi đi, ông thân-sinh tôi cũng cho phép tôi làm như thế, nay sự đã xảy ra thế tôi tưởng như tôi ở trong giấc chiêm-bao. Cô chủ tôi phải lấy thì tôi lại ghét con Nhài không thể lấy được thì tôi lại yêu. Bây giờ biết làm thế nào? Tôi nói rõ ngượng thay cho cô chị, nhưng cô chị người cũng tục quá, mê tít thằng ở tôi, nếu cứ để vậy thì đến lấy nó cũng nên. Bây giờ quyết-định thế nào được đây?

TÂN-HAO, *nói riêng*. — Ta hẳng cứ giấu, đừng cho hắn biết vội . . . (*nói to*). Chuyện cũng lạ thật, nhưng mà trước hết con hẳng xin cậu thứ lỗi cho con những lời nói chếch-lệch từ trước đến giờ nhé.

ĐÔ-LĂNG, *nói mau*. — Chị đừng nói thế, chị; chị xin lỗi tôi lại phiền lòng, vì chỉ đủ nhắc lại cho tôi rằng đôi ta địa-vị khác nhau, khiến tôi càng thêm đau-đớn.

TÂN-HOA. — Cậu thật có bụng với tôi dư? Cậu yêu tôi đến thế sao?

ĐÔ-LĂNG. — Tôi yêu chị đến tình-nguyện không lấy vợ nữa, vì không thể lấy được chị làm vợ; chỉ có một điều làm cho tôi an-ủi được đôi chút, là mong rằng chị cũng không đến nỗi ghét tôi.

TÂN-HOA. — Cậu đã có bụng không quản tôi là kẻ hèn mà hạ-cố đến tôi, thật là người dạ cả, tôi cũng muốn lấy tấm lòng này mà trả lại cái bụng kia, song tôi sợ rằng sự đó có điều bất-tiện cho cậu.

ĐÔ-LĂNG. — Chị Li-tiết ơi, người chị đã mĩ-miều như vậy, lòng chị lại cao-thượng hư thế nữa sao?

TÂN-HOA. — Nghe có ai đến. Về việc tên đầy tớ cậu, cậu hẳng cứ khoan-khoan; việc không có cấp đâu đến thế; tôi sẽ gặp cậu, rồi tôi tìm kế giải-quyết cho cậu.

ĐÔ-LĂNG. — Chị khuyên thế nào, tôi sẽ nghe như thế (*chàng bước ra*).

TÂN-HOA. — Mình đương bối-rối không biết nghĩ sao, may được biết tin chàng Đô-lăng chính đấy, thật là hởi dạ.

Kịch thứ XIII

TÀN-HOA, MÃ-LIỄU.

MÃ-LIỄU. — Anh đến tìm em. Lúc nãy anh ra, thấy em có dáng lo-lắng, anh cũng động lòng. Anh muốn giúp cho em khỏi sự phiền lòng; em hãy nghe anh nói đây.

TÀN-HOA, *nói mau.* — Thôi đi anh, còn nhiều sự hay nữa kia !

MÃ-LIỄU. — Sự gì vậy ?

TÀN-HOA. — Người ấy không phải là Bộc-kỳ-ngôn, anh ạ, chính là Đô-lăng đấy.

MÃ-LIỄU. — Người ấy là người nào ?

TÀN-HOA. — Người ấy, ấy mà ; anh ta vừa nói với tôi mới rồi. Anh ta mới ra đó ; chính anh ta nói.

MÃ-LIỄU. — Anh nào vậy?

TÀN-HOA. — Tôi nói thế mà anh không hiểu à?

MÃ-LIỄU. — Anh có hiểu, anh chết nữa!

TÀN-HOA. — Thế anh ra đây với tôi; phải ra tìm cha, bảo cho cha biết. Tôi cũng cần đến anh nữa, anh ạ. Tôi có cái ý này lạ ; anh phải giả lờ anh có tình với tôi. Anh đã nói bỡn mới rồi đấy mà ; nhưng phải giữ cho kín nhé, tôi xin anh nhé ....

MÃ-LIỄU. — Phải, anh giữ kín được, vì anh có biết là chuyện chi.

TÀN-HOA. — Thôi anh lại đây, anh ; đừng đứng lâu mất thì giờ. Thật trần-đời không có chuyện nào kỳ bằng chuyện này.

MÃ-LIỄU. — Tôi cầu trời cho cô này không điên nhé.

(Còn hồi thứ ba nữa)

P.T.C. *dịch*

VĂN-UYỂN

TÙNG-VĂN VẬN-VĂN

Vịnh quả địa-cầu

(luật-thể)

Gió mưa mưa gió mãi bây lâu,
Đã chín đều chưa quả địa-cầu?
Da lẫn xám, đen, vàng, đỏ, trắng,
Múi chia Áo. Á, Mĩ. Phi, Âu.
Văn-minh hoa mới thầy Thoa rắc.
Nhân-nghĩa mầm xưa cụ Khổng gieo.
Gánh nước hòa-bình đem tưới giội,
Mong cho ngon-ngọt hưởng cùng nhau.

Nghĩ đề Hoạn-thị Quan-âm-các

Cây cao trăm thước bốn mùa hoa,
Này cảnh hồ-sơn của Hoạn gia.
Quả phúc vê cho người mệnh-bạc.
Nước đời ai gọi thói tinh-ma.
Lửng lơ thềm quế cung trăng đẹp,
Im lặng cành dương giọt nước sa.
Sắc đó, cô ơi, dễ *không* đó,
Hình con sư-tử lớn chi mà.

Cắt nghĩa phong-lưu

(thủ vĩ ngâm)

Này này ta cắt nghĩa phong-lưu,
Chẳng kể gì sang chẳng kể giàu.
Vững mấy nước cờ ông Tạ-Thạch !
Vui thay chén rượu cụ Nghiên-Phu !
Tiếng tì tiếng trúc miền Giang-tả,
Mùi nguyệt mùi phong giọng Tống-nho.
Cái nghĩa phong-lưu ai đã biết,
Này này ta cắt nghĩa phong-lưu.

Thăm bạn cháy nhà

(cổ thể)

Nực cười bác đồ Cót,
Vận kiền là có một !
Thủa xưa học cụ Đào,
Vách nát nhà cũng dột,
Chở gỗ về làm nhà,
Vừa mới năm nước lụt.

Phen này trời dốt veo.
Nhà nho nghĩ cũng buốt.
Tôi ra hỏi thăm bác,
Ngỡ bác khóc xì-xụt.
Mà bác vẫn cười khì,
Rượu ngon bác lại rót.
Thương thay cái giả-sơn,
Nước sạch cây xanh tốt.
Nước đã cạn hết rồi,
Đá cũng ra gio nốt.
Có đấy chắc rồi không,
Không rồi lại có tuốt.
Vật ở trên thế-gian,
Kể chi tồn với một.
Nước nào lạnh đến óc?
Lửa nào nóng đến ruột?
Oán trời chẳng ích gì,
Vi-thiện ấy là cốt,

Tân cựu ngâm

Tôi là thằng có tân; tôi thấy bạn tôi hay tôi học dần.

Tôi là thằng có cựu; tôi thấy mẹ tôi mắng tôi biết xấu.

Mẹ tôi mắng tôi rằng: Mày sao vội bỏ qui-củ của ông Cao ông Tằng....!

Bạn tôi khuyên tôi nhỉ: Anh là người sinh ra ở nhị-thập thế-kỷ.....!

HÁT-NÓI

Góp nợ

Bệnh phong-lưu biết lấy gì mà chữa; thôi ta ừ góp nợ với non sông. Khi tương-thân, khi tương-ái, lúc tương-phùng; nết danh-sĩ *tùng cắc cắc tùng* làm tự-lạc *Đẩu-tửu thập thiên tứ hoan-hước; thiên kim tán tận hoàn phục lai.* Cuộc chiêm-bao nửa tấm-tức nửa buồn cười; đem hồng-phấn tính tỉnh tình chơi mà khúc-khích. Bằng-hữu viên-lâm, trúc-ti thư-tịch; ngặt-ngòi hơn lợi-lộc với vinh-danh. Trời kia âu khéo chiều mình!

Tặng cô đào Sự

Phố Năng-tĩnh gặp cô đào Sự; tôi với cô gặp-gỡ cũng nực cười! Cô xuân-thu chừng *bất-hoặc* (1) rồi; tôi xấp-xỉ chửa qua hồi *nhi-lập* (2). Danh-kỹ danh-nho luân-hồi âu cũng kiếp; thôi câu văn tiếng hát cũng là duyên. Cô khen tôi là hữu-đạo thiếu-niên; tôi cũng khen cô là thục-hiền lão-kỹ. Vì hạnh vì tài xui nên ưng-ý, nghĩa kim-lan cao hơn nghĩa sắt-cầm. Yêu nhau trao mối đồng-tâm!

Gương Tố-nga

(Suyết-cổ bài văn)

Mấy năm trong cõi đàn bà,
Chữ tân chữ cựu khéo là khác nhau.
Trải qua một cuộc Á Âu,
Những điều trông thấy trước sau ghi [lòng.
Lạ gì bỉ tắc tư thông,
Cựu tân cho thói má hồng xui nên.
Cảo-thơm lần soạn trước đèn,
Kính-đài tân-lục đem truyền sử xanh.
Rằng năm hiện chữ văn-minh,
Bốn phương tấp-nập học-hành mở mang.
Những nhà theo phép Tố-vương (3),
Gia-phong vẫn giữ thường-thường đạo [trung.
Còn thời nữ-giới khai-thông,
Tự-do là hiệu khác dòng nho-gia.

(1) Là 40 tuổi. Có chữ: *tứ thập nhi bất hoặc.*
(2) Là 30 tuổi. Có chữ: *tam thập nhi-lập.*
(3) Tố-Vương là đức Khổng phu-tử, đây là nói những nhà theo cựu-học đạo Khổng.

Chia ra hai hạng tố-nga :
Cựu-nương là chị em là Thị-Tân,
Tân hình-thức cựu tinh-thần,
Mỗi người mỗi vẻ mười phân khác mười:
Tân xem ngoa-ngoắt khác vời,
Lời thưa bạo-dạn tiếng cười nỏ-nang.
Tay dù tay sách nhẹ-nhàng,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.
Cựu thời mộc-mạc thật-thà,
So bề đạng-đột lại là phần hơn.
Lề tang-chức nếp ngữ-ngôn,
Bụt ghen thua chín, cắt hờn kém nhanh.
Một đôi nghiêng nước nghiêng thành,
Đức đành chẳng một, tài đành chia hai.
Phân-minh đôi bức tranh trời,
So bề nùng-đạm biết mùi thiền-thâm.
Qua đường hỏi khách tri-âm,
Cao đê thanh trọc nguyệt-cầm mấy [trương ?
Khúc hài tay lựa nên chương,
Một thiên suyết-cổ lại càng động-nhân.
Phong-lưu hỡi khách hồng-quần,
Tuổi văn quốc-ngữ tới tuần hoạt-kê !

Phụ-luận. — Bài văn này dựng lên hai chữ *tân-cựu* làm mi-mục ; kết lại tám chữ : *Nùng, đạm, thiền, thâm, cao, đê, thanh, trọc* làm chủ-não.

Bước chân ra cửa, thấy những cô khép-nép dịu-dàng, đi hỏi cha, về hỏi chồng, chắc là con cái nhà Tố-vương. Thấy những cô nhanh-chao bạo-dạn, đẹp - đẽ như mây, phớn - phở như trời, chắc là con cái nhà tự-do.

Con cái nhà Tố-vương, mấy nghìn năm nay, cần-thủ lễ-phép, ví như ngọc vô-hà ; ngắm lâu càng xinh, quí đã đành. Con cái nhà Tự do, ví như vô-tuyến-điện, nếu biết tự-do ở trong khuôn đạo-đức, nhờ được cái sức học-vấn tư-tưởng mà truyền ra được chữ văn-minh lại là quí hơn nữa.

Chao ôi ! Cành hoa giải-ngữ, hiện ra ở nhị-thập thế kỷ này, càng mưa càng gió, càng lắm vẻ- nồng-nàn, tuy về phần tạo-hóa tài-giả bồi-chi, song cái lực phát-sinh, ai ôi ! cũng phải nhận mình là chủ xuân mới được.

Duy, thì-buổi là thì-buổi tân-cựu chi-giao, hoa hải-đường hãy còn ngái ngủ. Nếu cựu quá, mộc mạc quá, cũng khi khó chịu. Nếu tân quá, ngoa-ngoắt quá, thiết-tưởng cũng chửa phải nhã-quan.

Tóm lại, vẻ người đạm là đẹp, nùng là xấu ; kiếp người đạm là tiên, nùng là tục, vô luận cựu-học tân-học, sở-đắc phải cho thâm, nếu sở-đắc mà thiền, lại càng làm nguy-hiểm cho xã-hội lắm lắm ! Chao ôi ! cao là thế đấy, đê là thế đấy, thanh bởi vì ai ? trọc bởi vì ai ? Bài văn này không những làm gương cho ai, lại còn nên làm gương cho ai đó nữa.

TÙNG-VÂN

TÚY-VÂN-KHÚC

Tiểu-dẫn

Ở chốn Thần-kinh có 36 thắng-cảnh, cảnh Túy-vân là một thắng-cảnh ở trong số ấy. Túy-vân là một tiểu-đảo ở giữa đầm Hà-trung, có chùa Tư-dung, đình Tiến-Sảng v. v... gồm đủ một phong - cảnh sơn - thủy rất thanh - tú, khiến cho người tao-nhân mặc-khách nối gót lưu-liên đề-vịnh lâm-ly ở đó. Thật là một phong-cảnh rất u-thúy vậy.

Ông Nguyễn Thuyết hiệu Mộng-si là một người danh-sĩ ở Đế-kinh, có tánh cao-thượng, phong nhã, thường ưa chủ-nghĩa chữ *nhân tri*, nên ông đề-vịnh rất nhiều bài trong khi ông lâm-thắng tầm-u. Nay có bài *Túy-vân khúc* lục-đăng sau này và có chú-thích một đôi chữ, toàn là những tiếng ở Trung-kỳ, để gọi cung độc-giả chư-quân-tử nhân-lãm, tưởng cũng mua vui được một vài khoảng vắn vậy.

Vân Bình

Hoa dâng (1) ta viếng chiến-giả.
Một vài bạn ngọc năm ba lá thuyền,
Tách dòng quyên sóng đào lặng - lẽ,
Hạt móc rơi sẽ-sẽ hơi xuân,
Buồm lan chèo quế lăng-xăng,
Rớn mây hoa cỏ mỉa ngần Tiêu Tương.(2)
Khỏi sông Hương trạm đường xa ngất,
Bờ thấp cao xanh ngắt cồn cây.
Bao-la trời bể nước mây,
Sắc chàm mới hớt nhuốm say một màu,
Chiếc ngư-phủ buông câu bãi lục,
Tiếng địch chiều rỗi khúc Thương-Lang. (3)
Giang-hồ lắm thú rảnh-rang,
Kia bầy âu-lộ nghênh-ngang bãi cồn.
Giọng nỉ-non con buôn khéo hát,
Khúc Hải- Hồ (4) rải rác bên sông,
Khách vui ta có chạnh lòng,
Mới, bẩn thế-giới, cũ, vòng giang-sơn.
Nhìn góc bể trăng hừng ló mặt.
Nhạn liệng mù cheo-chắt ói tai. (5)
Xướng ngâm ta nối một bài,
Chung thuyền Lý Quách (6) chen vai
Mạnh Hàn (7).
Thơ rằng :

Trăm hai (8) sông núi vẫn trơ-trơ,
Chiếc bá dòng Tương luống hững-hờ.
Cá mỏng trộ say (9) đường khuyến rượu,
Chài buông tiếng sáo (10) giúp nên thơ.
Giang-hồ cũng đội chung trời đất,
Thị-tứ nào ham lợi sớm trưa.
Vượt bể con con mòi (11) lặng phắc.
Thuyền đưa (12) lí-tí khách năm ba.

Thơ rồi hứng bồi-bàn lang-tạ,
Gõ mạn thuyền hả hả cười ru,
Cuộc đùa ước gái cung Ngô. (13).
Một chèo Tây-Tử (14) năm hồ Phạm-Ly. (51)
Đoái phong-cảnh sơn-kỳ thủy-tú,
Ngó xa xa lố xố non Bùa,
Trông nom chớ đến mô-mô,
Kình (16) chìm bể bắc, cáo (17) dùa non tây.
Trời Nam-Việt càng ngày sáng quắc,
Nhóm mâm sao vặc-vặc chuôi Quê (18),

---

(1) Hoa-dâng tức là chữ niêm hoa = nghĩa là đem hoa đi cúng phật.

(2 Tiêu-Tương là xứ Tiêu-Tương ở Trung-quốc có lắm cảnh tri rất đẹp . — Mỉa ngần Tiêu-Tương tức là giống xứ Tiêu-Tương vậy.

(3) Đường-thi có câu : Thụy khỉ hoản-nhiên thành độc tiếu, sổ thanh ngư địch tại Thương-Lang = nghĩa là khi ngủ dậy mỉm cười mà vui riêng thời nghe một đôi tiếng sáo của kẻ chài thổi ở chốn Thương-Lang.

(4) Hải-hồ = tức là khúc Hải-hồ.

(5) Ói tai = Ói tức là kêu vang.

(6) Xưa có câu : Lý, Quách đồng châu, tức là họ Lý, họ Quách : Lý Ưng, Quách-Thái là hai ông [illegible]nh-sĩ đồng đi một thuyền.

(7) Mạnh-Đồng-giả, Hàng-Thối-Chi = là hai ông danh-sĩ ngày xưa.

(8) Trăm hai sông núi tức là bách nhị sơn-hà.

(9) = Say là cái cọc đóng để mà dân sáo vây cá. — Trộ say tức là từng vạt sáo vi cá vậy, (câu thơ ấy nghĩa là thấy cá mỏng đường như thích khẩu mà uống thêm rượu)

(10) Sáo tức là tiếng sáo thổi của những người kẻ chài, chữ gọi là ngư-địch (câu này nghĩa là nghe tiếng sáo dường như giúp điệu cho ta làm thơ)

(11) Mòi = là lượng sóng nhỏ.

(12) Thuyền-đưa chữ gọi là qua-thuyền = nghĩa là những thuyền nhỏ giống trái dưa trẻ đôi thả trên mặt nước

(13) Cung-Ngô = là cung-điện vua Ngô Trung-quốc đời xưa có lắm cung-nữ đẹp.

(14) Tây-Tử = là bà Tây-Thi vợ vua Ngô-vương nhan sắc rất đẹp.

(15) Phạm-Ly = Là Phạm-Lãi là một ông quan lớn của Việt-vương sai đem nàng Tây-Thi tặng cho Ngô-vương. sau khi nhà Ngô mất; Phạm-Lãi lại đem nàng Tây-Thi đi chơi thuyền, để thưởng thắng-cảnh trong năm hồ ở Trung-quốc-đời ấy có câu : Hiệp Tây-Thi du ngũ-hồ.

(16)-(17) Hai câu ấy chỉ rằng giặc Tây-sơn đã dẹp sạch, nạn Bắc-hải đã lặn yên.

(18)Chuôi-quê = là câu sao Quê là một vị sao lớn vì những bậc Đế-vương.

Cõi bờ rộng mở bốn bề,
Ngai vàng áo rủ (1), xiêm phê (2) chín tầng.

Thơ rằng:

Năm nối năm trăm cõi Việt-Nam,
Bốn dân vui vẻ thú ăn làm.
Thiệt thà lối cũ vì chưa hóa,
Khôn-khéo ngày nay thấy đã ham.
Vàng có nên mười ân bấy lửa.
Xanh kia khéo nhuộm sặm hơn chàm.
Trồng hoa ta giúp công vun-quén.
Mới chắc nương trời mãi mãi thơm.

Chuyện thỏ-thẻ mấy lời cũ mới,
Giọt đồng-hồ thẻ rưới sương mai.
Thuyền dừng bến liễu thảnh-thơi,
Thờ-ơ con ác đã ngời non đông.
Mỏ sóng lặn Tư-dung (3) cửa bể,
Bóng tinh-kỳ (4) Võ đế còn phơi.
Thánh-duyên (5) bia dựng công trời.
Chùa kê mặt phá, tháp ngồi đỉnh non.
Nén hương-nguyện lòng son khấn-vó.
Chiếc lá tìm Đông-độ (6) là đây.
Cửa Không (7) thong-thả tháng ngày,
Chày kình (8) khoan-nhặt phan mây (9) đập-đìu.

Chốn sơ-địa (10) còn nhiều cảnh lạ,
Trăng thường tròn hoa nở rằng-rằng.
Cá khe lẳng kệ tưng-bừng,
Chim hôm chắp cánh về rừng nghe kinh.
Bước đàn-việt (11) dạo quanh đỉnh Túy,
Tiến-sảng (12) đình chốn nghỉ thừa-lương.
Lượt trùm (13) vách phấn trăm chương,
Ngọn hoa xin chắp đôi hàng phía sau.
Mảnh tà-dương đã hầu gác bóng,
Sóng tùng khua đường tống qui-châu.
Ngâm câu phản-trạo Dương-Du (14),
Giang sơn gửi với tóc râu chửa già.

Thơ rằng:

Từng máng (15) Hoa dung (16) có cảnh chùa,
Giang sơn ai khéo vẽ nên đồ.
Trăng dầm bể trẻ tròn (17) đôi bóng.
Hoa nở từng non ngác bốn mùa.
Xấp-xới tàn tùng che tháp nhạn,
Dịu-dàng quạt gió thổi non rùa.
Một chèo nghiêng ngửa quanh trời đất.
Nhân trí (18) là đây lọ ở mô.

. . .

Rêu đệt đường hoa ốc cuốn tròn,
Lên cao trông suốt bể con-con

---

(1)-(2) Áo-rủ, xiêm-phê chữ là: thùy-củng, nghĩa là đời thái-bình áo rủ xiêm phê.

(3) Tư-dung — là tên cửa bể nay đổi lại Tư-hiền.

(4) Cổ-thi có câu: «Võ-đế tinh kỳ tại nhân trung. Câu ấy vì như công nghiệp đức Thế-Tổ Cao-Hoàng». Đế (Gia-long) còn trông thấy ngày nay.

(5) Ở chùa Túy-vân có bia của đức Hiến-tổ dựng tứ-danh là Thánh-duyên.

(6) Đông-độ là tích ông Đạt-mạ thuyền-sư qua nước ta.

(7) Cửa-không = tức là không-môn nghĩa là cõi chùa.

(8)-(9) Chày-kình = là các cái dùi đánh chuông. — Phan-mây = là cái giải phướng của nhà chùa.

(10) Sơ-địa tức là cõi phật chứ nằy ở trong kinh điển-phật.

(11) Đàn-việt trong kinh điển-phật gọi Đàn-na, Dàn-việt — là người đi chùa.

(12) Tiến-sảng-đình — là một cái đình hóng mát tên là tiến-sảng ở núi Túy-vân.

(13) Xưa có ông danh-sĩ khi hàn-vi ở nhờ trong chùa bị khinh bạc phải bỏ đi, khi đi có viết vào vách mấy câu thơ, cách 20 năm về sau ông trở về thời đã vinh-qui lắm, trở lại thăm cảnh chùa ở nhờ cũ thời thấy những câu thơ ông viết ngày xưa nay đã có người qui trọng lấy một thứ lượt rõ thưa mà bích đem trùm những câu thơ ấy, làm cho đẹp lòng ông, vì thấy ông nay đã vinh-qui rồi, nay dùng lượt trùm vách phấn trăm chương tức là nghĩa ấy.

(14) Vương-Du — xưa có ông Vương-Du có cái hứng lạ thường, một hôm ông bảo người nhà chèo thuyền đi thăm bạn, thuyền chèo trót 3 giờ mới tới cửa nhà ông bạn thời ông lại biểu chèo trở lại, người chèo thấy lấy làm lạ hỏi ông. Ông nói rằng: Khi thừa hứng thời ông đến, khi bại hứng thời ông trở lui, cần gì phải gặp bạn mới là thỏa cái hứng vậy.

(15)-(16) Máng — nghĩa là tiếng đồn; Hoa-dung — là tên cảnh chùa ấy.

(17) Bể trẻ nghĩa là Bải-nhi tức là cái dầm cái phá thông-lưu với bể.

(18) Nhân-trí-cách có câu: trí giả nhạo sơn; nhân giả nhạo thủy.

Sóng nhào muôn ngựa đua trên nước.
Đá mọc trăm voi mẹp xó non.
Cỏi phật nghiêm-trang lòng dễ mến
Bia thần chói-lói nét chưa mòn.
Tiếng sanh Tử-Tấn còn mường tượng (1).
Nhớ lối năm xưa dục đề buồn.

. . .

Đi đường (lúc thuyền trở về)

Bến liễu thuyền xuôi nửa buổi chiều,
Buồm no (2) gặp lúc gió Liêu-hiu.
Lục lìa sông ngắm màu đầu vịt (3)
Xanh ngắt làm gio bãi lưỡi mèo.
Dấu ngựa buông cương đường cái thẳng.
Con thuyền nối lái khúc sông eo.
Non Bùa ngoái cỗ dường khe kệ,
Hương phật xa thơm chửa mốc meo

Mộng-sy NGUYỄN-THUYẾT (Huế)

THỜI-ĐÀM

Tòa Nội-các mới bên Pháp. — Đầu năm lấy này, tòa Nội-các của quan BRIAND làm tổng-lý xin từ-chức, quan Giám-quốc đã cử một tòa Nội-các mới, quan nguyên Giám-quốc POINCARÉ làm tổng-lý. Quan POINCARÉ từ khi thôi chức Giám-quốc về vẫn có chân Thượng nghị-viện, ngài vẫn làm báo diễn-thuyết để bàn-bạc về việc nước, nay ngài lại lên cầm quyền-chính, các báo Tây đều đồng-thanh khen là xứng-đáng và thích-hợp với cơ-hội bây giờ lắm. Ngài lên cầm quyền là đảng « quốc-dân đoàn-thể » (*le Bloc national*) được thắng-thế, vì ngài là một tay lĩnh-tụ có thế-lực của đảng ấy. Phần nhiều các quan thuộc về tòa Nội-các trước đều từ-chức hết, duy có quan SARRAUT vẫn giữ bộ Thuộc-địa. Quan SARRAUT là một người sinh việc thuộc-địa nhất bên Đại-Pháp, tưởng tòa Nội-các nào cũng phải cầu đến ngài.

Nay nhân bên qui-quốc mới đổi tòa Nội-các, tưởng nên nói qua mấy câu về phép chính-trị và cách tổ-chức Nội-các ở qui-quốc thế nào, vì nhiều người có lẽ còn chưa hiểu rõ vì cớ sao mà tòa Nội-các thường thay đổi luôn như thế.

Đại-Pháp là một nước dân-chủ, nghĩa là chủ-quyền trong nước là ở cả bàn-dân, chớ không phải ở một ông quân-chủ hay một họ qui-tộc nào. Nhưng mà cả bàn-dân không thể tham-dự việc chính-trị được, nên phải cử những người đại-biểu, để thay dân bàn-định việc nước, tức gọi là các nghị-viên. Phàm người dân dân-ông tự 21 tuổi trở lên đều có quyền bầu-cử, tự 25 tuổi trở đi đều có quyền ứng-cử, chỉ trừ những người có can-án đã mất quyền chính-trị thời không kể. Nghị-viên họp nhau lại thành hai hội, gọi là Hạ-viện và Thượng-viện. Chức-trách của nghị-viên là phải thay mặt dân trước là quyết-nghị mọi việc trong nước đặt thành pháp-luật cho hết thảy mọi người phải theo, sau là giám-đốc đem những công việc cùng pháp-luật ấy thi-hành có trọn vẹn không. Thế gọi là nghị-viện có quyền lập-pháp có quyền giám-đốc. Nhưng những phép ấy lập ra ai là người thi-hành? Phải đặt ra một cái quyền thi-hành luật-pháp, gọi là quyền hành-pháp. Quyền này giao cho một ông quan to nhất trong nước, gọi là quan Giám-quốc hay là quan Tổng-thống, nghĩa là trong tay thống-nhiếp cả các quyền hành-chính trong nước. Quan Giám-quốc do hai nghị-viện họp nhau lại thành Quốc-hội mà bầu-cử lên, nhiệm-kỳ là bảy năm. Nghĩa là cứ lý thời hết thảy mọi quyền-chính trong nước là ở hai nghị-viện do toàn-dân bầu lên, nhưng nghị-viện làm ra luật phép, không có thể lại thi-hành lấy luật-phép ấy được, nên phải giao-ủy cho một người chủ-trương cái quyền thi-hành ấy: người ấy tức là quan Giám-quốc. song một mình quan Giám-quốc coi sao được khắp mọi việc? Tất lại phải ủy quyền cho những người chuyên-trách, tức là các ông Quốc-vụ tổng-trưởng, ta gọi thường là các quan Thượng-thư. Dưới mỗi quan thượng-thư, lại đặt ra các ngạch quan-lại để chuyên giữ các việc. Gồm cả quan Giám-quốc các quan

(1) Tử-Tấn — là ông Hoàng Hầu sơn Tử-Tấn có phong-lưu tài-điệu ngày xưa.
(2) Buồm no — chữ gọi là phàm bảo vì gió thổi nông cánh buồm giống như đủ ăn no bụng.
(3) Cổ-thi có câu : Xuân thủy áp đầu lục.

Thượng-thư và các ngạch quan-lại, gọi là « Chính-phủ ». Nhưng quan Giám-quốc là một người biểu-hiệu cho cả nhà nước đứng cao xa để làm vì, kỷ-thực ít quyền và ít trách ; còn các hàng quan-lại là những bậc thừa-hành, cứ theo lệnh trên mà làm, cũng không có quyền trách to-tát đối với quốc-gia. Cầm quyền thống-trị trong nước chính là các quan Quốc-vụ-tổng-trưởng hay là quan Thượng-thư, quyền thật to và trách rất nặng. Gồm cả các quan Thượng-thư gọi là tòa Nội-các (*le Cabinet*). Tòa Nội-các là do quan Giám-quốc cử-nhiệm để thay quan Giám-quốc, tuân theo pháp-luật mà nghị-viện đặt ra để thi-hành mọi việc chính-trị. Vậy thời tòa Nội-các không những có trách-nhiệm đối với quan Giám-quốc mà thứ nhất là cái trách-nhiệm đối với hai nghị-viện. Hễ khi nào tòa Nội-các không đồng-ý với quan Giám-quốc hay là trái ý với nghị-viện mà nghị-việc chất-vấn đến thời phải xin từ-chức ; thường-thường là bởi nghị-viện chất-vấn mà xin từ-chức là nhiều. Thế là nghị-viện giám-đốc việc hành-chính của Chính-phủ, mà nghị-viện giám-đốc tức là cả quốc-dân giám-đốc ; ấy chính-thể dân-chủ là thế. Đại-biểu của dân không những có quyền lập ra pháp-luật, mà lại có quyền xem-xét cách thi-hành pháp-luật ấy, có được hay được tốt không. Hễ số nhiều trong nghị-viện bỏ vé không bằng lòng thời tòa Nội-các phải đổ. Khi tòa Nội-các đổ thời phải làm thế nào ?

Như trên kia đã nói, quan Giám-quốc lập tức phải cử tòa Nội-các khác. Nhưng cách cử ra thế nào ? Thường-thường thời làm ra nhà-nước này. Quan Giám-quốc hỏi ý hai ông nghị-trưởng hai viện, chọn lấy một ông nghị-viên nào có thế-lực, được số nhiều người tín-phục, giao cho ông ấy tổ-chức tòa Nội-các, mà để cho đứng đầu, gọi là tổng-lý-nội các, hay là thủ-tướng. Ông nghị-viên ấy bấy giờ mới đi họp-tập các anh em đồng-chí trong nghị-viện (hoặc cũng có một đôi khi ở ngoài nghị-viện, nhưng ít lắm) giao cho mỗi người lĩnh một bộ, người lĩnh ngoại-vụ người lĩnh nội-vụ, người lĩnh thuộc-địa người lĩnh lục-quân, người lĩnh hải-quân, v.v., và chính ông thủ-tướng cũng tự-lĩnh một bộ nào đó, tùy ý mình, nhưng thường thường bộ nào quan-trọng hơn nhất. Như hiện bây giờ quan-trọng nhất là việc ngoại-giao, nên ông thủ-tướng nào cũng lĩnh bộ ngoại-vụ. Khi nào tòa Nội-các đã tổ-chức xong, nghĩa là bộ nào đã có người lĩnh đâu vào đấy, bấy giờ ông thủ-tướng mới đệ-trình cho quan Giám-quốc duyệt-y và ký sắc-lệnh bổ-nhiệm.

Đoạn rồi, họp ngay tức-thì, họp cách ít lâu tòa Nội-các mới phải ra tuyên-bố chính-kiến cho nghị-viện biết, đại-khái như tòa Nội-các trước đã bị đổ vì việc gì đó thời tòa Nội-các mới nói rõ mình định giải-quyết việc ấy thế nào. Cũng có một đôi khi, ý-kiến không hợp với nghị-viện, ngay lúc đầu ấy đã bị nghị-viện bỏ vé bất tín-dụng, như thế thời dẫu chưa làm gì cũng phải từ-chức ngay. Bởi thế nên có khi thấy cách một vài tuần lễ mà thay đổi mấy tòa Nội-các là thế.

Những ông Thượng-thư các bộ trong tòa Nội-các đều có « liên-đái trách-nhiệm » (*Responsabilité solidaire*) lẫn với nhau và đối với ông thủ-tướng ; khi nào ông thủ-tướng, hay là một ông nào bị nghị-viện chất-vấn và bỏ vé không bằng lòng, thời không những một ông ấy phải từ-chức mà cả các ông khác cũng phải lui về hết.

Tuy vậy, quanh đi quẩn lại, trong nghị-viện cũng chỉ có ba bốn chục tay lĩnh-tụ sắc-xảo, thay đổi nhau mà lên làm thủ-tướng, hoặc lĩnh các bộ, có khi ở bộ nọ sang bộ kia, có khi vẫn giữ một bộ, có khi lui về ít lâu rồi đến dịp khác lại ra cầm quyền. Như quan Thủ-tướng POINCARÉ mới đây, hồi trước đã từng làm thủ-tướng, làm Nội-các mấy lần, lại làm Giám-quốc mới đây nữa. Trong tòa Nội-các mới này, cũng có nhiều quan Thượng-thư ở tòa cũ sang, và nhất là quan SARRAUT vẫn giữ bộ thuộc-địa.

***

Cuộc công-thải sáu triệu bạc. — Lệ thường ở các nước văn-minh, hễ chánh-phủ cần đến tiền để khởi làm những công-trình lớn mà các thường-khoản mỗi năm không chi đủ, thì phải gọi vốn vay tiền của dân : thế gọi là quốc-trái hay là công-thải. Trong khi chiến-tranh chánh-phủ Đại-Pháp đã từng nhiều lần mộ quốc-trái, lần nào dân Đông-Pháp cũng có dự phần cả. Nhưng đó là quốc-trái của Đại-Pháp ; kỳ này mới chính là Chánh-phủ Đông-pháp ta tự mộ công-thải

trong bản xứ để làm công-việc ở ngay đây. Cuộc công- thải nay mai là mộ bằng bạc, riêng trong bản-xứ, và chủ-đích để làm nốt đường xe-lửa Vinh-Đông-hà. Cách-thức tập-mộ và lợi-ích cho người mua thế nào, trên kia đã nói tường. Ta nên biết rằng cuộc công-thải này là lần thứ-nhất Chánh-phủ gọ đến vốn dân để mở-mang cái việc công-ích to trong nước, chính là một sự thí-nghiệm, hễ thí-nghiệm thành-công thời sự lợi-ích về sau này không biết bao nhiêu mà kể. Chánh-phủ mộ công-thải để làm đường hỏa xa tức cũng như một nhà buôn gọi vốn để kinh-doanh một việc buôn to. Việc buôn đã chắc rằng có lời to, vì ai không hiểu rằng việc làm đường xe lửa là một việc ích-lợi vô cùng.— những người có của hả lại không uên vui lòng mà xuất-vốn ra cho nhiều, vừa chắc-chắn không sợ bao giờ mất mà lại được cuộc công-thải mở theo cách rút số có thể mong rút được trúng-số nhất, thì được lãi gấp trăm gấp nghìn cũng có?

Sao cho nghĩa, lợi song-toàn,
Đồng-bào ta phải lo toan mới là.
Mở mang đường lối hỏa-xa,
Rồi đây Nam Bắc một nhà giao-thông.

Năm mươi đồng bạc là bao,
May ra nhà, cửa, vườn ao mua về.

Cho Nhà-nước vay là chắc nhất và lợi nhất.

Đồng tiền đánh bạc, một được mười thua, thua thì mất vốn, tiền mua công-thải, được kể muôn vàn, vốn lại còn đó, thêm lãi gấp hai.

Bấy lâu mơ tưởng sông Hương,
Nhưng chưa có đường xe-lửa vô ra.
Muốn cho có đường hỏa-xa,
Thì mua công-thải ắt là chóng xong.

Công-thải giá năm mươi đồng,
Một mình không sẵn ta chung vài người.
May ra đến vận gặp thời,
Trúng số một vạn ta thời chia nhau.

Những nhà thầu-khoán, kỹ-nghệ sẽ có lợi vào việc làm đường xe-lửa Vinh Đông-Hà, nên mua nhiều quốc-trái.

Mua trái-phiếu chỉ có lợi không có hại một chút nào, ai không mua cũng là khờ lắm.

Con đường Vinh tới Đông-Hà,
Làm xong xe-lửa thật là tiện thay!
Ai ơi muốn chóng xong ngay,
Thì mua công-thải một tay giúp vào.

Ai ơi, khôn thì mua công-trái, năm mươi đồng bỏ đấy không sao, mà may ra lợi kể hàng vạn.

Mua công-phiếu năm mươi đồng, là kết mối tình thân Nam Bắc, con cháu Hồng-Lạc ta phải nên làm.

Không giúp việc công-ích, thì không phải là dân biết nghĩa-vụ, không mua công-thải thì không phải là người biết làm giàu.

Duy có một việc được nghĩa-lợi song-toàn là mua công-thải.

Ích nước là làm đường hỏa-xa, lợi nhà là trúng số công-thải.

Anh em, hỡi Bắc, Nam, Trung, bỏ tiền mua lấy phiếu công, thực là hai bề ích nước lợi nhà.

Vốn liếng dăm chục, lời-lãi muôn vàn, thế gian ít hội.

Giúp nhà-nước mở đường công-ích, vì đồng-bào mua lấy thân-tình, ai ơi! nên mua công-thải.

Ai ơi muốn hóa giàu ngay,
Thì mua công-thải năm nay làm giàu.
Sông Hương, Núi Ngự là đâu?
Sẵn bạc, sẵn tàu nhân-thế vô chơi.

Vì dân, vì nước vì, mình,
Làm sao cho nghĩa, lợi, tình vẹn ba.

Xuất tiền ra giúp nước nhà,
Anh em Nam, Bắc ai là nghĩa-dân ?

Ai về nhắn chị cùng em,
Tiền mua công-thải như đem bỏ hòm.

Tiền bỏ hòm không lờ không lãi,
Tiền mua công-thải lờ-lãi muôn vàn.

Vừa giúp nước, vừa làm giàu, thế mới là khôn khéo!

TẬP KỶ YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Khánh thành nhà hội - quán và nghênh - tiếp quan Thống-chế Joffre. — Nhà Hội-quán đã làm xong, ngày mồng bảy tháng giêng Tây, tức là mồng mười tháng chạp năm tân-dậu đã làm lễ khánh-thành, nhân có quan Thống-chế JOFFRE sang du-lịch bên Đông-Pháp. Hội được cái hân-hạnh mời ngài đến chứng - kiến lễ khánh - thành. Hôm ấy, ngoài quan Thống-chế, có quan Toàn-quyền LONG, quan Thống-sứ MONGUILLOT, các văn-võ qui-quan đông lắm ; lại có đại-biểu của các hội An-nam, hơn hai mươi hội, cũng đến nghênh - tiếp quan Thống-chế ; còn hội-viên của Hội ta thì vừa ở Hà-thành, vừa ở các tỉnh lại dự hội tới ngót bốn trăm người.

Đúng 3 giờ rưỡi chiều, quan Thống-chế và các qui-quan tới nhà Hội, tòa trị-sự hội khai-trí ra đón, mời các ngài vào trong phòng rộng trông ra bờ hồ Hoàn-kiếm. Các đại-biểu các hội và hội-viên Hội Khai-trí đã sắp hàng đứng sẵn cả hai bên. Khi quan Thống-chế an-tọa rồi thời quan Hội-trưởng Hoàng Trọng - Phu đọc mấy lời nói qua về mục-đích Hội Khai-trí chúc-mừng quan Thống-chế và cám ơn ngài đã có bụng tốt đến chủ-tọa lễ khánh-thành này thật là vẻ-vang cho bản-hội lắm-lắm. Đoạn rồi quan Hội - trưởng dẫn trình các hội-viên trị-sự Hội Khai-trí cùng đại-biểu các hội cho quan Thống-chế. Khi dẫn-trình xong thì các viên trị-sự Hội Khai-trí mời quan Thống-chế, các qui-quan, các đại-biểu các Hội và các hội-viên xuống cái rạp làm ở ngoài sân để thưởng nước chè và bánh ngọt.

Quan Thống-chế ngồi chơi lại ít lâu, rồi ngài ra về, các qui-quan theo sau. Tiệc chè đến năm giờ mới tan, thật là một lễ khánh-thành long-trọng.

Diễn bài « Trưởng - giả học làm sang ». — Nhân Hội Khánh - thành nhà hội-quán và nghênh-tiếp quan Thống-chế, lại thừa dịp bên Pháp làm lễ kỷ-niệm « tam bách chu-niên » ngày sinh-nhật ông MOLIÈRE là một nhà soạn kịch có tiếng của qui-quốc, Hội Khai-trí muốn mở một cuộc mua vui diễn bài « Trưởng-giả học làm sang (*Le Bourgeois gentilhomme*) là một bài kịch hay của ông MOLIÈRE năm xưa ông Nguyễn Văn-Vĩnh đã dịch ra quốc-ngữ. Diễn luôn ba buổi, ngày 9, 10 và 15 Janvier, buổi đầu có quan Thống-chế đến xem, buổi sau cùng lấy rẻ tiền cho học trò các trường xem đông.

Diễn kỳ này toàn là những tay tài-tử, phần nhiều là người có chân Hội. Ông Phạm Văn-Duyệt năm trước đã đóng vai đầu trong bài « Bệnh-tưởng », lần này lại đóng vai đầu trong bài « Trưởng - giả », ai cũng phải khen là tài. Nay không thể nói hết được cái công-phu của các bậc tài-tử đã giúp cho cuộc diễn-kịch này, xin dịch mấy câu bình-phẩm của một nhà nữ-sĩ Pháp đến xem diễn mấy buổi, đăng trong báo *l'Eveil économique* ngày 22 Janvier 1922. Lời bình-phẩm như sau này :

« Tôi xin phép những ông bà nào không có tính cổ-võ tha lỗi cho tôi. Tôi mới xem diễn một bài hí-kịch của Molière dịch ra quốc-ngữ, tôi thật lấy làm hoan-hỉ cổ-võ vô cùng.

« Tôi mới bước chân sang đất Bắc-kỳ này không ngờ đâu được cái thú lạ như thế.

« Tôi xin có lời mừng khen những ông nào chủ-trương xướng-suất ra buổi diễn-kịch đó.

« Tôi tuy không biết một tiếng Annam nào, song tôi có cái cảm-giác rằng bài kịch ấy dịch khéo. Tôi phán-đoán như thế là bởi cái lẽ như sau này.

« Trước buổi diễn lần thứ nhất, tôi đem bài kịch ra đọc lại ; tôi đọc đến đâu, thấy đoạn nào hay buồn cười, có vạch ở dưới để đánh dấu, buổi chiều đến xem diễn, tôi cầm quyển sách theo.

« Đến mỗi chỗ đánh dấu, tôi có ý nhận mặt người xem thì thấy khi ra dáng vui-vẻ, khi ra dáng thích-chí. Thế thì đủ biết rằng người dịch đã dịch được cái tinh-thần trong nguyên-bản và diễn được cái tư-tưởng của cụ Molière ta.

« Tôi xin thú thật rằng tôi thích xem những cuộc diễn-kịch mà người diễn là những tay tài-tử có công nhiệt-thành muốn làm cho thành công.

« Lần này thật là tôi được thích ý : quần áo đã đẹp, người diễn lại tài. Vai nào cũng xứng-đáng cả ; muốn cho công-bằng thời phải khen hết cả các vai, nhưng mà tựu-trung có hai vai là đóng khéo nhất, tức là vai Giu-đăng (ông Phạm Văn-Duyệt đóng) và vai Cô-viên (ông Lê Văn-Thụy đóng).

« Các vai đàn bà có lẽ không được bằng vai đàn ông. Điều đó cũng là lẽ thường. Vai đàn bà là những con hát nhà nghề cả, chắc là không có tây-học như các vai tài-tử đàn ông, lại ăn-bận lối quần áo về thế-kỷ thứ 17, mà không quen thời cũng không khỏi ngượng-ngập. Cho nên xét các vai đàn-bà không nên so-sánh với các vai đàn ông thời mới có thể công-bằng được. Muốn bình-phẩm cho chính-đáng thời chỉ nên xét công-phu khó-nhọc thế nào và kết-quả làm nên thế nào.

« Cái kết-quả chung của cuộc diễn-kịch này thật là đã nên lắm, được lắm »

Tiễn quan cai-trị Lacombe. — Quan cai-trị LACOMBE, có chân hội-đồng trị-sự, mới được mông-bổ về công-sứ tỉnh Vĩnh-long (Nam-kỳ), tòa trị-sự định mời các hội-viên ở Hà-nội góp đặt một tiệc tiễn-biệt ở tại nhà Hội-quán. Tiệc đặt chiều ngày 2 Février tức là mồng 6 tháng giêng ta. Dự tiệc có những ngài như sau này : quan cai-trị Lacombe, quan cai-trị Marty, quan chánh-Tòa Liêm-phóng Jeanbrau, quan chánh Văn-phòng quan Toàn-quyền Chatel, quan Phó văn-Phòng André, quan cai-trị Giudicelli, quan Hội trưởng Hoàng Trọng-Phu, quan Trần Văn-Thông, ông Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Lê-Văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, Nguyễn Quí Toản, Đỗ-Thận, Hoàng Quang-Hương, Bùi Huy-Tín, Nguyễn Bá-Trác, Bạch Thái-Bưởi, Bạch Thái-Sơ, Bạch Văn Lam, Hoàng Kim-Bảng, Mai [illegible]-Lân, Nguyễn Gia-Huy, Nguyễn Huy [illegible]ợi, Nguyễn Văn-thi, Tạ Duy-Tư, Trần Viết-Soạn, Vũ Minh-Châu, Nguyễn Hữu-Qui Nguyễn Văn-Tâm, Nguyễn Văn-Điền, Trần Văn-Quang, Phạm Văn-Khoan.

Khi uống *champagne*, quan Hội-trưởng có nói mấy lời chúc mừng quan Lacombe ; quan Lacombe trả lời lại cám ơn cả các hội-viên.

Việc hội trong tháng vừa qua. — Hội đồng quản-trị có họp hội-đồng ngày 4 Décembre để bàn-bạc về các công việc hội, kỳ hội đồng ấy có đặt hai tiểu hội-đồng về việc nhà hội quán về việc diễn-thuyết. Tiểu hội-đồng coi về việc

nhà hội-quán, thời phải định thể-lệ về cách họp-tập ăn-uống ở nhà hội quán, có các ông như sau này: quan Trần Văn-Thông làm chủ hội-đồng, các hội-viên là ông Phạm Duy-Tốn Nguyễn Qui-Toản Đỗ-Thận, Hoàng Quang-Hương, Trần Viết-Soản, Phạm Mạnh-Xứng, Nguyễn Văn-Tâm, Phạm Văn-Duyệt, Nguyễn Thành. — Tiểu-hội-đồng coi việc diễn thuyết có những ông như sau này: Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Trần Trọng-Kim Đỗ-Thận, Nguyễn Qui-Toản, Lê Thành-Y. Hai tiểu-hội-đồng ấy phải định các chương-trình, rồi trình cho Hội-đồng quản-trị biết, kỳ Hội-đồng ngày 4 Décembre lại định thêm mấy khoản vào điều-lệ về cách-thức nhập hội cho người qui-quốc. Trước kia thời cách-thức ấy cũng giống người bản-quốc. Nay định rằng sẽ lập một hội-đồng bảo-trị (*comité de patronage*), tùy tòa trị-sự xét người qui-quốc ông nào xứng-đáng thời mời vào không theo lệ cũ nữa. Điều này phải đợi đến kỳ đại-hội-đồng thường-niên đem ra bàn và phải trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt y rồi mới thi-hành.

Danh-dự hội-trưởng và danh-dự hội-viên. — Ngày 28 Décembre 1921, bốn ông hội-viên trị-sự thay mặt hội-đồng quản-trị, Hoàng Trọng-Phu, Trần Văn-Thông, Phạm-Quỳnh, Đỗ-Thận, thân-hành đến trường Cao-đẳng y-học, mời quan Giám-đốc Học-chánh Dr Cognacq, hiện mới sung chức Thống-đốc Nam-kỳ, nhận một chân danh-dự hội-trưởng Hội Khai-trí. Ngài khen mục-đích của Hội, cám ơn hội-đồng quản-trị và vui lòng nhận chức danh-dự Hội-trưởng.

Ngày 13 Janvier 1922, tòa trị-sự lại cử bốn ông: Hoàng Trọng-Phu, Nguyễn Hữu-Thu, Phạm-Quỳnh, Lê Văn-Phúc, lên phủ Toàn-quyền mời quan Phó Toàn-quyền Robin, nhận một chân danh-dự Hội-trưởng, ngài cũng vui lòng nhận ngay và ôn-tồn hỏi-han về các công-việc Hội.

Trong tháng Janvier, Hội lại viết thư mời được mấy qui-quan nữa vào chân danh-dự hội-viên: quan nguyên Khâm-sứ Tissot, quan Phó Thống-sứ Bắc-kỳ Poulin, quan Chánh Văn-phòng quan Thống-sứ Alberti. Hiện còn đương mời nhiều ngài nữa, kỳ sau sẽ đăng hết. — Thế là hội-đồng bảo-trị đã bắt đầu nhóm thành vậy.

Quyên vào Hội. — Ông A.R. Fontaine là một nhà đại-thương, chủ Công-ty Rượu Đông-Pháp, mới nhờ quan nguyên Khâm-sứ Tissot chuyển giao cho Hội một món tiền quyên năm trăm đồng (500$) năm ngoái ngài đã quyên cho Hội đứng tên riêng ngài 500$ và đứng tên Công-ty Rượu 500$ nay ngài lại quyên cho 500$ nữa, và hứa cho sách-vở cùng nhật-báo nhiều lắm. Hội có lòng cám ơn ông Fontaine và quan Tissot.

Hội-viên Tây. — Ông Dagbert, chef de bureau à la Direction de l'Instruction publique có giấy nhờ ông Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc xin vào chân chủ-trì Hội. Hội-đồng quản-trị họp ngày 25 Décembre 1921 thuận nhận cho ông vào Hội, theo như điều lệ cũ.

Giấy xin vào Hội. — Từ tháng Janvier đến giờ có những ông kê tên sau này xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong các Hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư vào cho Hội biết:

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Cao Văn-Mĩ, cựu chánh-tổng, xã Gia-hòa, huyện Nam-trực, Nam-định.

2. — Nguyễn Xuân-Vinh, thừa-phái nha Nam-trực, Nam-định.

Hai ông trên này do quan Tổng-đốc Phạm Văn-Thụ giới thiệu.

3. — Đặng Quốc-Giám, tri-huyện Gia-lộc tỉnh Hải-dương.

4. — Lương Văn-Mỹ, ingénieur des Travaux Publics, Saigon.

5. — Nguyễn Tân-Sử, Đốc-phủ de Chợ-lớn

6. — Trần Trinh-Trạch, Conseiller colonial à Bắc-liêu.

7. — Trương Văn-Bền, Conseiller colonial à Cholon.

(*Bốn ông trên này do quan Hội-trưởng giới-thiệu*).

8. — Lê Văn-Thụy, Instituteur secrétaire à la Direction de l'Enseignement au Tonkin, 80 Boulevard Bắc-ninh, Hà-nội.

9. — Nguyễn Văn Tung, Etudiant en Médecine, Hà-nội.

10. — Nguyễn Đức-Đôn, cựu tuần-tổng, xã Yên-dương, huyện Bình-lục, Hà-nam.

11. — Phạm Quang-Diện, nguyên-kỳ hào hội-viên, xã Bồ-xá, huyện Bình-lục, Hà-nam.

12. — Trần Văn-Khánh, chánh-tổng Văn-mỹ, xã Ngô-khê, huyện Bình-lục, Hà-nam.

(*Ba ông trên đây do quan huyện Bình-lục Nguyễn Hợp-Phác giới-thiệu.*)

13. — Nguyễn Đức-Tấn, Interprète-comptable de la maison F, Guillot, 27 Bd Đồng-khách, Hà-nội.

14. — Nguyễn Bá-Ngọc, Patron de la maison Quảng Tân-Hưng, 43 Đồng-khánh, Hà-nội.

(*Hai ông trên đây do ông Hội-viên Nguyễn Đình-Khôi giới-thiệu.*)

15. — Phạm Kiêm-Toàn, hiệu Thuận-Xương, commerçant, Rue de Vân-thị, Ninh-bình.

16. — Phạm Văn-Thư, Instituteur école Doudart de Lagrée, 27 même rue (à l'École même) Hà-nội.

17. — Sư-cụ Mai Tâm-Hỉ, ở chùa Phúc lâm, xã Thâu-thượng, tổng Thân-thượng, huyện Đại-an. Nam-định.

18. — Sư-cụ Nguyễn Hoàng-Đáu, ở chùa Phúc-đồng, xã Nam-trực, tổng Bái-dương, huyện Nam-trực, Nam-định.

19. — Sư-cụ Trương Văn-Tín, ở chùa Phú-ân, xã Phú-thứ, tổng Vân-khôi, huyện Vụ-bản, Nam-định,

20. — Sư cụ Vũ Tất-Thuận, ở chùa Phúc-khánh xã Tam-đăng, tổng An-trung, huyện Đại-an, Nam-định.

21. — Sư cụ Đỗ Thanh - Đăng ở chùa Quang-linh, xã Thụ-ích, tổng Thanh-khê, huyện Đại-an, Nam-định.

22. — Sư cụ Phùng Văn-Thăng, ở chùa Tây-lạc, xã Ngưu-trì, tổng Cổ-gia. huyện Nam-trực. Nam-định.

23. — Sư-cụ Đinh Văn-Diệp, ở chùa Vĩnh-trung, xã Duyên-mậu, huyện An-mô, Ninh-bình.

(*Bảy sư cụ trên đây do ông Hội-Viên Nguyễn Văn-Tiệp giới-thiệu.*

24. — Sa văn-Minh, Tri-châu [illegible] Mộc délégation de Văn-Yên. (*ông này do ông Hội-viên Cần Văn-Oai giới-thiệu*).

25. — Trần Như-Chỉnh, thông-phán tòa Sứ Nam-định (quán xã Nhị-khê Hà-đông).

26. — Vũ-Tòng, Phán-sự sở Hoả-xa Vân-nam (secrétaire principal des ch. de fer du Yunnam) 2 phố Quán-thánh, Hà-nội.

Cliché de Khaoky & Cie Hanoi

Ảnh các ông Phái-viên Bắc-kỳ sau khi bệ-kiến Hoàng-Thương ở cung An-Định